

Số 126

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Ý thức về
tội lỗi
Tr. 20

Lời nói dối
chân thành
Tr. 47

...**Tinh thần**
Nhật Bản
Tr. 52



TÔN HOA SEN



Mái ấm gia đình Việt

Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Dĩ An, Bình Dương

Tel: 0650.3791.791 - Fax: 0650.3791.792

VPĐD: 215-217 Lý Tự Trọng, Q.1, Tp.HCM

Tel: 08.3910.6910 - Fax: 08.3910.6913

www.hoasengroup.vn

QUÁN CHAY

pháp uyển

Nơi thưởng thức ẩm thực chay
tốt sức khỏe, nhẹ tinh thần

17/4 Nguyễn Huy Trừng, Phường 6, Bình Thạnh, TP.HCM
website: www.phapuyen.com, email: lienhe@phapuyen.com
QUÁN CHAY PHÁP UYỂN - ĐT. 35 035 579



creative space
www.creativespace.vn

KHÔNG GIAN SÁNG TẠO

Hotline: 0988 895 798
Phone: (84.8) 6261 5846
<Cần tuyển 2 nhân viên kinh doanh>

THIẾT KẾ Logo, Danh thiếp
Lịch, Tờ rơi, Banner
Brochure,
Catalogue....

46C/56A Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP.HCM / e-mail: info@creativespace.vn

Ẩm Thực Chay
THIÊN DUYÊN

Phước Đức Vạn Đầy Tâm An Lạc

- ☐ Nhận đặt tiệc chay, liên hoan, đám cưới, tiệc
- ☐ Giá 1.000.000vnd/bàn/10 người
(gồm 6 món ăn + tráng miệng)

Địa chỉ:
141 Nguyễn Thị Thập
P. Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

viet-art

HỌA PHẨM : LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỘI HỌA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS

Địa chỉ: 158/29 Nguyễn Văn Đậu, P. 7, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: 84-8-3551 1942 - Fax: 84-8-3510 8212
Email: vietartsupply@gmail.com

DIỆU PHÁP GIẢI THOÁT

Muốn lên Mặt trăng, các phi hành gia phải có phi thuyền và hỏa tiễn. Cũng vậy, muốn “Niệm Phật” được “Nhất tâm bất loạn”, hoặc muốn được như thực Kiến Tánh hay Ngộ đạo, người tu thời nay phải có **DIỆU PHÁP GIẢI THOÁT**, để hạ thủ công phu, thì lúc bấy giờ mới có hy vọng được toại nguyện.

Thật vậy, nếu tôi có ý đồ không tốt làm lầm người tu, tôi xin chịu tội địa ngục **Bạt Thiệp** vô số kiếp. Còn những ai muốn có pháp tu nói trên để tu tập, nên liên hệ với Thiền sư **THÍCH THANH PHƯỚC** ở số 154/34 Nguyễn Biểu, F.2, Q.5, TP. HCM sẽ được tặng miễn phí.

KHÓA THIỀN VIPASSANA 10 NGÀY

Do Thiền sư S.N. Goenka và các Thiền sư phụ tá
giảng dạy theo truyền thống của ngài Sayagyi U Ba Khin

Tại TỈNH XÁ NGỌC THÀNH

37/12 đường 41, khu phố 6, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, TP. HCM

Khóa I: Từ 20/04/2011 ☞ 01/05/2011 (nhằm 18/03 ☞ 29/03 Tân Mão)

Khóa II: Từ 04/05/2011 ☞ 15/05/2011 (nhằm 02/04 ☞ 13/04 Tân Mão)

Khóa III: Từ 02/11/2011 ☞ 13/11/2011 (nhằm 07/10 ☞ 18/10 Tân Mão)

Khóa IV: Từ 16/11/2011 ☞ 27/11/2011 (nhằm 21/10 ☞ 03/11 Tân Mão)

(Được chấp thuận tổ chức theo CV số 89/TGCP-HTQT ngày 21/02/2011 của Ban Tôn Giáo Chính Phủ)

Lưu ý:

Trước khi quyết định nộp đơn,

xin quý vị download và nghiên cứu **Bản Nội Quy Cho Các Khóa Thiền**

<http://sites.google.com/site/vnvipassana/dhammavinnu> (có cả mẫu đơn).

Nhận mẫu đơn, nộp đơn và mọi chi tiết liên quan đến khóa Thiền xin vui lòng liên hệ:

Ban tổ chức khóa thiền Vipassana Việt Nam

Điện thoại: 08 39373410, Di động: 09065 09483

E-mail: dhammavinnu.ghidanh@gmail.com

Địa chỉ: • Tỉnh xã Ngọc Thành (như ghi ở trên, liên hệ Sư cô Huệ Quý)

• Thiền Đình Quan, 220/8 Nguyễn Trọng Tuyển, p. 8, q. Phú Nhuận, TP. HCM



Thiền Vipassana là một phương pháp đơn giản và thực tiễn để đạt được an lạc thực sự cho tâm hồn và đưa đến một cuộc sống hạnh phúc và có ích. Vipassana có nghĩa là nhìn thấy sự việc đúng như thật. Đó là một tiến trình hợp lý để thanh lọc tâm bằng cách tự quan sát.

Đây là một khóa Thiền nội trú 10 ngày hoàn toàn miễn phí

Trong suốt khóa Thiền, phương pháp thực hành sẽ được hướng dẫn tuần tự, tỉ mỉ và mọi sinh hoạt ăn ở, tu tập của thiền sinh được tài trợ bởi những thiền sinh cũ. Sau khi đã hoàn tất ít nhất một khóa Thiền 10 ngày và hưởng được những lợi ích an vui từ khóa Thiền, các thiền sinh cũ có thể đóng góp để giúp cho những người khác cũng có được cơ hội tương tự.

Đây là năm thứ 5 khóa thiền này (sẽ là các khóa 9, 10, 11, 12) được tổ chức tại Việt Nam. TX. Ngọc Thành tổ chức 4 năm liên tiếp.

Trân trọng cung thỉnh chư tôn đức và kính mời quý vị đang tìm cầu một phương pháp giúp an bình nội tâm đến tham dự khóa Thiền.

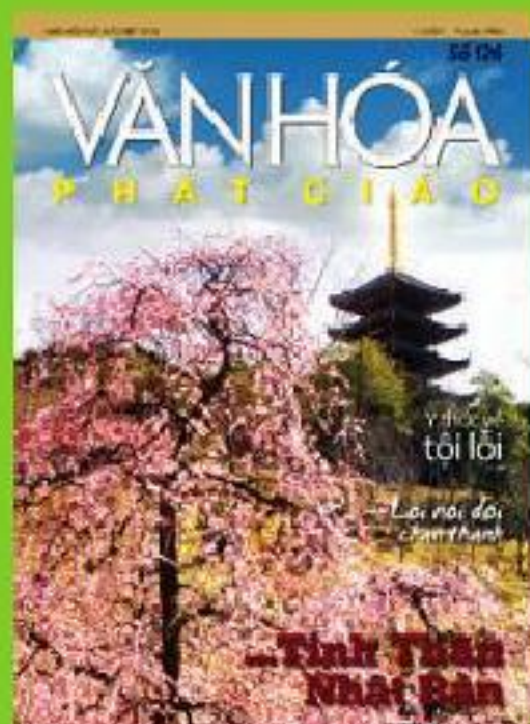
Thời gian nhận đơn:

từ 12/03/2011 đến 15/04/2011 (khóa I, II)

và đến 25/11/2011 (khóa III, IV).

Kính mong được đón tiếp
Trụ trì TX. Ngọc Thành

TKN. Thích Nữ Kiến Liên



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỀN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, DD: 0907 164 066
0914 063 669

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Vài suy nghĩ về Tinh Thần Nhật Bản (Nguyễn Văn Nhật)	3
Sương mai	6
Nhiều tính cách, một tinh thần (Khánh Uyên)	7
Một đặc trưng rất riêng của Phật giáo (Pháp Hiền)	10
Chùa Trúc Lâm với tôi (Hồ Đắc Duy)	14
Bài học từ kiều mạn (Nguyễn Hỷ)	18
Ý thức về tội lỗi (Nguyễn Thế Đăng)	20
Sắc tứ Minh Thiện tự (Trà Kim Long)	23
Ngọn đèn trong cái lu (Tấn Nghĩa)	25
Hoạt Động Toàn Hảo Của Vô Ngã (Taizan Maezumi Roshi, Thị Giới dịch)	28
Mẹ tôi (Nguyễn Mạnh Hùng)	30
Bên triền sông Ô Lâu (Hồ Sĩ Bình)	32
Nắng gió Tây Nguyên (Cao Huy Hóa)	35
Sự hy sinh và hạnh phúc gia đình (Hoang Phong)	38
Nhận thức đa chiều (Phan Minh Đức)	40
Vài suy nghĩ về bạo lực học đường (Nguyễn Đức Hạnh)	42
Lời nói dối chân thành (Hoàng Tá Thích)	44
Con đường đá ong (Đoàn Đại Trí)	46
Mặt trời lặn (Nguyễn Thị Hải)	47
Một kiểu viết thư thời trước (Tường Linh)	48
Thơ	50
Câu chuyện của người không muốn chết (Yei Theodora Ozaki, Lê Mỹ Nương dịch)	52
Giếng Hai quê ngoại (Hoàng Quy)	56
Lời cảm ơn cuộc sống	58
Món chay: Nấm đùi gà kho sả ớt (Hoàng Anh-Phú Xuân)	59

Bìa 1: Tháng Tư hoa đào (một góc nhỏ ảnh Vương Đại diện Phật giáo, Kobe, Nhật Bản). Ảnh: **Buddhist Summit News**.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Tháng Tư được coi là thời gian tươi đẹp nhất hàng năm ở Nhật Bản, khi hoa anh đào trên khắp mọi miền đất nước này đồng loạt nở rộ; ban đầu, từ thời Nại Lương (710-794), là để báo hiệu một mùa thu hoạch phong nhiêu được chào đón bằng những nghi thức trang trọng; về sau, trở thành một lễ hội vui tươi thu hút hầu như mọi người dân Nhật Bản tham dự. Năm nay, ngay trước lễ hội hoa anh đào chưa tới 20 ngày, người Nhật đã chịu một trận động đất kinh hoàng gây nên sóng thần tàn phá cả một miền bờ biển ở vùng Đông bắc. Với những đau thương mất mát lớn lao đến như thế, mặc dù vốn là một dân tộc kiên cường, hẳn người Nhật cũng khó thể có được tâm trạng vui vẻ như mọi năm khi thưởng thức hoa anh đào nở.

Trong những ngày này, nhân dân toàn thế giới, trong đó có nhân dân Việt Nam, vẫn tiếp tục hướng về Nhật Bản với thành tâm chia sẻ, cả về vật chất lẫn tinh thần, trước những đau thương mất mát mà người Nhật còn đang gồng mình gánh chịu. Tất cả chúng ta đều cầu mong cho đất nước Nhật Bản sớm phục hồi trước những hậu quả của thiên tai. Nhưng, cũng chính trong những đau thương mất mát ấy, người Nhật đã giành được sự khâm phục của cả loài người kinh ngạc chứng kiến thái độ bình tĩnh và tự tin của từng con dân Nhật khi đối mặt trước thảm họa. Văn Hóa Phật Giáo xin được cùng với độc giả đóng góp những phần rất nhỏ nhoi của mình trong việc chia sẻ với người dân Nhật. Trong số này, ngoài những mục thường lệ, VHPG có những bài viết liên hệ đến Nhật Bản thể hiện sự quan tâm chân tình và thiện chí muốn học hỏi những nét hay của dân tộc Phù Tang.

Trở lại với sinh hoạt của VHPG, chỉ còn hơn một tháng nữa, chúng ta lại vui mừng chào đón lễ kỷ niệm ngày Khánh đản lần thứ 2555 của Đức Bổn Sư. Chúng tôi kính mong quý vị cộng tác viên và bất kỳ ai có nhã hứng đóng góp cho VHPG sốt sắng gửi đến chúng tôi những bài viết nói lên niềm vui của người con Phật trước ngày lễ Đản sinh. VHPG 128 là số đặc biệt mừng Phật đản sẽ được phát hành vào ngày 1-5-2011. Do vậy, bài vở gửi về cho số đặc biệt Phật đản, xin quý vị lưu ý chuyển đến tòa soạn trước ngày 18-4-2011. Tiếp theo số đặc biệt mừng Phật đản, VHPG 129 phát hành vào ngày 15-5-2011 tuy không là số đặc biệt, nhưng chúng tôi mong muốn có nội dung tập trung về mùa An cư, cũng xin quý cộng tác viên lưu tâm đóng góp bài vở theo chủ đề. Nhân đây, chúng tôi kính mong quý độc giả tiếp tục đóng góp ý kiến cho Ban Biên tập để tờ tạp chí của chúng ta ngày thêm khởi sắc.

Xin thành tâm nguyện cầu Tam bảo gia hộ cho Phật giáo trường tồn, đất nước an lạc và tất cả mọi người đều được khinh an trong niềm vui tu tập.

Văn Hóa Phật Giáo





Tượng Đại Phật, Viên Kotoku, Kamakura. Nguồn: Internet

Vài suy nghĩ về **Tinh thần Nhật Bản**

NGUYỄN VĂN NHẬT

1. Mặc dù bị cô lập giữa đại dương, người Nhật cũng đã biết đến Phật giáo từ khá sớm. Các nhà nghiên cứu cho biết, vào năm 538 hay 552 Tây lịch tùy theo tài liệu tham khảo, một vị thân vương Triều Tiên đã gửi một sứ bộ giao hiếu đến tận triều đình hoàng đế Nhật Bản. Sứ bộ mang theo làm quà tặng một số kinh sách Phật giáo, một bức chân dung Đức Phật, và một lá thư ca ngợi Phật pháp. Ngưỡng mộ phong cách tự tại của các vị Tăng thuộc sứ bộ Triều Tiên, giai cấp cầm quyền Nhật Bản bắt đầu tìm hiểu về đạo Phật. Tuy nhiên, phải đến thời của Nữ hoàng Suiko, dưới ảnh hưởng của vị nhiếp chính vương Shotoku (Thánh Đức Thái tử, 592-628), đạo Phật mới được chính thức chấp nhận là quốc giáo. Triều đại của Nữ hoàng Suiko khuyến khích việc thể hiện giáo pháp của Đức Phật dưới các hình thức nghệ thuật, các công cuộc từ thiện và những hoạt động giáo dục. Từ đó cho đến nửa đầu thế

kỷ 12, các tông phái Phật giáo như Du-già tông, Thiên Thai tông, Hoa Nghiêm tông, Chân Ngôn tông, Tịnh Độ tông và Tịnh Độ chân tông lần lượt đóng những vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền văn hóa Nhật. Mặc dù trước đó, người Nhật đã có Thần đạo với cả một hệ thống thần thánh được thờ trong các ngôi đền, nhưng vì thiếu một lý thuyết chặt chẽ và không đủ nền tảng tư tưởng đáp ứng nhu cầu tâm linh của con người, Thần đạo đã phải nhường bước cho sự phát triển mạnh mẽ của Phật giáo, cả từ trong triều đình đến ngoài dân chúng. Trong quá trình phát triển của các tông phái Phật giáo, mặc dù mọi lý thuyết căn bản đều được du nhập từ Trung Hoa, Phật giáo Nhật Bản dù thuộc tông phái nào cũng mang đậm phong cách Nhật Bản. Phật giáo Nhật Bản giai đoạn này có khuynh hướng thần bí và trông chờ tha lực, cụ thể là dựa vào sự cứu độ của Đức Phật A-di-đà. Vào

nửa sau thế kỷ thứ 12, một khuynh hướng Phật giáo mới, mạnh mẽ kêu gọi sự chứng ngộ bằng nỗ lực của bản thân hành giả, được du nhập vào đất Nhật. Đó là tư tưởng của các dòng Thiền Lâm Tế và Thiền Tào Động. Mặc dù được ủng hộ bởi các tướng quân và giai cấp võ sĩ đạo, thực ra Thiền tông Nhật Bản không thu hút nhiều Phật tử; tuy vậy, Thiền lại có ảnh hưởng rất lớn trên lối sống của người Nhật cả về sau này. Không những thế, những tông phái Phật giáo khác cũng chịu ảnh hưởng của Thiền về nhiều mặt. Giữa thế kỷ thứ 13 lại xuất hiện Nhật Liên tông khởi xướng bởi ngài Nhật Liên, một vị Tăng có tư tưởng cực đoan, trước đó tu theo Thiền Thai tông, cho rằng hành giả chỉ cần niệm *Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh* cũng đủ chứng ngộ. Mặc dù bị lưu đày nhiều lần cho đến cuối đời, Nhật Liên thu hút được rất nhiều đệ tử và Nhật Liên tông trở thành rất có thế lực, mà sau này, tổ chức Soka Gakkai (Sáng tạo Giá trị) vẫn tiếp tục dòng tư tưởng đó. Trong nhiều thế kỷ tiếp theo, Phật giáo bị cạnh tranh ráo riết bởi Nho giáo và Thần đạo, có lúc Phật giáo đã bị đàn áp; tuy vậy, về phương diện tín ngưỡng, Phật giáo luôn luôn giành được vị trí quan trọng hơn, trong khi Nho giáo nổi bật về vấn đề đạo đức và Thần đạo có ưu thế đối với những hoạt động nghi lễ nhà nước. Cuối thế kỷ thứ 16, người Tây phương bắt đầu đến buôn bán với Nhật Bản, mang theo súng ống và Ki-tô giáo. Ban đầu, các giáo sĩ Ki-tô giáo được tự do truyền đạo, nhưng khi giới cầm quyền Nhật Bản nghi ngờ các giáo sĩ có tham vọng đất đai, việc cấm đạo Ki-tô đã được thi hành rất nghiêm ngặt. Vào thế kỷ thứ 17, quyền lực của hoàng gia rơi vào tay các tướng quân, gọi là Mạc phủ, kéo dài hơn 200 năm. Đến giữa thế kỷ thứ 19, người Nhật tìm cách phục hưng quyền lực của hoàng gia để có thể huy động toàn thể dân chúng chống lại những áp lực của phương Tây, thời Minh Trị ra đời (1868-1912). Đây là giai đoạn Phật giáo bị lợi là để đề cao Thần đạo, vì trong Thần đạo, Hoàng đế Nhật bản được coi là đại diện cho thần linh. Tuy nhiên, đến lúc ấy, Phật giáo đã gắn chặt với lịch sử và văn hóa Nhật; do đó, Phật giáo vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến mọi sinh hoạt của người Nhật. Tóm lại, Phật giáo đã cùng với Thần đạo xây dựng nên tính cách con người Nhật Bản. Từ sau thời Minh Trị, Nhật Bản trở thành một xã hội hoàn toàn thế tục. Trong lĩnh vực giáo dục, học sinh không có điều kiện tìm hiểu về tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng. Ngày nay, du khách đến Nhật có cảm tưởng người Nhật không quan tâm đến vấn đề tín ngưỡng, trừ khi họ trực tiếp đối mặt với cái chết của người thân. Nhật Bản là quốc gia duy nhất tuy chậm chân trong cuộc cách mạng kỹ nghệ nhưng đã có mặt trên vũ đài quốc tế ngay từ đầu thế kỷ 20. Nhật Bản cũng là quốc gia duy nhất đã hứng chịu hai quả bom nguyên tử trước khi kết thúc trận Thế chiến lần thứ hai. Giữa hai trận Thế chiến, trong lúc các dân tộc châu Á tìm cách phục hưng những giá trị văn hóa truyền thống thì Nhật Bản vẫn giữ vững được những giá trị ấy và đã bước đầu xuất cảng tư tưởng Phật giáo sang phương Tây.

2. Vào lúc 14 giờ 46 phút giờ Nhật Bản ngày 11 tháng Ba năm 2011, đã xảy ra một cơn địa chấn 9 độ Richter với tâm chấn ở độ sâu 32km dưới đáy biển ngoài khơi vùng Đông bắc Nhật Bản cách bờ Đông bán đảo Oshika khoảng 72km. Cơn địa chấn ban đầu chỉ kéo dài 6 phút. Không đầy nửa tiếng sau, sóng thần với những lượn sóng cao đến hơn 10m đổ ập vào một loạt những thành phố và thị xã ven biển. Chỉ trong thoáng chốc, những thành phố mỹ lệ, những khu thương mại sầm uất, những vùng công nghiệp hiện đại và cả những bệnh viện, trường học... biến thành những đồng gạch vụn rồi bị nước tràn đến đẩy tất cả vào sâu hơn trong đất liền và kéo hàng loạt xác chết ra bờ biển. Chỉ trong thoáng chốc, cả một vùng rộng lớn ven bờ biển Đông bắc Nhật Bản chìm trong tang tóc. Những con người mới vài phút trước đó vẫn quen với những tiện nghi hiện đại nhất của loài người, nếu sống sót, đã phải đối mặt với hoàn cảnh tồi tệ nhất: không điện không nước không hơi đốt, không phương tiện thông tin liên lạc vận chuyển, mắc kẹt giữa các đồng đồ nát mà chung quanh la liệt xác chết. Động đất còn làm rung chuyển nhà máy điện nguyên tử Fukushima, có khả năng gây nên một thảm họa hạt nhân. Ngay lập tức, hệ thống khắc phục thảm họa của Nhật Bản khởi động. Ưu tiên một là cứu những người còn mắc kẹt trong những đồng đồ nát, đưa người dân còn lại đến nơi an toàn và cố gắng ngăn chặn sự rò rỉ phóng xạ có thể phát ra từ các lò phản ứng nguyên tử. Lực lượng cứu hộ lao vào tất cả những nơi nghi ngờ có người sống sót lùng sục tìm kiếm. Đồng thời, những đơn vị phụ trách việc di tản lập tức tìm mọi cách đưa gần cả triệu người ở các vùng lân cận ra khỏi nơi nguy hiểm. Và những hình ảnh vừa thương tâm, vừa đáng kinh phục đã được truyền đi trên khắp thế giới cho thấy, ngay trong thảm họa, kể cả trẻ em Nhật Bản cũng bình tĩnh tuân theo sự chỉ dẫn của người có trách nhiệm để tìm đến chỗ an toàn. Hàng cứu trợ cũng lập tức được vận chuyển đến vì ngay cả nước uống cũng thiếu ở những nơi tập trung dân. Thế giới đã ngạc nhiên khi thấy người dân Nhật Bản chịu đựng thảm họa một cách kiên cường. Không tranh giành, không nôn nóng, không lợi dụng cơ hội để hời của, kiểm soát... Hình ảnh một em bé 9 tuổi mất cha mất mẹ vì động đất đứng xếp hàng chờ phát thực phẩm, sau khi được một viên cảnh sát Nhật gốc Việt phát hiện thương tình dành cho em suất ăn của mình, thay vì ngẫu nhiên ngay suất ăn ấy, lại đem phần ăn nộp vào nơi phân phát thức ăn để mọi người cùng hưởng, đã làm cho nhiều người lớn ở nhiều nơi cảm thấy xấu hổ. Ngay sau thảm họa, giữa lúc người dân Nhật vật vả khắc phục hậu quả của thiên tai thì thời tiết trở nên khắc nghiệt, mưa tuyết rơi ngay trên đầu những người dân đứng xếp hàng chờ được phát hàng cứu trợ. Vậy mà hình như không ai có động thái tranh giành. Nhìn lại lịch sử cận đại của Nhật Bản, người ta đã thấy, từ một đất nước tan hoang vì chiến tranh, bị thua trận, lại bị ảnh hưởng nặng nề về mọi mặt sau khi hứng chịu hai quả bom nguyên

tử, chỉ trong vòng 15 năm từ 1945 đến 1960, Nhật Bản đã vươn lên thành cường quốc kinh tế thứ hai trên thế giới, thực sự đóng góp vào sự phát triển và nền hòa bình ổn định của loài người. Nằm trên vành đai lửa Thái Bình Dương, trong lịch sử của mình, Nhật Bản vẫn luôn luôn hứng chịu vô số thiên tai. Trận động đất Đông bắc năm 2011 này tuy mang lại nhiều đổ vỡ hơn, nhưng với tinh thần Nhật Bản, những hậu quả của nó chắc chắn cũng sẽ được người Nhật khắc phục trong thời gian ngắn. Mặt khác, cả thế giới đã ngưỡng mộ phong cách đương đầu thảm họa của người Nhật.

3. Tìm hiểu về văn hóa Nhật Bản, người ta thấy nổi bật phong cách Thiền trong lối sống Nhật. Thiền có mặt bằng bạc trong trà đạo, hoa đạo, kiếm đạo, cung đạo; Thiền cũng hiện diện trong thi ca, họa phẩm. Ngay cả tiểu thuyết đương đại Nhật Bản cũng có hơi hướng Thiền. Không những thế, các nhà nghiên cứu còn tìm thấy phong vị Thiền trong những hình thức giải trí như kịch Nô chẳng hạn. Phong vị Thiền trong nghệ thuật Nhật Bản nằm ở chỗ cái đẹp luôn được thể hiện như một điều gì đó mong manh, phải thật giữ gìn chăm chút để có được, nhưng con người vẫn không sầu khổ khi cái đẹp đó tan biến. Phải chăng đó chính là ý thức sâu sắc về tính vô thường của vạn pháp? Cái đẹp cũng chỉ xuất hiện khi có sự kết hợp hài hòa của mọi yếu tố cấu thành, nếu thiếu một yếu tố hay có sự thiếu hài hòa của một yếu tố nào đó thì cũng sẽ không tạo nên cái đẹp. Phải chăng đây là ý thức sâu sắc về tính vô ngã và tính tương liên của vạn pháp? Người ta cũng dễ ý thấy rằng khi hai người Nhật gặp nhau, họ luôn luôn cung kính cúi chào nhau; người có địa vị thấp cúi trước và cúi thấp hơn, nhưng người có địa vị cao không hề ngênh ngang tiếp nhận sự cung kính của người dưới, mà cũng thể hiện lòng tôn trọng của mình. Nghĩa là người Nhật luôn biết tôn trọng con người vì họ hiểu mọi người đều bình đẳng, đều có Phật tính như nhau. Những nhận xét đó cùng với những điều minh họa sơ lược về lịch sử Phật giáo Nhật Bản nêu ở trên có thể thuyết phục mọi người đồng tình với quan điểm của một số nhà nghiên cứu, cho rằng tuy xã hội Nhật Bản mang tính thế tục, nhưng thật ra tư tưởng Phật giáo đã ăn sâu bén rễ trong tâm hồn người Nhật. Ngày nay, tuy Phật giáo không còn là quốc giáo ở Nhật Bản, nhưng trên 90% người Nhật tự nhận mình là người theo đạo Phật và có tới hơn 150 tổ chức Phật giáo đang hoạt động được công nhận; có những tổ chức Phật giáo gây được thanh thế quốc tế như tổ chức Soka Gakkai có hơn 12 triệu thành viên khắp thế giới; hoặc mới đây, tổ chức Buddhist Summit Conference do Phật giáo Nhật Bản khởi xướng đã quy tụ được hơn 33 tổ chức thành viên là những tổ chức Phật giáo lớn của 33 quốc gia trên thế giới mà trong đó Phật giáo Việt Nam là một trong những thành viên sáng lập. Điều quan trọng hơn, theo giáo sư Brian Bocking, một chuyên gia về tôn giáo Nhật Bản tại College Cork thuộc Ireland's University thì người Nhật luôn tìm đến với Phật



Một đền thờ Thần đạo gần núi Phú Sĩ. Nguồn: Internet

giáo mỗi khi đối mặt thảm họa, vì có nhiều cách giải thích của Phật giáo về thảm họa mà một trong những điều đó là cộng nghiệp. Cho nên, khi đối diện thảm họa, người Nhật có lẽ không quan tâm đến điều gì cần được thực hiện. Vì đối với người Nhật, điều quan trọng không phải là vì sao thảm họa đã xảy ra mà phải biết phản ứng với thảm họa bằng một đường lối tích cực, phải kiên trì và phải sẵn sàng đối đầu với mọi trở ngại. Người Nhật biết phát triển một thái độ mạnh mẽ, kể cả là vui vẻ trước trở ngại. Những tổ chức Phật giáo chính của Nhật Bản luôn lưu ý người Nhật về cách đối phó trước thảm họa, trong đó, việc phản ứng bằng đường lối tích cực được diễn dịch là giúp đỡ người thân và mọi người chung quanh.

4. Chắc chắn vẫn còn có nhiều yếu tố tâm lý khác góp phần tạo nên tính cách kiên cường của người Nhật khi họ phải đương đầu thảm họa. Tuy nhiên, chúng ta cũng có thể thấy rằng sự thấm nhuần tư tưởng Phật giáo ở xã hội Nhật Bản đã là một trong những yếu tố quan trọng hình thành tính cách ấy. Phật giáo vốn thấy mọi sự luôn thay đổi nên người có học Phật không bàng hoàng trước thay đổi. Phật giáo khẳng định mọi sự vật không có tự tính nên người học Phật dễ dàng buông bỏ những nhu cầu của mình. Phật giáo quan tâm đến sự hài hòa giữa con người với con người và giữa con người với thiên nhiên nên người học Phật không có nhu cầu tranh giành. Phật giáo có phân tích sâu về cộng nghiệp và biệt nghiệp nên khi đứng trước thảm họa, người học Phật an tâm chấp nhận tác động của nghiệp. Người Nhật chỉ biết đến Phật giáo từ thế kỷ thứ 6, nhưng Phật giáo Nhật Bản đã uốn nắn cả nền văn hóa Nhật để hình thành những nhân cách đáng quý của con người, luôn bình tĩnh trước thuận duyên cũng như trong nghịch cảnh. Phải chăng cả một dân tộc Nhật đã đủ tình táo trước sức lay động của tám ngọn gió? Có lẽ người Phật tử Việt Nam chúng ta nên nhìn lại mình, khi chúng ta vẫn tự hào đã có những trung tâm Phật học trước nhất ở Á châu, chỉ sau Ấn Độ, mà vẫn chưa đóng góp được gì rõ rệt cho việc xây dựng một nhân cách Việt xứng đáng với thời đại. ■

***Nếu có dục, có niệm nào nương trên thế tục thì phải
đoạn trừ. Nếu có dục, có niệm nào nương trên vô dục
thì hãy tu tập điều này, phát triển điều này.***

Trung A-hàm, Kinh Mâu-lê-phá-quần-na.

Chùa Bảo Tích,
Bà Rịa-Vũng Tàu

Nhiều tính cách, một tinh thần

KHÁNH UYÊN

Trong một chuyến công tác đến tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, chúng tôi đã tình cờ được biết về quá trình hình thành của hai ngôi chùa vốn một thời nằm sâu trong những vùng đất hoang vu ở hai huyện khác nhau của tỉnh.

Mặc dù mỗi ngôi chùa một tính cách, nhưng những câu chuyện kể về hai ngôi chùa ấy toát lên một tinh thần chung, tinh thần quyết tâm giữ gìn và trao truyền chánh pháp. Hơn nữa, quá trình hình thành hai ngôi chùa còn thể hiện tâm huyết của những vị Ni đã bắt đầu sự nghiệp hoằng pháp của mình từ khi còn trẻ với một ý thức về nguồn rõ rệt. Chắc chắn rằng ở nhiều nơi khác trên đất nước ta cũng có những ngôi chùa như thế mà chúng tôi chưa đủ cơ duyên để biết. Điều quan trọng là khi được biết như vậy, niềm tin vào sự trường tồn của Phật giáo trong lòng người được củng cố một cách mạnh mẽ.

Chùa Bảo Tích, xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc

Xuyên Mộc là một vùng đất ven biển thuộc phủ Phước Long tỉnh Biên Hòa xưa, từng là nơi quản tụ những người dân lưu tán dưới thời Trịnh Nguyễn phân tranh, đến làm ăn sinh sống bên cạnh dân bản địa

thuộc tộc người Châu Ro. Cho đến đầu thế kỷ 20, nơi đây vẫn còn là vùng rừng rậm, dân cư thưa thớt. Ngày nay, nằm ở phía Đông bắc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Xuyên Mộc là một huyện mới phát triển từ vùng đất kinh tế mới sau khi đất nước thống nhất.

Từ năm 1961, Hòa thượng Thích Minh Tâm, một vị Tăng thuộc Tổ đình Ấn Quang Sài Gòn, đã về xã Bàu Lâm dựng lên một mái chùa đơn sơ đặt tên là chùa Hương Tích để mang lại ánh sáng Phật pháp cho người dân Xuyên Mộc. Trong chiến tranh, ngôi chùa này bị tàn phá, ngài Minh Tâm tử nạn trên đường chạy loạn. Sau khi đất nước thống nhất, đất của chùa được xã trưng dụng để tổ chức một trung tâm văn hóa. Trong phong trào xây dựng vùng kinh tế mới, dân từ nhiều nơi đổ về đây lập nghiệp. Với nhu cầu tâm linh, được biết trước đây đất của Trung tâm Văn hóa xã là đất chùa, vào năm 1986, bà con đã thỉnh cầu chính quyền cho tái lập ngôi chùa và được chấp thuận. Từ đó, ngôi chùa, nay có tên là chùa Bảo Tích, được dựng lại tạm bợ bằng tranh tre nứa lá nhưng không có tu sĩ trụ trì. Dân nơi đây cũng đã thỉnh nhiều vị Tăng Ni đến để được nương nhờ oai lực trường tử Phật nhưng các vị đến rồi đi trước cảnh hoang vắng của núi rừng. Trong tình trạng ấy, thể



Chùa Từ Hiếu, Bà Rịa-Vũng Tàu

theo nguyện vọng của Phật tử, Ban Đại diện Phật giáo xã Bàu Lâm đã hiến cúng ngôi chùa cho Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Vào năm 1998, một vị Ni trẻ vừa tốt nghiệp khóa III Học viện Phật giáo Việt Nam TP.HCM đã từ chối một vài cơ hội du học để xin làm nhiệm vụ hoàng pháp và được phân công về chăm sóc chùa Bảo Tích. Ngay trong lần đầu tiên về thăm chùa, cảm động trước tấm lòng ngưỡng vọng giáo lý Phật-đà của Phật tử xã Bàu Lâm, Sư cô Thích Nữ Như Minh đã thấy mình không thể rời bỏ vùng đất hoang sơ này, dù rằng lúc ấy đường vào chùa từ thị xã Bà Rịa vẫn phải đi qua những con đường đất đỏ hoang vắng dài hàng chục cây số, hai bên đường chỉ có rừng cao su và những khoảnh vườn cây ăn trái xắc xờ, mùa nắng mịt mù bụi đỏ, mùa mưa lầy lội đất bùn. Không ngại khó ngại khổ, bằng vào năng lực và tâm huyết, Sư cô đã gây dựng được niềm tin của Phật tử sở tại để cùng với người dân nơi đây chung sức thực hiện nhiều công tác văn hóa, xã hội, từ thiện có hiệu quả. Một trong những hoạt động để lại dấu ấn trong tâm tưởng người dân xã Bàu Lâm là suốt một thời gian dài, hàng tuần, Sư cô Như Minh đã mời được những vị y sĩ, bác sĩ từ TP.HCM về khám bệnh phát thuốc miễn phí cho dân không phân biệt tín ngưỡng. Với cách nói chuyện thuyết phục, người trụ trì trẻ tuổi cũng đã vận động quyên góp những người hăng tâm hăng sản khắp nơi để chia sẻ với các gia đình có khó khăn, những cụ già neo đơn, những trẻ em nghèo hiếu học nơi đây. Ở một nơi còn nhiều khó khăn, Sư cô đã đều đặn duy trì được việc phát học cụ và áo trắng cho học sinh nghèo đi học mỗi kỳ khai giảng. Cùng với những Phật tử trí thức nay bỏ cây bút cầm cái cày, Sư cô đã phát triển hình thức hoạt động Gia đình Phật tử quy tụ các em thanh thiếu niên đến chùa sinh hoạt hàng tuần

và những dịp lễ. Để duy trì hoạt động của tự viện, Sư cô đã cùng Phật tử phát quang đất chùa, trồng cây ăn trái, khoản thu hoạch cũng đủ chi dụng hàng ngày. Nhiệt tâm của Phật tử xã Bàu Lâm cùng với khả năng tổ chức của Sư cô trụ trì chùa Bảo Tích đã được Phật tử gần xa biết đến. Ngôi chùa đã cùng đời sống của người dân xã Bàu Lâm ngày một phát triển. Năm 2007, nhờ sự đóng góp của nhiều người, ngôi chánh điện của chùa Bảo Tích được khởi công xây dựng. Ngày nay, sau bốn năm lao tác, ngôi chùa đã trở nên khang trang, đường bệ, với tòa chánh điện có những đường nét kiến trúc truyền thống. Bên trong chánh điện, những hoa văn chạm trổ tinh xảo và những họa tiết đầy sáng tạo được chính Sư cô trụ trì theo sát những người thợ góp ý cho họ thực hiện đã làm tôn vẻ nghệ thuật của ngôi chùa. Vườn chùa rộng rãi được bao bọc bởi hàng sao cao vút, quanh vườn những hàng mai thẳng tắp, cũng là công trình do chính Sư cô với Phật tử cùng thực hiện, nói lên sức sống thật của một ngôi phạm vũ mới dựng lại. Về phương diện tu tập, chùa Bảo Tích đã quy tụ được chừng gần một trăm Phật tử thường xuyên tham gia những khóa thực hành pháp môn Niệm Phật; hàng tháng có những thời pháp hoặc do Sư cô trụ trì đảm trách, hoặc do các vị giáo thọ được cung thỉnh từ nơi khác đến diễn giảng, thu hút vài trăm người đến nghe; nhờ vậy mà niềm tin chân chính của giới Phật tử Bàu Lâm ngày càng kiên cố. Có thể nói, chùa Bảo Tích đã đáp ứng đúng nhu cầu tâm linh của người dân quanh vùng.

Chùa Từ Hiếu, thôn Quảng Phú, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành

Năm 1984, một vị Ni trẻ rời chùa tổ ở Bình Định vào nương náu Ni viện Kiều Đàm ở làng Vạn Hạnh thuộc tỉnh



Bà Rịa-Vũng Tàu, được tham dự các lớp “gia giáo” do chư Ni thạc đức thời đó tổ chức để nâng cao đạo hạnh cho lớp hậu tấn. Về sau, vị Ni này học thêm và tốt nghiệp lớp Cao đẳng Phật học Đại Tông Lâm. Xét theo dòng truyền thừa thì vị Ni này, Sư cô Thích nữ Minh Khai, thuộc vào hàng pháp tôn đời thứ tư của cố Đại lão Hòa thượng Tăng Thống Thích Tịnh Khiết. Vào năm 1987, do có nguyện vọng lập am riêng để tu tập, Sư cô được quý tôn túc chùa Hộ Pháp thuộc thị trấn Phú Mỹ giao cho một vạt đất rộng 7.000m² thuộc thôn Quảng Phú.

Vạt đất này nguyên là đất trống rừng được chính quyền tỉnh Đồng Nai giao cho chùa Hộ Pháp chăm sóc nhưng đã bị thiêu rụi trong một cuộc cháy rừng và sau đó bị bỏ hoang. Trước vạt đất hoang rậm rạp nham nhở những thân cây cháy dở, không ngại chân yếu tay mềm, Sư cô đã mạnh dạn nhận lời biến nơi đó thành chỗ trao truyền chánh pháp. Cùng đến khai khẩn vạt đất này với Sư cô còn có một vị pháp lữ đóng góp công sức trong bốn năm đầu, sau trở về TP.HCM theo học cao hơn và chẳng may đã qua đời vào năm 1997 sau một tai nạn giao thông.

Những ngày đầu mở chùa, hai vị Ni yếu đuối đã cật lực dọn quang mặt đất, vận chuyển tranh tre nứa lá về dựng một ngôi tịnh thất, đặt tên là tịnh thất Từ Hiếu. Sự tận lực của hai vị Ni đã làm cảm động dân địa phương, cũng đã có những người đến phụ giúp các Sư cô.

Từ khi người pháp lữ rời chùa, Sư cô Minh Khai một mình đảm đương mọi công tác, quan trọng nhất là việc gây dựng niềm tin cho Phật tử và việc tổ chức vận động phương tiện xây chùa. Bước đầu trong quá trình xây chùa, sư cô Minh Khai đã tự thân lo liệu bằng việc đi bán nhang, đi bỏ khăn lạnh cho những nơi có nhu cầu để tích lũy phương tiện mua sắm vật liệu xây cất. Mặc dù vậy, Sư cô không bao giờ bỏ một thời khóa nào. Sư cô cũng luôn suy nghĩ làm thế nào có thể đóng góp một cách thiết thực trong việc nâng cao đời sống, cả về vật chất lẫn tâm linh, cho người dân quanh vùng.

Vào năm 1994, huyện Tân Thành được thành lập, đặt trực thuộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, vùng đất này bắt đầu trở nên nhộn nhịp. Nhất là từ khi Khu công nghiệp Phú Mỹ được xây dựng vào năm 1997, con đường mới được mở ra, tịnh thất Từ Hiếu có điều kiện đón thêm khách phương xa. Năm 2001, sau khi xin được giấy phép xây dựng của chính quyền địa phương và gom góp đủ tài chánh, Sư cô tiến hành xây dựng mới ngôi chánh điện, tịnh thất Từ Hiếu chính thức trở thành chùa Từ Hiếu.

Từ khi có chùa Từ Hiếu, đã có những mảnh đời bất hạnh được Sư cô Minh Khai cứu mang. Một người phụ nữ mang bệnh tâm thần bị người thân bỏ rơi đã được Sư cô đón về nuôi. Ngay trong ngày đầu tiên tới chùa, người này trở bệnh và được Sư cô cứu chữa kịp thời. Sau khi khỏi bệnh, người này xin ở hẳn trong chùa và nhận Sư cô làm người đỡ đầu. Về mặt xã hội, Sư cô tích cực kêu gọi những người hằng tâm hằng sản chia sẻ với những gia đình nghèo khó

tại địa phương, tổ chức các hoạt động từ thiện, thực hiện những bữa ăn từ hỷ. Hiện nay, Sư cô vẫn bận khoăn về việc làm sao có thể tổ chức những khóa tu dành cho cư sĩ giúp họ thực hành lời Phật dạy. Dù sao chăng nữa, với những gì đã làm được, sự có mặt của ngôi chùa đã đem lại niềm an ủi cho người dân nơi đây, nhất là những người công nhân xa nhà đến làm việc quanh Khu công nghiệp Phú Mỹ.

Tấm gương của người mẹ

Sư cô Minh Khai cho biết, Sư cô xuất thân trong một gia đình có năm anh em, cha mất sớm. Người mẹ của Sư cô khi ấy mới 34 tuổi ở vậy một thân một mình nuôi con ăn học; vậy mà tất cả những người con của bà đều tốt nghiệp đại học. Sư cô Minh Khai là con gái lớn của bà, được chính mẹ mình hướng dẫn để xuất gia từ năm mười tuổi. Người em gái của Sư cô Minh Khai vừa học xong phổ thông trung học, sẵn sàng thi vào đại học thì một hôm cũng nảy ý xuất gia và liền được mẹ hoan hỷ chấp nhận. Người đó chính là Sư cô Như Minh trụ trì chùa Bảo Tích vừa được nói đến ở trên. Ngay từ khi còn thơ ấu, các Sư cô cùng với ba người anh em trai đã được mẹ dạy niệm Phật, cả trong lúc an bình lẫn giữa cảnh lửa đạn kinh hoàng của thời chạy loạn. Mặc dù mẹ của các cô phải tần tảo thay cha nuôi năm anh chị em các cô, bà không khi nào quên đi chùa lễ Phật. Sư cô Minh Khai xuất gia lúc còn nhỏ tuổi, bà nghĩ cô không làm được gì cho nhà chùa, sợ tổn phước, bà cứ hàng tháng đội gạo lên chùa cúng dường Tam bảo. Khi các con của bà về trú tại những ngôi chùa ở vùng sâu hẻo lánh, bà tình nguyện về làm công quả cho chùa. Trong việc xây dựng các ngôi chánh điện chùa Từ Hiếu và chùa Bảo Tích, luôn luôn có sự giúp đỡ cần mẫn của bà trong từng công việc nhỏ. Tuy thế, lúc nào bà cũng âm thầm trong chiếc áo dài lam, không màng ai biết đến, lặng lẽ giấu đi sự hiện diện của mình đằng sau hình ảnh của hai người con hết lòng vì Phật pháp.

Nhiều tính cách, một tinh thần

Nếu chùa Bảo Tích phảng phất nét trầm hùng của một chốn phạm vũ uy nghiêm, thì chùa Từ Hiếu tỏ rõ sự phóng khoáng của một mái già lam thân thiết. Nhưng cả hai tính cách đó đều chỉ thể hiện một tinh thần, đó là muốn vươn tới chỗ quy hướng cho đời sống tâm linh của những người dân gần gũi nhất. Phải chăng hai ngôi chùa nói trên đã đáp ứng được phần nào ước muốn về nguồn của những người trí thức Phật tử Việt Nam đầu thế kỷ 21 này? Phải chăng đã đến lúc từng ngôi chùa một cần quan tâm nhiều nhất đến đời sống tâm linh của những cư dân gần gũi nhất với nơi “cắm tích trường” của người trưởng tử Phật, mà hoạt động của hai ngôi chùa kể trên đang cố gắng thực hiện? Quá trình hình thành của mỗi ngôi chùa khác nhau dẫn đến mỗi ngôi chùa một tính cách; nhưng chúng ta mong rằng dù có tính cách nào, sao cho mọi mái chùa đều vỗ về những tình cảm dân tộc vẫn được chuyên chở từ muôn đời trước. ■



Một đặc trưng rất riêng của Phật giáo

PHÁP HIỀN

Điểm chung của các tôn giáo Thần khai là đức tin nơi một Đấng sáng thế, trong khi *Kinh Pháp Cú* (Dhammapada), một trong những kinh phổ biến nhất của Phật giáo, lại mở đầu bằng câu: "Tâm có trước các sự vật, tâm thống quản chúng, sáng tạo ra chúng". Điều đó đủ cho thấy cốt lõi và đặc trưng rất riêng của *đạo Phật là con đường dẫn vào bên trong để gặp lại Bản Tâm của chính mình*

a/ *Phật giáo và 'sáng tạo luận' (creationism)* - Trong rất nhiều những sách viết về Phật giáo và các tôn giáo Đông phương khác bằng ngôn ngữ Tây phương, một

số tác giả Tây phương vẫn dùng những khái niệm tôn giáo theo truyền thống phương Tây để đánh giá các tôn giáo này. Ví dụ, Phật giáo bị xem là "vô thần" (atheism) bởi vì Phật giáo không giải thích nguồn gốc của vũ trụ bằng một 'sáng tạo luận', theo đó thế giới này được tạo ra bởi một "Đấng Tối cao" cai quản thế gian theo ý muốn độc đoán chuyên quyền của mình mà loài người thấp hèn không được quyền thắc mắc hay khiếu nại gì cả.

Thật ra sáng tạo luận chỉ là một trong những giả thiết (chứ không phải là giả thiết duy nhất) giải thích nguồn gốc của đời sống; và đây là đức tin nền tảng của các

tôn giáo phát xuất từ Trung Đông (Middle East). Trong khi đó, khoa học và các tôn giáo Đông phương đưa ra những giải thích khác về nguồn gốc của vũ trụ và đời sống. Một khi ý thức được bối cảnh văn hóa Trung Đông của đức tin này, chúng ta không thể nào chấp nhận cái nhận xét cho rằng Phật giáo là "vô thần" chỉ vì Phật giáo không giải thích nguồn gốc của thế giới và con người theo cùng cách với các tôn giáo Trung Đông ấy. Nhận xét như thế cũng giống như nói rằng: "anh không có những giá trị đạo đức giống tôi thì anh là đồ vô đạo đức"; hoặc như kiểu hỏi: "anh (chị) có đạo không?" – Đưa đến phản ứng: Thưa: "Tôi không có 'đạo', tôi là người 'lương'". – Một người chỉ cần có nửa khối óc cũng đủ thấy nhận xét trên là không công bằng.

Một trong những lý do mà Phật giáo và một số hệ thống triết học Ấn Độ giáo không chấp nhận sáng tạo luận, chủ yếu là bởi vì họ có lập luận triết học tiêu biểu như sau: Không có một sinh thể (being) nào mà mọi mục tiêu đã được thành tựu lại vẫn còn cần phải hành động, bởi vì mục tiêu của hành động là để thỏa mãn một dục vọng nào đó. Ý là: Nếu như có một "Thượng đế", thì đáng này hẳn phải là toàn hảo, và đã toàn hảo thì tất nhiên là không còn có dục vọng nào cần phải thành tựu nữa. Vậy Thượng đế sáng tạo để làm gì? Cần có con người cho đỡ cô đơn chăng? Hay để hưởng thụ một chút quyền lực? Và lại, về mặt triết lý, nếu như quy mọi sự về một nguyên nhân tối hậu, thì cái gì là nguyên nhân của nguyên nhân tối hậu ấy?

Thử hỏi: Thượng đế, hay Đấng tạo thế toàn năng ấy, có thể tạo ra một khối lượng lớn đến nỗi chính mình không cất lên nổi chăng? Và xin hỏi rằng: Đặc tính của Thiên Chúa là năng động (active) hay là bất động (inactive)? Nếu là năng động thì phải là liên tục năng động, như vậy Thượng đế đương nhiên phải là thường hằng (eternal). Thế thì tại sao Thượng đế lại "không làm gì cả" (idle) từ hàng tỷ tỷ năm, mãi cho đến cách đây khoảng sáu ngàn năm (theo Do Thái giáo) mới hoạt động (tạo thế), và vũ trụ lại chỉ hiện hữu trong vài ngàn năm rồi sẽ tận thế vĩnh viễn?

Đó là những lý luận tiêu biểu của một bộ phận tư tưởng Ấn Độ, liệu truyền thống Trung Đông có sẵn lòng dựa trên lối lý luận này để phán xét vũ trụ quan của mình không? Tất nhiên là không, và họ không cần phải làm như thế.

Cho nên, trí giả Tây phương cũng không thể dùng các phạm trù văn hóa có nguồn gốc Trung Đông kia để phán xét các tôn giáo Đông phương. Bởi vì, ở mặt phương pháp luận, dùng những khái niệm "hữu thần", "vô thần" để phán xét Phật giáo tự chính nó đã là phi lý rồi. Rõ ràng là như vậy, nhưng, thật khó tránh khỏi. Bởi vì, đối với những trình độ tri thức còn giới hạn, để hình dung được đối tượng nào đó, ở đây là Phật giáo, người ta còn cần phải cố xếp đối tượng đó vào bảng phân loại kiểu nhị phân của truyền thống triết học Tây phương quen

thuộc với họ. Cũng may là, với sự tiến bộ của ngành tôn giáo học, ngày nay đã có một số ít nhà nghiên cứu chủ trương rằng truyền thống Phật giáo có đủ một lịch sử dài lâu để chúng ta nghiên cứu Phật giáo bằng chính lịch sử Phật giáo. Quan điểm này đánh dấu một bước tiến trong học thuật về Phật giáo ở Tây phương. Và cũng nên công bằng mà ghi nhận rằng: Trong nhiều sách, sau khi phân tích và tìm hiểu cặn kẽ giáo thuyết Phật, nhiều học giả Tây phương cho rằng đạo Phật là một liệu pháp thực tiễn: tất cả đều nhằm đến việc chấm dứt các 'khổ'. Đồng thời, họ cũng hiểu ra rằng, với Đức Phật, việc thực hành siêu nghiệm (dựa trên đức tin nơi một Đấng siêu nhiên, không kiểm nghiệm được, nào đó), nếu nó đóng góp được gì cho mục tiêu "chấm dứt các 'khổ'", thì sẽ được tin cậy; thế nhưng chẳng những nó không ích dụng gì cả, mà thường gây trở ngại (nên biết, tư tưởng tuyệt đối xấu không hề có trong đạo Phật).

b/ Bản chất của tôn giáo với Phật giáo - Như ai nấy đều công nhận religion (Viết dịch: tôn giáo) lấy sự kết hợp giữa Thần (God, Thượng đế) và Người làm nền tảng. Nhưng Phật giáo không thừa nhận có một đấng "Tạo Vật Chủ", nhất là Phật giáo nguyên thủy, nên không có một khái niệm nào về sự quan hệ giữa Thần và Người. Phật giáo Tịnh độ, tuy có căn cứ vào sức bản nguyện của Phật A Di Đà để thành lập "cứu độ quan", nhưng quan niệm này không thể được coi là một hình thức quan niệm về "liên hệ giữa Thần và Người". Do đó, nhiều học giả Tây phương và Nhật Bản cho rằng Phật giáo, đặc biệt là Phật giáo nguyên thủy, từ bản chất không phải là tôn giáo.

Phía khác, lại có một số học giả cho rằng Phật giáo là khoa học. Dĩ nhiên nhận xét này cũng đã đứng trên lập trường cho rằng tôn giáo là sự "quan hệ giữa Thần và Người" để quan sát Phật giáo; và đương nhiên chúng ta cũng không thể chấp nhận. Song có điểm rất thú vị là trong số các học giả Tây phương lại có người, cũng đứng trên lập trường ấy để nhận định Phật giáo, và cho rằng: "Phật giáo là khoa học chân chính, cho nên Phật giáo cũng là một tôn giáo chân chính".

Lại mới đây, trong bài khảo luận nhan đề "Phương diện tôn giáo và đạo đức của Phật giáo", ông Paul Dalph nói: "Một tôn giáo là đưa toàn bộ yêu cầu nhân quả thể hiện ngay trong thân tâm của mình", đó là dựa vào phương pháp khoa học để luận chứng chân lý của Phật giáo, một nhận xét tuy đúng nhưng vì quá thiên trọng phương diện lý trí, cho nên không hề thừa nhận có cảnh giới thần bí nào. Dù sao thì nhận xét này cũng không khỏi có điểm không phù hợp với Phật giáo.

Vậy, nói cho cùng, thì Phật giáo có phải là một tôn giáo (religion) không? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần phải xét đến nguồn gốc cũng như bản chất của những đòi hỏi tôn giáo - Về nguồn gốc của tôn giáo, giữa các học giả tuy có nhiều quan điểm khác nhau, nhưng nếu đứng về phương diện tâm lý mà nhận xét



thì tôn giáo phát sinh từ nhu cầu đáp ứng những hiện tượng tinh thần của con người. Do đó ta không thể tìm nguồn gốc của tôn giáo ở các thần linh, mà phải tìm nó ở tinh thần của con người.

Các điều kiện sinh tồn của con người tuy nhiều nhưng, tựu trung, có hai điều kiện nổi bật nhất là: điều kiện tự nhiên và điều kiện tinh thần. Nhưng, về mặt tác dụng, tính chất của hai điều kiện này hầu như hoàn toàn tương phản nhau. Điều kiện tự nhiên cũng là các qui luật tự nhiên, mà dù muốn hay không người ta cũng buộc phải tuân theo. Còn điều kiện tinh thần thì lại lấy ước nguyện tự do làm đặc tính; có khi vì muốn được triệt để tự do mà mưu đồ chống lại các qui luật tự nhiên. Chẳng hạn như, con người có sinh ra tất phải có chết, đó là qui luật tự nhiên; ấy thế mà ước vọng tự do của con người lại muốn sống mãi không chết. Như vậy trong sự sinh tồn của kiếp người, ta thấy chứa đựng một mâu thuẫn không thể tránh khỏi. Do đó, trong cuộc sống hằng ngày, khi nào hai điều kiện trên thỏa hiệp mà điều kiện tự do chiếm phần ưu thắng, thì cuộc sống đó được nhận là có hạnh phúc. Nhưng đi đến một hòa giải triệt để giữa hai điều kiện ấy là một việc không thể. Từ đó, người ta tìm tòi và sáng tạo ra những phương pháp thần bí nhằm hóa giải mâu thuẫn đó của cuộc sống – đây chính là mầm mống của tôn giáo.

Mà thống cảm về mỗi mâu thuẫn đó càng tăng, nếu như lý tính của người ta càng mạnh; và sức phản tỉnh của người ta càng mạnh chừng nào thì thống cảm ấy cũng mạnh chừng nấy; rốt cuộc những quan điểm yếm thế, bất mãn, thất vọng đối với cuộc đời cũng do đó mà phát sinh. Như vậy, một bên là yêu cầu tự do, lấy sự tự do tuyệt đối và sự quang vinh tuyệt đối làm thuộc tính, thậm chí còn mong kéo dài sự sống đến vô hạn; đồng thời, nhìn lại cuộc sống hiện thực bị trói buộc, mất tự do càng cảm thấy bất mãn, khổ não, vì thế mà nảy sinh ra yêu cầu giải thoát. Và, hai phương diện của cuộc sống: một mặt đối với khổ và ước vọng thoát khổ; mặt kia, bằng các phương pháp thần bí do cái tâm mong cầu của con người tìm ra, nhằm đạt được một sự điều hòa, đó chính là nguồn gốc của tôn giáo.

Còn làm thế nào để thỏa mãn yêu cầu đó? Đây chính thực là vấn đề căn bản của tôn giáo. Về điểm này, tuy có nhiều đẳng cấp và chủng loại, nhưng loại tầm thường nhất là hòa giải mâu thuẫn, thỏa mãn yêu cầu, mà kẻ có thể đem lại những điều kiện đó phải là một tồn tại vượt trên loài người, tức là Thần hay tưởng tượng ra nhiều Thần do nhiều phương pháp (cầu đảo, đức hạnh, tín ngưỡng, mộng tưởng... - tức 'duy tượng'/'idealist) để cầu xin sự phù hộ nhằm đạt mục đích. Nghĩa là, trên thế gian

này, ngoài sự tồn tại của nhân loại, còn phải có một hoặc nhiều đấng thiêng liêng nắm giữ chìa khóa của tự do và của tự nhiên. Nếu con người biết chiều theo ý muốn của đấng thiêng liêng ấy thì sẽ được giải thoát, được tự do. Căn cứ theo tín ngưỡng này, đấng thiêng liêng đã có đủ uy lực, có thể hoán chuyển tất yếu (fatalism) thành tự do. Nói cách khác, đấng thiêng liêng ấy phải có phép lạ để có thể biến đổi thiên nhiên, và sẵn sàng hiển thị phép lạ đó khi con người thành khẩn cầu xin.

Và, bất luận là xưa hay nay, đây là hình thức tôn giáo thịnh hành nhất. Cho nên người ta định nghĩa tôn giáo là sự kết hợp hay quan hệ giữa Thần và Người. Thế nhưng chúng ta cần ghi nhận rằng đó chỉ là một hình thức tôn giáo, chứ không nên cho đó là điều kiện tất yếu của tôn giáo. Vì, như nói trên, nguồn gốc của tôn giáo là yêu cầu kết hợp giữa “cảm nhận mất tự do” và “mong cầu giải thoát”.

Và, nếu bằng tri thức có được từ kinh nghiệm, nhận thấy rằng các Thần Thánh không thể thỏa mãn yêu cầu tôn giáo, mà chính là tôn giáo có thể làm thỏa mãn, thì Phật giáo là một tôn giáo. Thật vậy, nếu tôn giáo vốn bắt nguồn từ sự mâu thuẫn bất hợp lý của nhân sinh, mà nếu cố gắng hợp lý hóa những yếu tố bất hợp lý đó bằng hình ảnh một Nhân Cách Thần toàn năng toàn tri thì không thể toại ý được. Do đó mà Đức Phật đã không coi trọng phương cách dùng vị Nhân Cách Thần làm đối tượng tôn giáo. Thật ra, Phật giáo không cho rằng có một vị Thần nào đó vượt ngoài những hạn chế của tự nhiên.

c/ Nét đặc trưng của Phật giáo – Từ chỗ rõ biết sự mâu thuẫn nhân sinh kia, nguồn gốc của mọi nhiều phiền bất toại (dukkha), là do nơi ước vọng mong cầu có được một cuộc sống vô hạn với yêu cầu giải thoát, tất cả những thứ này đều phát sinh từ nội tâm của ta; như vậy thì sự giải quyết tối hậu tất nhiên phải tìm ngay trong tự tâm, thay vì đi tìm nơi một đấng siêu nhiên nào đó. Và: Nền tảng cơ bản về mặt tôn giáo của Đức Phật là sự phản tỉnh tự tâm.

Như nhiều người đã biết, lời dạy cuối cùng của Đức Phật là: *“Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi; hãy tự mình là nơi nương tựa cho mình; nương tựa nơi Chánh pháp, chứ đừng nương tựa vào nơi nào khác”*. Những lời này là minh chứng rõ ràng; và từ đây về sau lập trường của Phật giáo đều lấy đó làm chủ hướng quán thông. Điều này cũng có nghĩa là, theo Phật giáo, người thể nhập được sinh mệnh vô hạn quyết không thể dựa vào phương pháp ‘biểu tượng hóa tích cực’ (qua hình ảnh Thần) mà tìm cầu được; trái lại phải bắt đầu giải phóng những hạn chế, cho nên phải bắt đầu từ cái cá thể bất hợp lý của ngã chấp, ngã dục để giải phóng chính mình. Và khi thể nghiệm được sinh mệnh vô hạn thì tự mình biến thành nội dung của sự thể nghiệm ấy.

Đó là lập trường mới do Đức Phật để ra. Nói một cách đơn giản thì: lập trường của Phật giáo là lấy ‘giải

thoát’ (khỏi những hữu hạn của tự nhiên) làm mục đích, và đằng sau đó dự phóng một sinh mệnh vô hạn (cuộc sống tự chủ tuyệt đối), nhưng cái ‘vô hạn sinh mệnh’ ấy chỉ được thể nghiệm nội tại, chứ không biểu tượng hóa – có thể nói đây là một hình thức tôn giáo, tuy thần bí, nhưng rất hợp lý và thực tiễn.

Các tôn giáo phổ thông xem ‘sinh mệnh vô hạn’ như là cái ở bên ngoài, biến nó thành một hình thái nhất định với biểu tượng là Thần (Thượng đế, God / Dieu, Jehovah / Allah / Brahmah...). Phật giáo tuy lấy giải thoát làm tiêu biểu bên ngoài thế giới hữu hạn, nhưng vẫn không biểu tượng hóa cái ‘sinh mệnh vô hạn’. Nếu nói một cách miễn cưỡng thì đem “Không” vào nội tâm – tất cả đều qui về ‘một tâm’ (duy tâm). Đó là lập trường độc hữu của Phật giáo. Thế nhưng, đối với những người chưa thể nghiệm được giáo lý thâm ảo đó thì không khỏi có cảm giác hoang mang, cho nên tùy thuận theo đà tiến triển của tư duy mà đem Chân Không biểu tượng thành Diệu Hữu; và, để thích ứng với đường lối này, Phật giáo đã đưa ra nhiều danh từ như ‘Pháp Thân’, ‘Chân Như’, ‘Tịnh Độ’ v.v. Tư tưởng này tuy có nhiều biến hóa nhưng tựu trung, theo ý hướng căn bản, thì tất cả chỉ là những phương pháp giúp khai thác triệt để vùng đất tự kỷ nội tâm.

Theo cách phân tích và quan sát trên, người ta không thể không thừa nhận rằng Phật giáo, về mặt tự lực, nơi mục tiêu thỏa mãn yêu cầu tôn giáo, trong bản chất, là một tôn giáo hoàn toàn sung thực. Nếu muốn so sánh với quan niệm Thần và Người của các tôn giáo khác thì: tương đương với Thần là ‘Niết-bàn’, ‘Không’, ‘Pháp’; còn tương đương với Người thì xem ‘ngã dục’ là trung tâm khiến cho tự kỷ phải khổ đau trong cuộc sống mâu thuẫn. Nhưng cái ‘ngã dục’ đó lại cũng luôn luôn hướng đến một cuộc thoát ly, nỗ lực giải phóng tự kỷ để thể nghiệm thế giới tuyệt đối tự do (‘Niết-bàn’, ‘Pháp giới’, ‘Phật quốc’). Nhưng, đối với Phật giáo, những Thần Người trong các tôn giáo hoặc khách quan hoặc chủ quan, tất cả đều do “Một Tâm” của người ta, nghĩa là do nơi tự tâm con người để tìm cầu sự siêu việt. Và cái cảnh giới siêu việt đó nhất trí với nội tâm – đây là hình thức tôn giáo đặc trưng nhất mà Đức Phật đã để ra.

Ngắn gọn, trong tôn giáo tất phải có hai phương diện tiêu cực và tích cực, chúng không thể tách rời nhau. Các tôn giáo phổ thông thì từ mặt lý tưởng (tuyệt đối / tích cực) tiến đến hiện thực (tương đối / tiêu cực); nhưng đặc trưng của Phật giáo thì ngược lại: đi từ hiện thực tiến đến lý tưởng. Mà ngày nay, khi hầu hết các tôn giáo thần quyền đang đi dần vào bóng tối thì Phật giáo, vì có những đặc tính nêu trên, vẫn được loài người ngưỡng mộ và phát triển mạnh mẽ. Có thể nói *Phật giáo là một tôn giáo đã được thành lập theo phương pháp tâm lý tôn giáo chân chính và vĩnh viễn bất diệt.* ■



Chùa Trúc Lâm với tôi

HỒ ĐẮC DUY

Chùa Trúc Lâm ở Huế là ngôi chùa đã để lại trong tâm hồn tôi một dấu ấn sâu sắc. Trước hết, tôi đã được sinh ra và sống trọn tuổi ấu thơ của mình bên cạnh ngôi chùa. Hơn nữa, gia đình tôi với chùa lại có một mối liên hệ rất mật thiết. Sư bà Diên Trường, người đã chọn đất dựng thảo am rồi mời ngài Giác Tiên về trụ trì chùa Trúc Lâm, chính là em gái của ông nội tôi, cụ

Hồ Đắc Trung, làm quan dưới các triều từ Kiến Phúc đến Duy Tân, nguyên là Thượng thư Bộ Học, Đồng các Đại học sĩ, thầy dạy của vua Duy Tân, bạn của các cụ Thái Phiên và Trần Cao Vân, là người duyệt lại bộ “Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu”, một bộ sử quan trọng của Quốc sử quán triều Nguyễn. Trong hậu tổ chùa Trúc Lâm hiện nay vẫn còn hai câu đối của cụ để tặng khi Thiền sư Giác Tiên viên tịch:



*Học hạnh khiêm ưu bình tố năng linh nhưn cảnh mộ.
Tứ sanh vô ngại tu trì định hoạch Phật siêu thăng.*

(nghĩa : Học hạnh khiêm ưu thường được người ta mến mộ . Sống chết không ngại tu trì kết quả Phật siêu thăng).

*Vị kế Đông sơn phi cụ nhân yên minh tố ý. Pháp khai
Nam linh thị mê nhưn bất kế Phật tâm.*

(nghĩa : Ngôi núi Đông sơn, không mất tỏ sao rõ ý tố. Pháp mở rừng Nam, nếu người mê, không hiểu tâm Phật).

Còn nhớ, năm lên sáu, tôi được mẹ cho đi học ở một trường do các cha dòng Thiên An lập ra ở ngã ba Cầu Lim. Để đến trường, có hai con đường; một là đi bằng qua chùa Trúc Lâm và hai là phải đi qua một cánh đồng.

Nhà tôi ở là dinh thự của bác tôi, ông Hồ Đặc Khải, Thượng thư Bộ Hộ, để lại. Ngôi nhà nằm trên một đỉnh đồi kế cận đồi Thiên An; đó là một biệt thự bề thế chiếm gần hết đỉnh đồi. Dưới chân đồi là một hồ vọng nguyệt lớn và một cái hồ hình chữ nhật quanh năm

thắm sắc sen. Con đường thoai thoải dốc chạy giữa hai cái hồ lên đến bãi đỗ xe, dinh thự nằm khuất sau những tán thông già phủ kín cả ngọn đồi. Mỗi ngày tôi phải đi qua chùa ít nhất là hai lần; do đó, cảnh trí của ngôi chùa đã in sâu trong tâm hồn tôi từ thuở còn ấu thơ. Tôi thuộc từng viên đá trên con đường mòn đó, thuộc từng bụi sim mọc màu tím tím trĩu đầy trái, từng đám hoa ngũ sắc, từng gốc bứa gốc thông cổ thụ....

Những năm cuối thập niên 40 và đầu thập niên 50 của thế kỷ trước, chiến tranh khốc liệt tràn tới khu vực này. Một biến cố làm thay đổi cuộc sống của gia đình tôi là khi một chiếc máy bay "bà già" bị bắn rơi xuống sườn đồi. Xác máy bay rơi vãi bên lăng mộ cổ Bằng Tá sau lưng dinh thự của bác tôi, viên phi công chết ngay tại chỗ. Sau đó, quân đội viễn chinh Pháp gồm có nhiều lính da trắng da đen lùng sục suốt ngày đêm, trả thù tàn bạo. Chúng lấy đi hết gia sản và lừa đi đàn gia súc, bẻ hái cả một vườn cam mấy mẫu của mẹ tôi tan hoang... Dân chúng vùng Cư Chánh phải bồng bế nhau tản cư lên tu viện Thiên An để tránh giặc vì ở đó quân Pháp không vào được.

Rồi một tối cuối mùa hè vào khoảng 23 giờ, xuất hiện một toán người bịt mặt chừng năm chục người trang bị cưa, dao, búa, câu liềm, thang. Chúng tôi được đánh thức dậy, tất cả được dồn trong một phòng nhỏ, người cầm đầu trao đổi với mẹ tôi điều gì đó; lát sau, mẹ tôi đi vào đóng cửa lại ôm hai anh em tôi và khóc. Bên ngoài toán người hoàn toàn yên lặng, tôi không nghe tiếng người nói chuyện với nhau mà chỉ nghe thấy tiếng gạch ngói đổ ầm ầm, tiếng sập của các bức tường... Tôi ngủ thiếp đi trong mớ âm thanh hỗn độn đó. Sáng mai thức giấc, tôi hốt hoảng khi thấy khu dinh thự của mình chỉ còn là một đống gạch đổ nát ngoại trừ căn phòng chúng tôi đang tá túc.

Mẹ tôi gom lại một ít vật dụng cần thiết cho sinh hoạt của hai anh em chúng tôi, cùng một người vú em đi qua chùa Trúc Lâm, những gia nhân khác thì ở lại để dọn dẹp đống đổ nát.

Sư ông trụ trì tiếp chúng tôi trong gian nhà khách ở phía đông đường, ngài nói một vài điều gì đó với mẹ tôi rồi gọi người dọn cơm cho hai anh em tôi ăn. Chúng tôi vừa ăn xong là sư ông cho chúng tôi vào lễ Phật và ông bà nội tôi rồi sai người dẫn đường đưa ngay chúng tôi đi quanh sườn đồi phía sau lưng chùa ra ngã cầu Lim, đi về phía lăng Thiệu Trị ra bến Than. Ở đó có một chiếc đò dọc đón sẵn và đưa ba mẹ con tôi về làng Phú Lương cách khoảng hơn 20km. Khi đi ngang qua dưới chân cầu Trường Tiền lúc nửa đêm, tôi nghe thấy tiếng súng nổ vang trời phía thành phố, những vệt đạn như sao băng trên bầu trời đen thẫm từ hướng An Hòa - Kim Long.

Tôi trở lại Trúc Lâm lần cuối vào năm 1952 khi cha tôi qua đời, lúc ấy quân Pháp đóng đồn ở Nam Giao. Chúng ngăn con đường cấm dẫn chúng không được

đi lại qua đốn. Từ Huế muốn lên chùa Trúc Lâm hay lăng Khải Định dân phải đi vòng núi Bàn, Ba Đồn, Tây Thiên hoặc phải đi vòng qua Long Thọ. Mẹ tôi phải xin phép viên sĩ quan Pháp để xe chở quan tài của cha tôi được đi ngang qua.

Sau tang lễ chúng tôi rời Huế vào Saigon và bốn năm sau khi hòa bình được tái lập, chúng tôi trở lại Huế. Kể từ đó, cuộc sống của tôi gắn liền mật thiết với ngôi chùa này hơn bởi nhiều lý do.

Lần đầu tiên tôi khám phá những điều kỳ diệu của đạo Phật là ở nơi lấu chuông của chùa. Trong chùa lúc bấy giờ có mấy chú điệu cùng trang lứa với anh em tôi là Lưu Ân và Lưu Phương. Ngày nọ, họ nói với tôi là “sáng mai mồng một Tết ráng thức dậy thật sớm, tui sẽ dẫn anh Thiện (tên tôi) lên lấu cho anh gióng chuông, hay và vui lắm”.

Đêm đó là đêm 30 Tết, tôi ra đứng ngoài sân chùa nhìn về hướng thành phố Huế thấy sáng rực lên một góc trời. Pháo của nhà ai đó ngoài xóm nổ đi đùng vang tới cảnh chùa khiến lòng tôi cũng nao nao. Tôi thầm giận mẹ đã không cho mình ở nhà, đón giao thừa cùng với mấy anh chị em cô cậu thì vui biết bao. Xin nói thêm, từ khi cha mất chúng tôi về ở chung với anh mẹ tôi là cậu Lê Đình Phu.

Tối đó trần trọc mãi, vừa giận mẹ vừa mong đến sáng để được lên lấu chuông khiến tôi thiếp đi cho tới khi bị lay dậy bởi một trong hai chú điệu, nhưng Lưu Ân hay Lưu Phương tôi không nhớ rõ. Chú ấy suýt môi ra dầu cho tôi đi rửa mặt và thay áo quần, chú kia đi trước cầm cái đèn hột vịt. Ngang qua nhà khách, leo một bậc cấp dọc theo phía đông của nhà Tổ và chánh điện. Lấu chuông có hình vuông; ba mặt tường có hoa văn nhìn ra phía ngoài; lối đi vào ăn thông với hành lang của chánh điện. Một quả chuông rất to màu xám xanh được treo trên một giá đỡ bằng gỗ. Mặt ngoài chuông trơn láng, gờ lên những hoa văn; so với thân hình của tôi lúc đó thì quả chuông thật vĩ đại. Trên giá đỡ có một sợi dây căng ngang để móc các thẻ tre, cứ mỗi lần động chuông thì kéo một thẻ từ phía Nam qua Bắc. Chày động bằng gỗ rất đơn sơ được treo lên nóc bằng một sợi dây thừng, nghe nói là sư ông đã cho thay cả chục cái chày, cho đến khi lựa được một cái chày vừa ý mà sau này tôi cho là cái chày của sự tỉnh thức, vì chỉ có cái chày đó khi động chuông mới tạo ra một âm thanh vô cùng huyền diệu, một âm sắc có khả năng đưa con người trở về với thanh tịnh tâm. Tiếng chuông phát ra từ cái động đầu tiên đã làm cho máu huyết trong cơ thể tôi muốn đảo ngược lên sau đó dịu hòa một cách nhẹ nhàng êm ái, tâm hồn trở nên vắng lặng hư không. Tôi không còn ham muốn, ray rứt hoặc giận hờn mẹ tôi nữa, vì bà đã không cho tôi ở lại dưới thành phố để đón giao thừa mà bắt buộc tôi phải lên chốn sơn lâm cùng cốc này ăn Tết. Hình như mọi chuyện đều trở nên đơn giản và thân thiện khi nghe tiếng chuông ngân mơ hồ

như từ một cõi ta bà nào đó vọng tới, một thông điệp cuộn tròn trong những tiếng ngân cuối cùng... Tôi tin rằng các bạn cũng sẽ tự cảm nhận được điều đó khi cố lắng nghe những âm vang gần cuối cùng của tiếng chuông ngân. Tâm hồn thơ ấu của tôi đang theo sau bước hành thiền của tiếng chuông, tôi đang được tách rời ra khỏi với thế giới hiện tại thì có tiếng thúc giục của Lưu Ân báo cho tôi biết là đến lúc phải động tiếng chuông kế tiếp làm tôi ra khỏi trạng thái “hôn mê” đó.

Sau lần được gióng chuông, tôi bắt đầu tìm hiểu những điều bí ẩn trong gian chánh điện là nơi mà tôi ít khi được lên đó một mình hay nói cách khác là tôi không dám lên khi không có ai. Lúc đó tôi chỉ thích cái sàn nhà của chánh điện, nó mát lạnh tuyệt vời mà không phải bất cứ chùa nào ở Huế cũng có được. Chỉ cần nằm lăn lên trên cái sàn nhà đó là hạnh phúc và bình an đến với tôi; tôi không còn sợ hãi mà quý hù dọa, cảm giác như được mẹ ôm vào lòng, che chở. Từ đó, thỉnh thoảng nếu thấy không có ai, tôi lại lên chạy lên nằm lăn lên đó cho “đã thêm”! Một lần tôi bị sư ông bắt gặp, có lẽ sư ông thấy hết hành động của tôi từ đầu chí cuối, tôi lẩn lộn như một chú chó con mừng chủ đi xa trở về, ngụp lặn hạnh phúc trong cõi bình an một cách tốt độ trước mặt hình tượng im lặng trang nghiêm của Đức Thế Tôn đang ngự trên tòa sen. Tôi đã hốt hoảng biết chừng nào khi nhận ra là sư ông đang nhìn mình nằm lăn ra như vậy.

Ngài không nói mà chỉ nhìn tôi đang sợ hãi bối rối đứng lên rồi ngài đến nhẹ nhàng cầm bàn tay nhỏ bé của tôi đang run rẩy dẫn qua phía Tây của chánh điện, vòng ra phía nhà Tổ và chỉ cho tôi ảnh của một người râu ria xồm xoàm vai vác một cây gậy có treo một chiếc giày. Mãi đến mấy chục năm sau, tôi mới biết người ấy là ai và bây giờ thì chánh điện và hậu tổ được thấy Lưu Thanh mô tả như sau :

“Qua vuông sân nhỏ, du khách đến trước chánh điện kiến trúc theo kiểu Á Đông. Mái cong lợp ngói đỏ có gắn long, lân, quy, phụng trên nóc và chia làm ba phần: phía trước là tiền đường, giữa là chánh điện, sau là hậu tổ. Tiền đường tả hữu là lấu chuông trống, chánh điện bên trong có khám thờ Đức Bốn sư, bên trái có ngài Ca-diếp đứng cầm hoa sen miệng mỉm cười, bên phải có ngài A-nan tay bưng bình bát như đang chờ đợi đệ tử kế thừa. Ở tầng kế tiếp thờ Đức Phật Dược sư, hai bên có Đức Quan Âm và Địa Tạng. Phía trước tầng này là bàn để chuông mõ. Trên tường có treo bức hoành sơn son thếp vàng bảy chữ “Sắc tứ Trúc Lâm đại thánh tự” và dòng chữ nhỏ “Bảo Đại bát niên cát nhật tạo”.

Gian bên trái phía trên thờ ngài Văn-thù-sư-lợi, bàn thấp hơn bàn thờ Đức Quan Thế Âm, cạnh bên trái sát tường là tôn tượng ngài Tỳ-ni-đa-lưu-chi. Gian bên phải phía trên thờ ngài Phổ Hiền, thấp hơn là bàn thờ ngài Đại Thế Chí, cạnh tường là tôn ảnh của ngài Thạch Liêm Thích Đại Sán. Phía ngoài là hai bàn Tiêu Diện và Hộ Pháp đối diện nhau.



Hậu Tổ cách chánh điện bằng một bức tường vắn sơn trắng nhợt. Gian giữa thờ di ảnh Tổ Giác Tiên bằng sơn mài lõng kính, trên bàn thờ có ba long vị: ở giữa là long vị của Tổ Phước Huệ chùa Thập Tháp Di-đà tỉnh Bình Định; bên trái là long vị Tổ Tâm Tịnh khai sơn chùa Tây Thiên, và bên phải là long vị Tổ Huệ Pháp giáo thọ chùa Thiên Hưng. Phía dưới ba long vị này là long vị của ngài Giác Tiên, thấp hơn nữa là long vị Hòa thượng Thích Mật Hiển; hai bên có di ảnh của hai ngài. Từ tường nhìn ra, hai bên có hai câu đối của cụ Hồ Đắc Trung mà tôi đã nói tới ở trên.

Trên bàn thờ Tổ có thờ bộ kinh *Kim Cang* thêu trên lụa Tàu. Pháp bảo này do Sư bà Diệu Nhân phát tâm thêu bằng chữ Hán vào đời Cảnh Thịnh thứ 8, có bài tựa do chính vua ngự đề tại thành Thăng Long, được chúa Nguyễn thỉnh về kinh đô Huế để thờ. Bộ kinh này bị thất lạc trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh. Sau, Tổ Giác Tiên trên đường hoằng hóa gặp được ở một ngôi chùa làng, ngài xin thỉnh về thờ tại Tổ đình Trúc Lâm. Cùng với bộ kinh này là một lư trầm bằng đá có từ đầu triều Nguyễn. Mặt trước lư khắc ba chữ "Sơn bảo tự" mặt sau khắc ba chữ "Bát sơn lộ" và hai bên có chạm khắc hai bài thơ chữ Hán đường nét rất đẹp, hiện vẫn được dùng xông trầm cúng Phật tại chùa.

Ngoài ra chùa còn giữ một pháp bảo vô cùng trân quý là cái bình bát bằng kim sa của Tổ Thạch Liêm Thích Đại Sán, vị trú trì đầu tiên của chùa Thiên Mụ. Do chiến tranh loạn lạc, chiếc bình bát này cũng đã trôi dạt ngoài dân gian cho đến ngày Tổ Giác Tiên nhân đi hành hóa ở thôn quê mà gặp được. Biết là bảo vật vô giá, ngài đã kiếm tiền mua về để thọ trì, bình bát được trở lại chốn thiền môn kể từ ngày đó.

Bên tả bàn thờ Tổ là bàn thờ chư Tăng viên tịch, bên hữu thờ di ảnh và bài vị của Sư bà Diên Trường và chư Ni đệ tử.

Tôi chưa bao giờ kể chuyện sư ông bắt gặp tôi nằm lăn ra sân nhà chánh điện với ai. Không biết đó là ảo ảnh, hư cấu hay là một giấc mơ tẩu hỏa nhập ma trong

thời thơ ấu của mình để mà suy nghiệm lời của đức Thế Tôn dạy "Nhứt thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào ảnh, như lộ, diệt như điện, ưng tác như thị quán".

Sư ông đã viên tịch cách đây 10 năm, nhục thân của sư ông không biết bây giờ ra sao, duy chỉ có đôi mắt và thần cách của sư ông là vẫn còn sống mãi trong tâm hồn tôi. Cho đến bây giờ đã qua tuổi 60 tôi vẫn còn "mơ hồ" về đôi mắt ấy, sự im lặng thiêng liêng ấy, bàn tay âm áp của ngài khi cầm bàn tay nhỏ bé đang run rẩy của tôi và cái mặt hiền mà sư ông chỉ cho tôi hình của ngài Bồ-đề Đạt-ma là gì tôi cũng đang còn "mơ hồ"!

Một năm trước khi sư ông viên tịch, tôi có gặp ngài tại chùa Già Lam và cảm nhận rằng đôi mắt ấy sáng hơn, mạnh mẽ và dữ dội hơn. Những tia sáng từ mắt ngài xuyên thủng mọi mầm mống ác độc, nghi ngờ và độc dò cả một quá khứ ẩn chứa trong tiềm thức của tôi. Hình như trước đôi mắt của sư ông, tôi không thể giấu diếm, che đậy, ma mãnh được bất cứ điều gì; và cũng trong tia sáng từ đôi mắt ấy tôi tìm được sự bình an vĩnh cửu, thanh thoi và hình như sư ông cũng "mơ hồ" không muốn giải mã về hành động của sư ông khi chỉ tay về phía hình của ngài Bồ Đề Đạt Ma...

Giếng nước trước và sau chùa, khóm trúc, con suối vòng vèo, tiếng ngân cuối cùng trong lầu chuông, sân nhà trước chánh điện, đôi mắt của sư ông và kỷ niệm của những đêm trừ tịch là tất cả những gì về chùa Trúc Lâm trong tâm trí tôi.

"Đảnh lễ hay là quỳ lạy thì cũng vậy thôi, sửa làm chi, anh cứ để nguyên như vậy", lời của thầy Trí Quang nói với tôi khi mẹ tôi qua đời lúc bà 92 tuổi. Mẹ tôi đã có lần nói "ngồi bên mộ ba tôi, mẹ vẫn còn nghe được tiếng chuông chùa Trúc Lâm vọng đến, âm vang của tiếng chuông bay qua núi đồi khe suối len vào những tàng thông già cổ thụ, vỗ về những tia nắng cuối cùng của buổi chiều tĩnh lặng...".

Còn đối với tôi, chùa Trúc Lâm là hóa thân của đôi mắt sư ông. ■



Bài học trừ kiêu mạn

NGUYỄN HỖ

Kieu mạn (*māna*) hay tâm lý kiêu căng tự mãn thường xem nhẹ người khác là một chứng bệnh của những tâm hồn nóng nảy, ham thích danh vọng, nặng về cái tôi, ít rung cảm hay đồng cảm trước cảnh ngộ khó khăn của người khác. Nó là dấu hiệu tăng trưởng của cảm thức đặc ý tự mãn phát sinh do hoàn cảnh thuận lợi hoặc do thói quen hay tư lường đánh giá hơi hợt về mặt này mặt khác giữa mình và người khác. Chẳng hạn, ý tưởng cho rằng: *"Ta xuất gia từ một gia đình cao sang; còn các Tỷ-kheo này không xuất gia từ một gia đình cao sang"*. Hoặc: *"Ta được nhiều người biết đến, có danh xưng; còn các Tỷ-kheo này được ít người biết đến, không được trọng vọng"*.

Trong giáo lý đạo Phật, kiêu mạn được xem là tâm lý không chính đáng hay phi chân nhân pháp², là tâm cấu uế³, pháp chương đạo hay ác pháp cần phải loại trừ⁴, vì nó là cảm thức tự mãn sai lầm, ngăn cản sự tiến bộ của tâm thức trong tiến trình tu tập, khiến cho hành giả tu Phật rơi vào tình trạng mê say, tham đắm, phóng dật, đi lạc vào tà đạo⁵. *"Này các Tỷ-kheo, có Thiện nam tử do lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy xuất gia như vậy, được lợi dưỡng, tôn kính, có danh vọng. Do*

*được lợi dưỡng, tôn kính, có danh vọng này, vị ấy hoan hỷ, mãn nguyện. Do được lợi dưỡng, tôn kính, có danh vọng này, vị ấy khen mình, chê người: "Ta được lợi dưỡng như vậy, được danh vọng như vậy. Còn các Tỷ-kheo khác ít được biết đến, ít có uy quyền". Vị ấy, vì được lợi dưỡng, tôn kính, có danh vọng này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ"*⁶. Ở một cấp độ tế nhị hơn, như kiết sử thứ tám trong mười kiết sử, nó là tập khí tự mãn tiềm ẩn sâu kín ở trong nội tâm, thuật ngữ đạo Phật gọi là "ngã hữu kiến mạn tùy miên" (*asmiti ditthimānānusaya*), tức một loại cảm thức xoay quanh ý niệm "tôi" hay "của tôi" đòi khi dấy khởi ở những người có các thực nghiệm sâu về tâm linh, như ý nghĩ "tôi là", "tôi thấy", "tôi chứng"... Cảm thức này dấy khởi cũng trở thành một chương ngại đối với người tìm cầu giải thoát tâm linh, do vậy, nó được xem như một kiết sử, tức một thứ trói buộc tinh tế cần phải loại trừ vì nó trói chặt tâm thức con người ở trong vòng luân hồi khổ đau.

Đức Phật xem kiêu mạn là ác pháp hay pháp chương đạo bởi cảm thức tự mãn quá đáng này làm say đắm lòng người, khiến con người trở nên mê muội, "ngủ quên trong đặc ý", không thấy rõ bản chất vô thường

bất an của hiện hữu, không còn tinh cần tinh tấn, bỏ qua gánh nặng đối với thiện pháp, rơi vào phóng dật, thực hiện các hành vi ác bất thiện về thân, về lời, về ý dẫn đến các hậu quả khổ đau. Ngài lưu ý với chúng ta về diễn tiến nguy hại của các tâm lý kiêu mạn:

"Say sưa trong kiêu mạn của tuổi trẻ, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu làm các ác hành về thân, làm các ác hành về lời nói, làm các ác hành về ý. Do làm các ác hành về thân, làm các ác hành về lời nói, làm các ác hành về ý, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Say sưa trong kiêu mạn của không bệnh, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu làm các ác hành về thân, làm các ác hành về lời nói, làm các ác hành về ý. Do làm các ác hành về thân, làm các ác hành về lời nói, làm các ác hành về ý, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

Nhìn chung, kiêu mạn là một loại cảm thức sai lầm hay một tâm lý tự mãn tai hại cần được loại bỏ, xuất hiện ở các cấp độ khác nhau và trong các lãnh vực khác nhau của cuộc sống. Nó là cảm giác tự thỏa mãn hay đắc ý về chính mình hoặc về những gì mình có được đi đôi với tâm lý thích khoe khoang so sánh với người khác. Nó là lễ thói của ý tưởng tự tôn ngã mạn làm suy đồi tư cách đạo đức của con người. Nói cách khác, nó là cái "Tôi" chủ nghĩa được thổi phồng lên khiến cho con người trở nên say sưa mê muội, đánh mất đi các đức tính khiêm tốn và thận trọng cần thiết trong cuộc sống. Bởi nó là tâm lý sai lầm hướng con người lạc vào tà đạo, áp ủ những ý nghĩ bất chính, những lời nói bất chính hay những việc làm bất chính, nên Đức Phật khuyên dạy chúng ta cần phải nỗ lực loại trừ kiêu mạn.

Về cách thức, Đức Phật nói cho chúng ta biết một kinh nghiệm đối trị rất hay, đó là suy nghĩ nhiều về bản chất vô thường bất an - *già-bệnh-chết* - của bản thân. Ngài cho rằng khi nào con người ta có những suy nghĩ chín chắn và trưởng thành về bản thân mình, nghĩa là quay nhìn lại chính mình và nhận ra *"tánh già nằm trong tuổi trẻ, tánh bệnh ở trong sức khỏe, tánh chết nằm trong sự sống"*⁹, thì bấy giờ ý tưởng kiêu mạn không có lý do sanh khởi hay tồn tại⁹. Ngài kể câu chuyện về cuộc đời giàu sang thuận lợi của Ngài khi còn ở trong hoàng cung đi đôi với những suy nghĩ chân thành xác đáng về sự kiện *già-bệnh-chết* không ai tránh khỏi của kiếp nhân sinh như là một cách thức giúp Ngài vượt qua các tâm lý và thái độ kiêu mạn. Ở đây chúng ta có thể đọc và suy ngẫm câu chuyện tự sự của Ngài để rút ra bài học khiêm cung cho bản thân mình:

"Này các Tỷ-kheo, Ta được nuôi dưỡng tế nhị, tối thắng nuôi dưỡng tế nhị, cứu cánh nuôi dưỡng tế nhị. Này các

Tỷ-kheo, trong nhà Phụ vương Ta, các hồ nước được xây lên, trong một hồ có hoa sen xanh, trong một hồ có hoa sen đỏ, trong một hồ có hoa sen trắng, tất cả để phục vụ cho Ta. Không một hương chiên đàn nào Ta dùng, này các Tỷ-kheo, là không từ Kàsi đến. Bằng vải Kàsi là khăn của ta, này các Tỷ-kheo. Bằng vải kàsi là áo cánh, bằng vải kàsi là nội y, bằng vải kàsi là thượng y. Đêm và ngày, một lọng trắng được che cho Ta để tránh xúc chạm lạnh, nóng, bụi, cỏ hay sương. Này các Tỷ-kheo, ba lâu đài được xây dựng cho Ta, một cái cho mùa đông, một cái cho mùa hạ, một cái cho mùa mưa. Và Ta, này các Tỷ-kheo, tại lâu đài mùa mưa, trong bốn tháng mưa, được những nữ nhạc công đoan trang vây, Ta không có xuống dưới lầu. Trong các nhà của người khác, các người đầy tớ, làm công được cho ăn cơm tấm và cháo chua; trong nhà của phụ vương Ta, các người đầy tớ, làm công được cho ăn gạo thịt gà và cơm nấu. Với Ta, này các Tỷ-kheo, được đầy đủ với sự giàu sang như vậy, được cứu cánh nuôi dưỡng tế nhị như vậy, Ta suy nghĩ:

"Kẻ vô văn phạm phu tự mình bị già, không vượt qua khỏi già, khi thấy người khác bị già, lại bức phiền, hổ thẹn, ghê tởm, quên rằng mình cũng như vậy. Ta cũng bị già, không vượt qua khỏi già, sau khi thấy người khác già, ta có thể bức phiền, hổ thẹn, ghê tởm sao? Như vậy, thật không xứng đáng cho Ta". Sau khi quán sát về Ta như vậy, này các Tỷ-kheo, sự kiêu mạn của tuổi trẻ trong tuổi trẻ được đoạn trừ hoàn toàn.

"Kẻ vô văn phạm phu tự mình bị bệnh, không vượt khỏi bệnh, thấy người khác bị bệnh, lại bức phiền, hổ thẹn, ghê tởm, quên rằng mình cũng như vậy. Ta cũng bị bệnh, không vượt qua khỏi bệnh, sau khi thấy người khác bị bệnh, Ta có thể bức phiền, hổ thẹn, ghê tởm sao? Như vậy, thật không xứng đáng cho Ta". Sau khi quán sát về Ta như vậy, này các Tỷ-kheo, sự kiêu mạn của không bệnh trong không bệnh được đoạn trừ hoàn toàn.

*"Kẻ vô văn phạm phu tự mình bị chết, không vượt khỏi chết, khi thấy người khác bị chết, lại bức phiền, hổ thẹn, ghê tởm, quên rằng mình cũng như vậy. Ta cũng bị chết, không vượt qua khỏi chết, sau khi thấy người khác chết, Ta có thể bức phiền, hổ thẹn, ghê tởm sao? Như vậy, thật không xứng đáng cho Ta". Sau khi quán sát về ta như vậy, này các Tỷ-kheo, sự kiêu mạn của sự sống trong sự sống được đoạn trừ hoàn toàn"*¹⁰.

Chú thích:

1. Kinh Chân nhân, Trung Bộ.
2. Kinh Chân nhân, Trung Bộ.
3. Kinh Ví dụ tấm vải, Trung Bộ.
4. Kinh Thừa tự pháp, Trung Bộ.
5. Đại kinh Thí dụ lõi cây, Trung Bộ.
6. Đại kinh Thí dụ lõi cây, Trung Bộ.
7. Kinh Kiêu mạn, Tăng Chi Bộ.
8. Kinh Già, Tương Ưng Bộ.
9. Kinh Được nuôi dưỡng tế nhị, Tăng Chi Bộ.
10. Kinh Được nuôi dưỡng tế nhị, Tăng Chi Bộ. ■



Ý thức về tội lỗi

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Có điều chắc chắn là làm người, ai cũng có ý thức về tội lỗi. Điều này là không đúng, điều này là không tốt, điều này là không đẹp. Cái không đúng, không tốt, không đẹp vừa do xã hội dạy cho chúng ta, mà vừa bẩm sinh bên trong chúng ta. Cái bên trong mà chúng ta vẫn gọi là lương tâm, thiện tâm. Làm điều không đúng, không tốt, không đẹp, nhẹ thì chúng ta cảm thấy bất an, có lỗi; nặng thì cảm thấy có tội, cả đối với xã hội và với chính chúng ta. Ý thức về tội lỗi mới thoát nhìn thì có vẻ tiêu cực, nhưng chính nó là một động lực để con người có thể tự hoàn thiện.

Ý thức về tội lỗi là một đặc tính phân biệt con người với thú vật. Ý thức về tội lỗi phát triển rộng và sâu khiến con người trở nên người hơn, nhiều tính người hơn. Trong văn hóa Đông phương, những câu chữ như “hồ thẹn (tâm quý)”, “sám hối”, “tỉnh hóa”... của đạo Phật hay “khắc kỷ phục lễ”, “lỗi” trong *Kinh Dịch* của Khổng giáo... đã trở thành những lời nói thường ngày.

Phải nhìn nhận rằng trong thế giới ngày nay, ý thức về tội lỗi đã mờ nhạt rất nhiều. Ở Tây phương, sau gần 15 thế kỷ bị đè nặng bởi ý thức về tội lỗi theo thần học

Tây phương, con người đã hầu như tê liệt. Quá nhiều tội đối với Thượng đế: tội không tin, tội từ khi mới sinh ra, tội ám ảnh trong mọi sinh hoạt đời sống, tội sẽ bị quẳng vào địa ngục đời đời... Con người bị chỉ huy bởi tội. Con người bị tước hết mọi quyền sống.

Phải đến khi khoa học (như Copernic với Galilée) và triết học (như Descartes) từ các thế kỷ 16-17 mở ra những cái nhìn mới khác với kinh điển của tôn giáo, con người mới biết thoát dần ra khỏi nỗi sợ hãi ám ảnh về tội lỗi và vị trừng phạt mọi tội lỗi là Thượng đế. Thượng đế trong bối cảnh ấy chỉ là cái bóng của nỗi sợ hãi tội lỗi của con người.

Đến thời hiện đại, bị xiết xích bởi nỗi sợ hãi tội lỗi và Thượng đế quá lâu, con người làm cách mạng với Thượng đế và những điều luật của Nhà Thờ. Chữ tội lỗi hầu như biến mất, nhường chỗ cho những từ tự do, cá nhân, bình đẳng, quyền con người, phát triển...

Ở Đông phương, sau mấy thế kỷ bị Tây phương đô hộ, khi đã giành lại độc lập, nước nào cũng phải hiện đại hóa, tức là kỹ thuật hóa về mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. Các nước Đông phương lấy con người và xã hội Tây phương làm tiêu chuẩn nên họ cũng lơ là

với ý thức về tội lỗi như Tây phương mặc dù ý thức về tội lỗi của Đông phương khác với của Tây phương từ căn bản. Ở nước ta, tình hình còn tệ hơn, vì chúng ta bị chia đôi đất nước và chiến tranh trong suốt 30 năm.

Ngày nay trên khắp thế giới, khi xử lý một điều gì, người ta dùng những biện pháp khoa học kỹ thuật và pháp luật chứ ít quy chiếu vào ý thức về ăn mặc hở hang, phim ảnh gợi dục và bạo lực, dùng những dụng cụ tránh thai hoặc phá thai, sống chung trước hôn nhân, giết hại môi trường, biến đổi gen...

... Với mọi thứ chúng ta không còn xét theo cảm thức tội lỗi. Cái gì pháp luật không cấm đều được phép làm, cái gì không trái với khoa học đều tốt. Ý thức về tội lỗi dần dần biến mất. Cảm thức thiêng liêng về chính mình và về thế giới dần dần biến mất.

Những tổn hại do thiếu ý thức về tội lỗi, thiếu ý thức đạo đức có thể thấy trên bình diện cụ thể. Cuộc khủng hoảng kinh tế 2008 ở Mỹ đã lan cả thế giới có nguyên nhân là sự thiếu ý thức và trách nhiệm của một số nhà kinh doanh tham lam làm ăn bấp bênh may rủi. Vì nguyên nhân này nên các nhà kinh tế học không thể dự đoán phòng ngừa trước được.

Tai nạn giao thông ở Việt Nam thuộc loại hàng đầu thế giới không chỉ nên nhìn theo khía cạnh thiếu cơ sở hạ tầng và những biện pháp kỹ thuật, mà còn phải tìm nguyên nhân là sự thiếu đạo đức, thiếu ý thức về tội lỗi. Với một nước còn nghèo như chúng ta, xa xỉ không có tội với luật pháp, nhưng nó là một tội lỗi.

Con người ngày nay rất tiến bộ về vật chất và về ý thức, nhưng về mặt tinh thần hay tâm linh thì yếu kém. Một bằng chứng: chưa bao giờ dân số Trái đất đông như thế, nhưng cũng chưa bao giờ những nhà văn hóa lớn, là tiếng nói và lương tâm của một thời đại, và những vị Thánh của tất cả các tôn giáo, lại thiếu thốn đến thế. Để phục hưng con người, chúng ta cần phục hưng ý thức về tội lỗi, vì ý thức về tội lỗi là cái để tự hoàn thiện mình, để tự điều chỉnh mình (điều thân và điều tâm, nói theo Phật giáo), để đưa thân khẩu ý tầm thường và nhiều lầm lỗi thành một thân khẩu ý hoàn thiện. Sự phục hưng ấy sẽ không chỉ ảnh hưởng ở đời sống tinh thần, mà còn ở đời sống ý thức, cho đến đời sống thân xác vật chất. Xã hội chỉ có và càng có tính người khi xã hội có và càng có ý thức về tội lỗi.

Để có được xã hội đúng, tốt và đẹp, chúng ta cần biết ý thức về tội lỗi là gì, theo truyền thống Đông phương của chúng ta. Chúng ta cũng ý thức rõ ràng đạo Phật là nền tảng văn hóa sâu nhất và kéo dài lâu nhất (2.000 năm), rộng nhất (số người theo nhiều nhất) và hiện đại nhất (hiện đang phát triển trên khắp thế giới) đối với đất nước chúng ta.

- Tội lỗi không phải là có tội có lỗi đối với một đấng tạo hóa nào, mà có tội có lỗi trước hết với chính mình. Tội lỗi là làm hư hỏng mình, tự mình làm dơ bẩn mình, tự làm thui chột khả năng phát triển đến mức độ toàn

thiện của tính người:

Tự mình làm xấu ác

Tự mình làm nhiễm ô

Tự mình không làm ác

Tự mình làm thanh tịnh

Tịnh, không tịnh tự mình

Không ai thanh tịnh ai.

(Phẩm *Tự ngã*, *Kinh Pháp Cú*, câu 165, bản dịch của HT. Thích Minh Châu)

Tội lỗi là làm hư hỏng mình và làm hư hỏng người khác, tự mình làm dơ bẩn mình và làm dơ bẩn người khác, tự mình làm hư hoại tiềm năng tự hoàn thiện của mình và làm hư hoại tiềm năng tự hoàn thiện của người khác. Làm hư hỏng chính mình và người khác, trong khi mình và người khác là những vị Phật tiềm năng, những vị Phật sẽ thành: "Ta là Phật đã thành, các người là những vị Phật sẽ thành", như lời Đức Thích Ca đã nói.

Tự mình làm hư hỏng mình nghĩa là tự mình gây khổ cho mình, như Nguyễn Du nói trong *Truyện Kiều*: "Cứ tìm những chốn đoạn trường mà đi".

Tự mình phá hỏng mình thay vì hoàn thiện mình, tự mình làm cho mình thui chột, què quặt, rớt xuống thay vì tự mình làm cho mình sáng tỏ, phục hồi mạnh mẽ, đi lên, và không những với chính mình mà với người khác cũng thế, đó là tội lỗi.

Tội lỗi, do đó là cái làm hư hỏng tính người của chúng ta, là cái ngăn chặn tự do và hạnh phúc của chúng ta.

- Nếu tạo ra tội lỗi, ai sẽ trừng phạt chúng ta? Chẳng có đấng Thượng đế nào trừng phạt, mà chỉ có định luật nhân quả tác động, từ lĩnh vực vật chất thô đến lĩnh vực vi tế nhất, nghĩa là bao trùm toàn bộ thân, khẩu, ý. Gây tạo nhân gì thì hưởng quả ấy. Gây ra sự tổn hại cho mình và cho người thì chính mình sẽ hưởng thọ sự tổn hại tương đương. Một lực được phát ra từ thân khẩu ý, dù tốt dù xấu, đều có lúc trở ngược lại nơi thân khẩu ý của mình.

Pháp luật cũng trừng phạt theo định luật nhân quả: làm điều xấu ác gây tổn hại cho xã hội (nhân xấu) thì phải bị trừng phạt (phải chịu quả xấu). Nhưng pháp luật chỉ là tương đối. Làm việc ăn trộm nhưng không thực hiện được thì pháp luật không biết để can thiệp, nhưng không thể qua mặt định luật nhân quả, vì hành động đã thành ở ý, khẩu, thân. Với pháp luật, giết một người cũng như giết một trăm người đều chịu một tội tử hình. Với định luật nhân quả, người ấy không chỉ chịu tội tử hình, mà sau khi chết, còn phải chịu trả quả ở những khổ cảnh cho đến khi quả báo hết. Với pháp luật, tội nặng nhưng nhờ luật sư giỏi có thể bào chữa cho thành nhẹ. Với định luật nhân quả, không ai có thể nhúc nhích được cán cân nhân quả, cũng tức là cán cân công lý.

Dân gian ta có câu, lưới trời không lọt, là vậy. Thế nên khi ý thức được định luật nhân quả, con người không dại gì tự hại mình bằng nhân xấu để rồi phải chịu quả xấu. Sự xấu ác được chặn đứng, thậm chí bị phá hủy từ bên trong. Thay vào đó, con người khôn ngoan thì tạo



ra những nhân tốt, cuộc đời là môi trường để tạo đủ thứ nhân tốt, và cuộc sống cứ như thế mà tiến lên.

Ý thức và biết sử dụng định luật nhân quả là một nền tảng tuy vô hình nhưng là căn cứ bền vững cho một xã hội ổn định và tiến bộ.

Nhưng chẳng lẽ cuộc đời này và các đời sau nữa chỉ là chuyện vay trả, trả vay, dù là vay trả trả vay toàn là nghiệp tốt? Đạo Phật không những chỉ dạy đạo làm người (nhân đạo) là "chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành" (các điều ác chớ làm, các điều thiện hãy làm), mà còn dạy con đường giải thoát giác ngộ. Bởi thế sau hai câu trên, Đức Phật dạy câu cuối cùng: "Tự tịnh kỳ ý" (Hãy tịnh hóa tâm ý mình). Chúng ta không chỉ tránh tội lỗi, làm điều tốt lành, mà còn khảo sát, tìm kiếm đến tận cội nguồn của tội lỗi để nhổ gốc nó. Cội nguồn của tội lỗi nằm trong tâm ý. Để hết sạch tội lỗi che chướng chúng ta, làm chúng ta vô minh u tối, chúng ta cần tịnh hóa tâm ý mình. Chính tâm ý quyết định chúng ta sống trong phiền não khổ đau hay trong an lạc giải thoát.

Nhìn một cách sâu xa, ý thức về tội lỗi, ý thức về sự không tự làm tổn hại chính mình chính là ý thức về sự viên mãn vốn có của mình. Kinh *Đại Bát Niết Bàn* nói: Tất cả chúng sanh đều sẵn đủ Phật tánh. Thế nên, ý thức về tội lỗi giúp chúng ta tìm kiếm, không làm hư hoại và sống được kho tàng trí huệ, từ bi và công đức trong tâm chúng ta.

Tội lỗi chính là phủ nhận chính mình sẽ thành Phật, "tự mình làm xấu ác, tự mình làm nhiễm ô", để tự mình che lấp Phật tánh của mình. Tội lỗi chính là tự tạo thêm phiền não chướng và sở tri chướng để tự mình ngăn chướng với Phật tánh vốn luôn luôn là mình. Tội lỗi là tự đầy ải mình thành chàng cùng tử khổ sở lạc loài trong chấp ngã và chấp pháp không thể trở về quê nhà đích thực của mình. Không tội lỗi là thường không khinh chính mình. Thường Bất Khinh là danh hiệu của một vị Bồ-tát, cũng là đầu đề một chương trong kinh *Pháp Hoa*.

Ở đây chúng ta nói qua sự ảnh hưởng của tâm thức

đối với tội lỗi, nghiệp quá khứ và sức mạnh của tâm thức đối với sự ngăn chặn nghiệp tương lai phát sanh như thế nào. Chính phẩm chất của tâm quyết định sự thọ nghiệp quá khứ và sự không phát sanh của nghiệp tương lai.

Một thí dụ của Bồ-tát Long Thọ: nếu đổ một chén muối vào một bình nước, nước ấy rất mặn không uống nổi. Nhưng nếu đổ một chén muối vào một cái ao hay một cái hồ, nước của ao hay của hồ vẫn không biến chất bao nhiêu. Một nghiệp quả xảy ra trong một cái tâm càng rộng lớn thì nghiệp ấy càng dễ chịu đựng, ảnh hưởng của nó càng yếu. Tâm càng rộng lớn nghiệp quả càng được hòa tan và trở thành nhẹ, thậm chí như không có.

Một thí dụ khác. Một chiếc xe tông vào một vật cứng chắc, chẳng hạn một ngôi nhà, thì vật thể này bị tổn hại nặng nề. Chiếc xe ấy lao trong không khí, tỷ trọng rất nhẹ, thì không khí không bị tổn hại bao nhiêu. Chúng ta biết rằng về mặt vật lý và cả tâm thức, Phật giáo phân loại từ thô nặng đến vi tế và nhẹ: đất, nước, lửa, gió... Thế nên, nghiệp quả va chạm với một tâm thức mà bản chất tâm thức ấy càng vi tế và nhẹ thì tác động của nghiệp quả ấy càng nhỏ. Nếu tâm càng thô nặng thì sự tàn phá sẽ càng nhiều, sức phản động của nghiệp quả sẽ càng nhẹ.

Cũng chính một tâm càng rộng lớn và vi tế cao cấp thì sẽ càng khó tạo ra nghiệp mới, nghĩa là tội lỗi mới.

Đó là con đường giải quyết nghiệp của đạo Phật.

Tâm thức có thể trở nên rộng lớn và vi tế, cao cấp, không chướng ngại nhờ tâm ấy càng thẩm đắm trí huệ, từ bi và hạnh nguyện. Chính trí huệ, từ bi và hạnh nguyện làm cho tâm từ nhỏ hẹp đến rộng lớn, từ thô nặng đến vi tế cao cấp, từ tội lỗi thành vô tội, từ nhiễm ô thành thanh tịnh.

Với trí huệ, từ bi và hạnh nguyện, chúng ta sẽ dần dần phá trừ những nghiệp chướng của tâm là phiền não chướng và sở tri chướng, do đó tâm sẽ dần dần trở về quê nhà đích thực của nó, là Phật tánh Thường Lạc Ngã Tịnh.

Ở trên chúng ta chỉ đề cập sơ lược chủ đề tội lỗi và tịnh hóa tội lỗi. Điều cần nhấn mạnh là trong thời đại ngày nay tội lỗi không còn được xem trọng trong khi xã hội có đầy đủ mọi phương tiện để dễ dàng gây ra tội lỗi. Xã hội thiếu ý thức về tội lỗi là một xã hội đã bị hư hoại 'hệ thống miễn dịch' của mình, mà pháp luật, tuy rất cần thiết nhưng chỉ là những biện pháp khi đã lỡ xảy ra và không thể đi đến tận căn nguồn của cơn bệnh.

Chính ý thức về tội lỗi, nghĩa là ý thức về nhân quả nghiệp báo, sẽ chữa lành mọi căn bệnh xã hội, mọi vấn nạn xã hội. Ý thức về tội lỗi không phải để sợ hãi và tê liệt mà nó chính là động lực để vươn lên, tiến đến chân thiện mỹ của con người và xã hội.

Ý thức về tội lỗi sẽ cứu độ chúng ta, phục hồi tính thiêng liêng của con người, người khác và thế giới. Bởi vì chúng đã biết rõ rằng tội lỗi, hay nghiệp chướng, là những cái ngăn che, chướng ngại chúng ta với Thực Tại, và làm nhiễm ô toàn bộ đời sống chúng ta. ■



Cổng chùa Minh Thiện. Ảnh: thuvienhoasen

Sắc tứ Minh Thiện tự

TRÀ KIM LONG

Nằm về phía Tây thị trấn Diên Khánh tỉnh Khánh Hòa, chùa Sắc tứ Minh Thiện là một ngôi cổ tự có lịch sử lâu đời trong tỉnh. Chẳng những là thắng cảnh mà còn thực sự là danh lam; vì chùa Minh Thiện đúng là một chốn tôn nghiêm, một trong những trung tâm sinh hoạt văn hóa Phật giáo lớn nhất huyện thuộc hệ phái Tổ đình Nghĩa Phương. Chùa còn có tên gọi là chùa Phật lớn vì ngày trước nơi Đại hùng bảo điện của chùa chỉ tôn trí thờ phượng độc nhất một ngôi tượng

Phật Thích Ca thật lớn. Ban đầu, chùa được dựng trên núi Tháp; về sau, chùa đã phải di dời ba lần; lần sau cùng là vào năm 1892 dưới đời vua Thành Thái triều Nguyễn, chùa được dựng lại ở vị trí hiện nay. Tính từ thời điểm ngài Tịch Đức-Phổ Châu (còn được biết đến với danh hiệu Giác Sanh Thiên Hòa) chống tích trượng đến núi Tháp dựng thảo am (năm 1673), chùa Minh Thiện có lịch sử tới 338 năm. Nếu chỉ tính riêng từ khi được dời đến vị trí hiện nay, chùa cũng đã có 119 năm tồn tại và phát triển.



Theo “*Phủ biên tạp lục*” của Lê Quý Đôn, dưới đời Thái Tông Hiếu Triết Hoàng đế (chúa Hiền – Nguyễn Phúc Tần) vào tháng 4 năm Quý Tỵ (1653), vua nước Chiêm Thành là Bà Tấm đem quân lấn chiếm đất Phú Yên. Chúa Nguyễn Phúc Tần sai Cai cơ Hùng Lộc hầu làm Tổng binh và Xá xai Minh Võ hầu làm Tham mưu đem ba ngàn quân vượt đèo Hổ Dương núi Thạch Bi tiến đánh. Vua Bà Tấm cả thua bỏ chạy, sai con là Xác Bà Ân nộp lễ quy hàng. Địa giới từ đó được phân định; từ sông Phan Rang trở ra chúa Nguyễn lấy làm phủ Thái Ninh, sau đổi thành phủ Diên Khánh (tỉnh Khánh Hòa ngày nay) đặt dinh Thái Khang cử Hùng Lộc hầu trấn nhậm.

Lúc bấy giờ Hiệp Đức hầu Nguyễn Phước Chiêu (còn có tên là Thuần) vẫn là thế tử của chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1648 – 1687). Từ nhỏ, Hiệp Đức hầu đã thọ giáo học Phật với Tổ Viên Khoan – Đại Thâm. Về sau, ngài quyết chí từ quan để xuất gia, vân du về phương Nam đến phủ Qui Nhơn (Bình Định), có nhân duyên gặp được Hòa thượng Giác Phong khen tặng bảy chữ: “Tôn hơn tự giác, giác hàm sanh”. Nhân đó, ngài lấy hiệu là “Giác Sanh Thiên Hòa tử” rồi tiếp tục cuộc hành trình vừa vân du tu học vừa hoằng dương đạo pháp. Vào năm thứ 10 đời vua Lê Huyền Tông (Quý Sửu – 1673) ngài đến đỉnh Tháp Sơn thuộc làng Thanh Tuyền, phủ Diên Ninh, dinh Thái Khang (nay là thôn Thanh Minh, xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa) dựng tích tượng lập thảo am tu thiền, hoằng dương Chánh pháp. Tài đức của ngài làm cho nhân dân kính phục, thu hút rất đông người tìm đến quy y, cầu học. Từ đó, thảo am được xây dựng thành một ngôi chùa lớn lấy tên là Minh Thiện, lấy ý từ sách *Đại học* của Khổng Tử: “Đại học chi đạo tại minh minh đức, tại tân dân, tại chí ư chí thiện”.

Sau gần 70 năm khai sơn, đến năm Canh Thân (1740) Cảnh Hưng nguyên niên đời vua Lê Hiến Tông chùa Minh Thiện được phong sắc tứ.

Theo với thời gian thiên nhiên biến đổi, dòng sông Cái (sông Nha Trang) từ thượng nguồn đổ về đã chuyển hướng tạo nên dòng chảy mới lấn sâu vào địa giới đất chùa. Để tránh tình trạng sụp lở, chùa Minh Thiện được dời về Xóm Đồng, lúc bấy giờ đang trong thời kỳ đất rộng người thưa vốn là vùng đất lý tưởng cho sự thanh tu. Di tích còn lưu lại nơi chùa cũ là tháp Tổ khai sơn trên đỉnh Tháp Sơn.

Dần dần, khu Xóm Đồng quy tụ đông đảo dân cư sinh sống, trú xứ không còn là nơi lý tưởng như lúc ban đầu. Chùa thêm một lần dời về nơi vùng đất Cây Xộp dọc bờ sông Cái (sông Nha Trang) theo dòng chảy mới, tục gọi là đất bảy mẫu, nhằm vào thời ông Chánh Tổng Chủ làm Chánh Tổng địa phương. Di tích ở Xóm Đồng vẫn còn ghi nhận nơi vùng chùa cũ là xóm Chùa.

Tại vùng đất cây Xộp, chùa Minh Thiện cũng vẫn chưa phải là nơi an trụ lâu dài. Ông Chánh Tổng Chủ vốn có máu mê đen đỏ, đánh bạc thua hết gia sản, lấy

oai quyền đem bán luôn cả đất chùa. Chùa lâm vào cảnh có chùa mà không có đất.

Vào năm Nhâm Thìn (1892) đời vua Thành Thái thứ tư, Tổ thứ 10 của chùa Sắc tứ Minh Thiện là Hòa thượng Phổ Quang hiệu Tánh Tú tự Ngộ Thông (1892 – 1930) được tộc họ Trần trong làng hiến cúng một khu đất rộng, lần thứ tư chùa lại phải di dời; tuy nhiên, từ đó, chùa được kiến lập và phát triển không ngừng trên khu đất ấy cho đến ngày nay. Nơi chùa cũ đã di dời hiện nay vẫn còn di tích là Bến chùa nơi bờ sông Cái.

Nằm trên một khuôn viên khá rộng với cảnh quan thanh nhã, tàng cây râm mát, chùa đã từng bước được trùng tu, xây dựng, tạo nên một sắc thái trang nghiêm, thiền vị. Đáng kể nhất là ngôi Đại hùng bảo điện được đại trùng tu vào năm Đinh Mùi (1967) dưới thời cố Hòa thượng Thích Huệ Đăng.

Ngày nay, ngôi chùa đã không ngừng được trùng tu kiến tạo nhiều công trình quy mô, mỹ lệ như cổng tam quan, Tổ đường, Đông lang, Tây xá, phương trượng trú trì, giảng đường, Tịnh độ đạo tràng, tháp chuông, tượng đài Đức Quán Thế Âm, Lộc uyển, tháp Tổ...

Nhìn tổng thể, cổng Tam quan có kiểu cách trang nhã, màu sắc hài hòa đứng trang nghiêm với những câu đối nói lên ý nghĩa cao thâm của đạo pháp. Bên trong cổng tam quan là tượng đài Đức Cửu nạn Cửu khổ Quán Thế Âm Bồ-tát được tôn trí giữa hồ sen. Trước hiên chùa với tấm hoành phi sơn son thếp vàng ghi đậm dòng chữ “Sắc tứ Minh Thiện tự”. Hai tấm hoành phi song song hai bên ghi rõ năm chùa được sắc phong và năm trùng tu chánh điện. Hai bên chánh điện có lầu chuông lầu trống, uốn cong từng góc mái có giao long uốn lượn, lưỡng long chầu nguyệt...

Tôn tượng Đức Bốn Sư Thích Ca ngồi kiết già trên chánh điện tỏa sáng ân đức từ bi hỷ xả đến với muôn loài. Bên hữu tôn trí tượng thờ Đức Quán Thế Âm, Đức Quan Thánh đế quân. Bên tả là tượng ngài Địa Tạng Bồ-tát.

Tổ đường trang nghiêm thờ Tổ Bồ-đề Đạt-ma, long vị chư Tổ sư khai sơn, truyền thừa. Hai bên tả hữu là hương linh ký tự của chư đạo hữu quá vãng. Từ chánh điện đến Tổ đường đều có những tấm hoành phi nói lên tâm từ của đạo pháp được tôn trí phù hợp.

Ngoài ra, những công trình thiết kế, xây dựng xung quanh ngôi chánh điện là những cấu trúc hài hòa, tăng thêm phần mỹ quan nhưng vẫn hàm chứa đầy đủ trang nghiêm thanh tịnh đạo tràng.

Vào những mùa an cư kiết hạ, các khóa tu Bát quan trai được khai mở, quy tụ đông đảo Phật tử về tham gia tu học. Những buổi lễ sám được tổ chức thường xuyên mỗi tháng là dịp vân tập hướng Phật của hàng trăm thiện nam tín nữ. Những ngày lễ, ngày vía cũng như lúc thường nhật, khách tham quan xa gần về ngắm cảnh, lễ Phật trang nghiêm... Chùa Minh Thiện thực sự là điểm đến của những tấm lòng chân thành hướng thiện. ■

NGỌN ĐÈN TRONG CÁI LU

TÁN NGHĨA

Chuyện tiền thân Losaka kể về sự đầu thai nhiều kiếp của Trưởng lão Losaka. Trong thời Đức Phật Ca-diếp, Trưởng lão đã là một vị rèn luyện trụ trì tại một ngôi làng nhỏ. Có một phần ăn được dân làng nhờ ông đem cúng dường cho một vị A-la-hán đang làm khách tại làng đó. Vì ghen tỵ, Trưởng lão đã không đem về cho vị ấy mà mang chôn dưới một đám lửa tro tàn. Hành động ấy đã khiến ông bị tái sinh một ngàn kiếp sống khổ cực. Năm trăm đời làm quỷ dạ xoa đói khát, chỉ có một lần được ăn đồ ô nhiễm dơ bẩn của bào thai. Năm trăm đời làm chó, chỉ có một ngày được no bụng với cơm đã bị ọ ra.

Luân chuyển nhiều đời, vị ấy tái sinh vào gia đình của một người đánh cá ở Kosala, trong ngôi làng có một ngàn gia đình. Trong ngày vị ấy đầu thai, ngàn gia đình ấy không bắt được một con cá nào. Khi vị ấy còn ở trong thai, làng đó bị lửa đốt cháy bảy lần và bị xử phạt bảy lần. Họ suy nghĩ: "Trước kia chúng ta không có như vậy. Nay gặp nhiều tổn hại. Giữa chúng ta phải có một người có số đen. Chúng ta hãy chia thành hai nhóm, mỗi nhóm năm trăm gia đình. Và nhóm nào có người số đen, nhóm ấy bị tổn hại. Nhóm nào không có kẻ số đen, nhóm ấy được tăng thịnh". Và cử thể họ chia nhóm ấy làm hai, chia làm hai nửa. Họ chia đến khi chỉ còn lại một gia đình ấy, và khi tìm ra kẻ số đen ở trong gia đình ấy, họ liền đánh đuổi đi.

Hành vi chôn thức ăn, không giao lại cho cho một vị A-la-hán được người khác cúng dường, đã đem lại hậu quả vô cùng xấu. Câu chuyện của Trưởng lão Losaka còn nhấn mạnh tới khía cạnh cộng nghiệp.

Chẳng những vị này phải trải qua một ngàn kiếp sống khổ cực mà còn làm ảnh hưởng tới những người thân, bà con láng giềng của mình.

Người mẹ phải tìm sống một cách khó nhọc, với bụng mang thai; khi thai đến kỳ, bà sanh được đứa con trai. Đứa bé ấy được sanh trong đời sống cuối cùng [của nghiệp lực] nên không thể bị giết hại. Như ngọn lửa trong cái lu, điều kiện trở thành A-la-hán cháy đỏ trong tim của nó.

Vì hành động xấu trong quá khứ, đứa bé chưa sinh ra đã phải chịu một cuộc sống khổ cực. Tuy nhiên, ước muốn giải thoát trong kiếp sống xa xưa vẫn nẩy mầm. Bài giảng trên núi trong *Tân ước* nói rằng: "*Chính anh em là ánh sáng cho trần gian. Một thành xây trên núi không tài nào che giấu được. Cũng chẳng có ai thấp đèn lên rồi lại đặt bên dưới cái thùng, nhưng đặt trên đế, và nó soi sáng cho mọi người trong nhà. Cũng vậy, ánh sáng của anh em phải chiếu giải trước mặt thiên hạ, để họ thấy những việc tốt đẹp anh em làm, mà tôn vinh cha của anh em, đứng ngự ở trên trời.*" (Mát-thêu, 5, 14). Một nhà thơ cũng nói rằng: "*Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt, còn hơn buồn le lói suốt trăm năm*". Đối với Phật học thì khác, điều tốt phải được giữ vững như ngọn đèn để trong cái lu, nhờ vậy mà nó có thể tồn tại lâu dài, không bị ngọn gió của cuộc đời thổi tắt. Hãy giữ vững điều tốt đẹp như đèn để trong lu, đó là điều mà Phật học nhấn nhủ bạn.

Người mẹ nuôi dưỡng nó, tập nó chạy tới, chạy vòng; và khi nó đã đi được, bà đặt trong tay nó một cái bát đi xin, bảo nó đi vào một nhà kia, rồi bà bỏ trốn. Từ đó, đứa bé sống một mình, tìm đồ ăn tại chỗ này, nằm ngủ tại chỗ khác, không tắm, không săn sóc thân mình, tìm sống một cách cực khổ chẳng khác con quỷ ăn bùn. Nó dần dần lớn lên được bảy tuổi, lượm từng miếng cơm một mà ăn như con quạ, tại một cửa nhà nọ có đồ ăn còn lại từ các nồi cơm được rửa.

Những mô tả trong các kinh văn Phật giáo thật đặc biệt, các sự kiện được diễn giải cụ thể, vì đối với Phật học, mỗi sự kiện đều là duy nhất, không có sự kiện thứ hai ở trên đời giống như vậy. Bà mẹ rất thương con nhưng không chịu nổi khổ cực. Bà nuôi nó đến lúc nó có thể tự sống được thì bỏ nó lại một mình. Nó sống một cuộc đời khổ cực, kinh văn không nói một cách trừu tượng rằng nó: "sống lang thang không nhà" mà nói cụ thể là "ăn chỗ này nhưng ngủ ở chỗ khác". Kinh văn không nói một cách tổng quát là "nó ăn cơm thừa canh cặn" mà nói cụ thể là "lượm từng miếng cơm một mà ăn như con quạ, tại một cửa nhà nọ có đồ ăn còn lại từ các nồi cơm được rửa". Hành văn cụ thể như vậy không mấy người có thể làm được.

Một hôm, vị tướng quân chánh pháp Xá-lợi-phất đang đi khất thực ở Xá-vệ, thấy đứa bé, suy nghĩ không biết đứa bé đáng thương này ở làng nào, khởi lòng từ bi đối với nó và gọi: "Hãy đến đây".

Chắc rằng ngài Xá-lợi-phất đi khất thực ở Xá-vệ, đi qua nhiều con đường trong nhiều lần khác nhau và thấy đứa trẻ ăn xin lần này đến lần khác. Ngài đã quen với nó và do đó khởi lòng từ bi.

Đứa bé đến đánh lễ Trưởng lão và đứng lại. Trưởng lão hỏi:

- Con sống ở làng nào? Cha mẹ ở đâu?

- Thưa Tôn giả, con sống không nơi nương tựa. Cha mẹ, vì con mà phải sống quá mệt mỏi, nên bỏ rơi con mà trốn đi!

- Con có muốn xuất gia không?

- Thưa Tôn giả, con muốn xuất gia. Nhưng ai sẽ truyền giới cho kẻ khốn nạn như con?

- Ta sẽ truyền giới xuất gia cho con.

- Lành thay, Tôn giả hãy truyền giới xuất gia cho con.

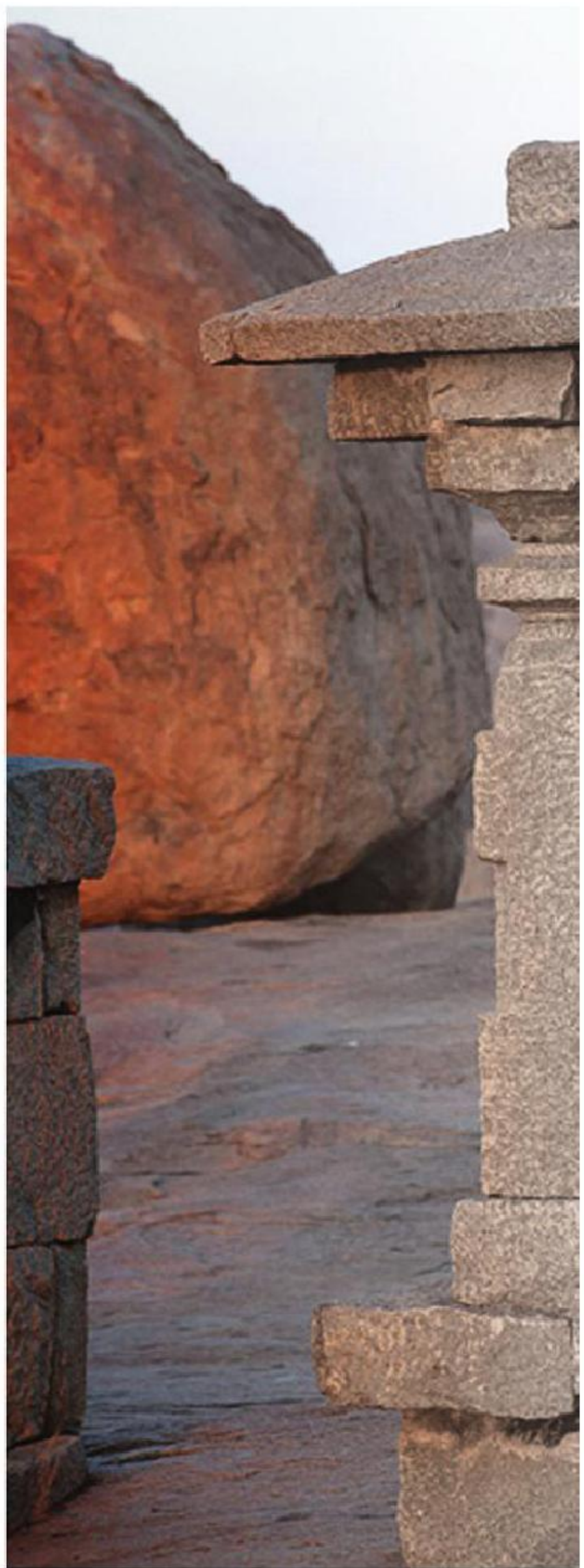
Trưởng lão cho nó ăn các món ăn loại cứng và loại mềm, dắt nó đến tịnh xá, tự tay tắm rửa cho nó, truyền giới xuất gia cho nó làm sa-di; đến khi đủ tuổi, vị sa-di này lại được Tôn giả Xá-lợi-phất trao đại giới cho. Khi trưởng thành, người này được gọi là Trưởng lão Losakatissa.

Ý nguyện sống cuộc đời tu tập vào thời Đức Phật Ca-diếp ngày nay bắt đầu trở lại, ngọn đèn để trong tim của vị Trưởng lão đã không tắt qua nhiều kiếp sống.

Trưởng lão Losaka ít được nhận đồ cúng dường. Truyền thuyết nói rằng dẫu có lễ bố thí to lớn đến đâu, bụng Trưởng lão cũng không no, mà chỉ được ăn vừa đủ để nuôi mạng sống. Một muống cháo đổ vào bát của Trưởng lão dường như làm tràn đầy bình bát khiến những người cúng dường nghĩ rằng bình bát của ngài đã đầy tràn nên đem cháo cúng dường người kế tiếp. Khi cháo đổ vào trong bình bát của Trưởng lão, người ta nói cháo trong đĩa người cúng dường hình như biến mất.

Cái nhân gây ra bởi hành động chôn đồ ăn trong thời quá khứ vẫn còn trở quả. Thức ăn thức uống đều rất khó kiếm đối với ngài, mặc dù thời đó, việc cúng dường cho chư Tăng rất phổ biến. Như vậy ta thấy, mặc dù gặp điều kiện thuận lợi cho việc tu tập, nghiệp riêng của Trưởng lão Losaka vẫn làm cho ngài không có thức ăn.

Trưởng lão chứng quả A-la-hán sau một thời gian tăng trưởng thiền quán, nhưng đồ cúng dường nhận được vẫn rất ít ỏi. Thọ hành Trưởng lão dần dần giảm thiểu, và ngày nhập Niết-bàn đã đến. Tướng quân Chánh pháp hướng tâm đến, biết ngày Trưởng lão nhập Niết-bàn, tự nghĩ: "Trưởng lão Losakatissa hôm nay sẽ nhập Niết-bàn. Ta sẽ khuyên người ta cúng dường Trưởng lão đồ ăn như ý muốn". Tôn giả Xá-lợi-phất đưa Trưởng lão vào thành Xá-vệ khất thực. Dẫu xòe tay cho nhiều người ở Xá-vệ, cũng không nhận được ngay cả một tô cháo.





Nghiệp của Trưởng lão Losaka ảnh hưởng cả đến ngài Xá-lợi-phất. Khi hai người đi khất thực chung, cả ngài Xá-lợi-phất cũng không nhận được gì.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Losakatissa về trước, ngồi ở phòng họp, rồi đi khất thực một mình. Khi có thức ăn, ngài gửi người đem về cho Losakatissa. Những ai được Xá-lợi-phất giao thức ăn đem về đều quên trao cho Losakatissa và tự mình ăn phần ăn ấy.

Nghiệp của Trưởng lão nặng đến nỗi ngài Xá-lợi-phất phải tách ra đi riêng mới mong nhận được đồ cúng dường. Tuy nhiên, khi thức ăn được gửi về cho Losakatissa thì mọi người lại... quên luôn.

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất đi về tịnh xá, Losakatissa đến đánh lễ. Tôn giả dừng bước quay lại hỏi:

- Này hiền giả, hiền giả có được thức ăn không?
- Thưa Tôn giả, chúng con sẽ nhận được đúng thời.

Trưởng lão Losaka rất bình tĩnh, ngài biết tất cả các khó khăn này là do nghiệp của mình. Câu trả lời đúng theo định luật nghiệp báo: "chúng con sẽ nhận được đúng thời".

Tôn giả Xá-lợi-phất hoảng hốt nhìn giờ. Thời giờ đã quá rồi. Ngài nói:

- Này hiền giả, hãy ngồi ở đây.

Tôn giả bảo Losakatissa ngồi trong phòng họp, rồi đi đến chỗ nhà vua Kosala. Nhà vua cho người lấy bát của Tôn giả, bỏ đầy bát với bốn loại bánh ngọt và nói:

- Đây là đồ ăn phi thời.

Theo giới luật thì không được khất thực quá Ngọ. Nhà vua không biết nguyên do sự việc nên đã nói một câu nhận xét theo đúng giới luật. Tuy nhiên, một vị đứng đầu một quốc gia không nên sơ suất như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất cầm bình bát đi về và nói:

- Này hiền giả Tissa, hãy ăn bốn loại bánh ngọt này.

Nói xong Tôn giả cầm bình bát và đứng chờ. Nhưng Losakatissa hổ thẹn, và vì lòng kính trọng đối với Tôn giả Xá-lợi-phất, ngài không dám ăn. Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Losakatissa.

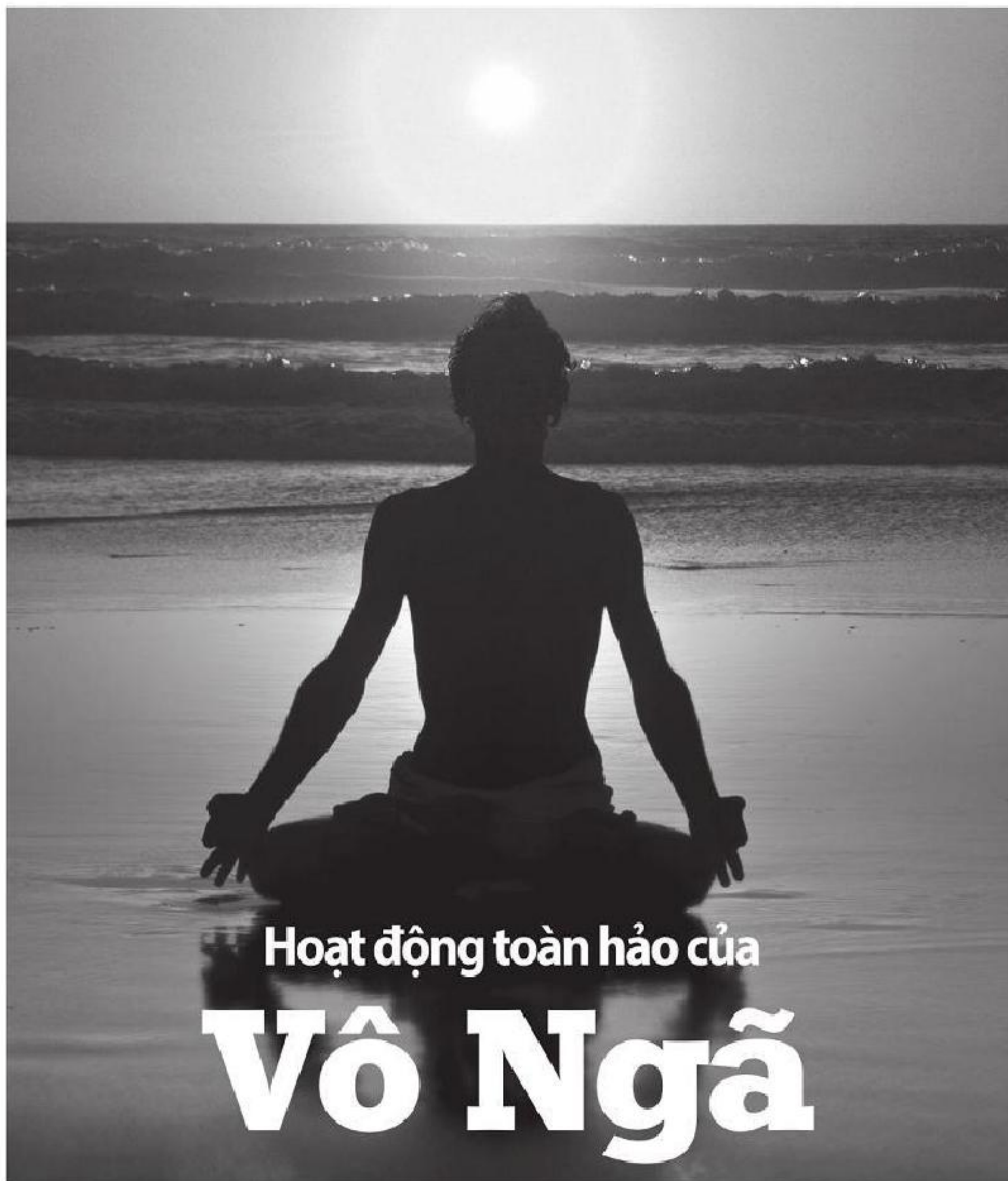
- Này hiền giả, hãy đến. Ta đứng cầm bình bát này, còn hiền giả ngồi và ăn. Nếu tay ta rời bình bát thì không còn vật gì cả.

Do thần thông lực thuộc bậc thánh của ngài Xá-lợi-phất, bánh ấy không biến mất. Trưởng lão Losakatissa được ăn như ý muốn, đầy đủ, no bụng. Ngày hôm ấy, Trưởng lão Losakatissa đắc Niết-bàn. Khi mọi người thắc mắc:

- Này các hiền giả, Losakatissa ít phước đức, ít nhận được đồ cúng dường. Do ít phước đức, ít được cúng dường như vậy, làm sao lại đắc Niết-bàn.

Đức Phật trả lời:

- Này các vị rèn luyện, ông ấy do nghiệp tự mình làm nên không được cúng dường và cũng do nghiệp mình làm mà được thánh pháp. Ông ấy thuở trước làm chướng ngại người khác cúng dường nên ít được cúng dường. Ngày nay, do chú tâm thiền quán vô thường vô ngã nên được thánh quả. ■



Hoạt động toàn hảo của **Vô Ngã**

TAIZAN MAEZUMI ROSHI
THỊ GIỚI dịch

Thiên nhấn mạnh trên sự giác ngộ mà từ đó hành giả nhìn thấy toàn bộ bên trong và bên ngoài như là một. Đó là điều mà Đức Phật nhìn thấy. Và may mắn thay, chúng ta có mọi phương tiện khéo léo (upaya) để

qua đó chúng ta thực hành và thật sự nhìn thấy được Pháp. Ở đây, tôi muốn lưu ý đến cái gì thật sự là Pháp. Bạn nghĩ thế nào về nó, và theo bạn cách tu tập nào là đúng? Sau đó thực hành và chiêm nghiệm sâu hơn về Pháp. Có thật sự bạn thực hành tốt, đúng với những

điều bạn đã nghĩ, đã nghe hay đã đọc? Theo những điều đã lãnh hội, quán sát Pháp, làm tươi mới và sách tấn chính mình, để cho sự tu tập ngày càng tốt hơn.

Chúng ta có thể kỳ vọng gì trong việc thực hành Pháp? Trong Thiền có câu: “Không mong cầu” (vô cầu). Câu đó có nghĩa là gì? Chúng ta nói, “Không đạt, không cầu giác ngộ. Ngồi thẳng yên lặng, chỉ ngồi! Đây là con đường của người xưa”. Khi nói “người xưa” (cổ đức), chúng ta không giới hạn sự tu tập vào một người nào. Bất cứ người nào – nam hay nữ, ở địa vị hay giai cấp nào – thành toàn được con đường đạo đều được gọi là cổ đức. Do đó phẩm chất tu tập của chúng ta rất quan trọng. Loại tu tập nào chúng ta tuân theo, sự giác ngộ nào chúng ta có được? Loại chánh niệm nào? Loại định nào? Kết quả nào chúng ta trải nghiệm? Dù không kỳ vọng một điều gì, sự tu tập chắc chắn có một số kết quả.

Một trong những giáo pháp quan trọng nhất là giáo lý nhân quả. Chúng ta có thể nói rằng toàn bộ những gì Đức Phật nói là về nhân quả. Không phải chỉ một nguyên nhân hay một vài nguyên nhân – tất cả mọi thứ là nguyên nhân cho một số kết quả. Mọi sự việc đều kết nối nhau theo cách này hay cách khác. Có những nguyên nhân trực tiếp và những nguyên nhân không trực tiếp, tất cả cùng vận hành. Chúng ta nói: *“Nhân và quả không phải là hai thứ tách rời nhau; nhân và quả là một”*. Thường chúng ta không có sự hiểu biết đó trong đời sống thực tiễn hay qua giáo pháp. Bạn hiểu nhân quả như thế nào? Một số người nghĩ rằng khi họ làm một việc xấu, hành động của họ không thật sự là xấu cho đến khi họ bị bắt – có thể ngày mai hay năm sau hoặc sau đó. Về vấn đề này, Lão sư Yasutani Roshi nhiều lần nói: “Khi bạn ăn cắp một thứ gì, ngay lúc đó, bạn trở thành tên trộm”. Thật như vậy chăng?

“Sống thế nào?” là câu hỏi đầu tiên cho tất cả chúng ta? Câu trả lời không phải là những luật lệ do con người đặt ra được giữ gìn dưới những hoàn cảnh hay môi trường đặc biệt, hoặc do xã hội, nhóm người hay quốc gia. Dĩ nhiên, các luật lệ này có những mức độ quan trọng. Nhưng cũng có những thứ quan trọng hơn nhiều. Ngay cả việc quyết định điều gì tốt và điều gì xấu, điều gì đúng và điều gì sai, điều gì thật và điều gì giả - làm thế nào để chúng ta đánh giá? May mắn thay, những điều này đã được đề cập trong giáo lý nền tảng nhất của Đức Phật.

Giáo lý nền tảng của Đức Phật là bốn pháp ấn: vô thường, vô ngã, khổ và tịch diệt (Niết-bàn). Bạn có thấy rõ tính chất thật sự của đời sống là vô thường, vô ngã, không có gì cố định chăng? Đặc biệt là tính chất vô ngã, không cố định. Vì sao đó lại là kho tàng Pháp? Vì sao cái đó được gọi là prajna, trí tuệ? Nếu có một vài ý niệm trong đầu, bạn sẽ không thể nào hiểu rõ câu “mọi sự đều vô thường”, luôn luôn thay đổi.

Abhidharma (hệ thống tâm lý học của Phật giáo) nêu ra bao nhiêu sự thay đổi xảy ra trong 24 giờ đồng hồ, trong một ngày, một đêm. Tôi thích đề cập về điều vô cùng quan trọng này, và tôi càng ngày càng thấy sự thật về điều này. Chỉ trong một giây, đời sống của chúng ta thay đổi 5.000 lần. Vì sự thay đổi quá nhanh, ý thức của chúng ta không bắt kịp. Thân và tâm chúng ta thay đổi cũng nhanh chóng như vậy. Đó là đời sống của chúng ta. Sống trong dòng thay đổi nhanh chóng đó, chúng ta có thể kỳ vọng điều gì? Niệm tưởng nào chúng ta có thể thật sự có? Sự việc nào chúng ta có thể thật sự để tâm vào?

Giờ đây chúng ta đang nói về nó, nhưng nó là cái gì? Quá khứ đã qua, nhưng chúng ta vẫn còn bám vào. Tất cả mọi thứ chúng ta nói đến đều là quá khứ hoặc tương lai. Ngay cả khi chúng ta nói về “bây giờ” cũng không có cái gì thật sự có ý nghĩa đó. Cái “bây giờ” đã trôi qua. Chúng ta chỉ tạo ra sự hỗn loạn, điên đảo. Dù chúng ta ý thức hay không về sự thay đổi nhanh chóng này của đời sống, nó cũng đang diễn ra. Nhưng chúng ta làm gì với đời sống này? Chúng ta làm việc này, làm việc kia – toàn là những chuyện đã trôi qua hay chưa đến. Ý nghĩ, tư tưởng mà chúng ta có đây trong đầu không phải là sự hiện hữu chân thật mà chúng ta đang đối mặt tại đây, ngay bây giờ. Chúng ta không nên lẫn lộn. Đây là một điểm vô cùng quan trọng.

Tôi không coi thường ý nghĩ. Tôi chỉ muốn lưu ý rằng chúng ta không nên lẫn lộn đời sống của chúng ta với ý nghĩ của chúng ta về đời sống, điều chúng ta nghĩ và điều thật sự xảy ra. Điều đó được Đức Phật đề cập đến như sự biến đổi không ngừng. Mọi và mọi thứ đang biến đổi không ngừng. Đó là đời sống thật không được biết đến. Và cái vô ngã khách quan và không được biết đến đó – ở bên ngoài mọi sự đánh giá, bám víu, tháo gỡ – vận hành một cách toàn hảo, một cách không ý thức. Đó là cái mà đời sống này là. Đó là cái biểu hiện của vô ngã. Khi không nhận ra nó, đau khổ đang chờ đợi chúng ta. Khi nhận ra nó, thì liền có Niết-bàn, bình an.

Nghe Pháp, suy nghĩ về Pháp, thực hành Pháp và chứng ngộ Pháp. Nhận chân được đời sống của chúng ta là sự bình an. Nhận chân đời sống như chính chúng ta là, như nó đang là hiện giờ, không phải như điều chúng ta suy nghĩ và đoán định. Chúng ta không cần kỳ vọng điều gì; chúng ta không cần cố gắng làm việc gì. Lý do thật đơn giản: nó đã có sẵn tại đây như chính đời sống của chúng ta. Điều đó không quyến rũ sao? Thật tâm lắng nghe, suy nghĩ, thực hành, kiểm chứng. Làm tất cả, đó là tu tập. Tất cả, đó là điều chúng ta đang làm. Điều quan trọng là hãy bình an, tịch diệt. Đó là điều Đức Phật dạy. Khi bình an rồi, còn điều gì để chúng ta sẽ phải làm?

Nguồn: The Perfect Working Of No-Self, từ Shambhala Sun. ■



Me tôi

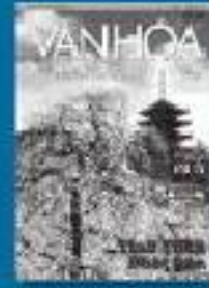
NGUYỄN MANH HÙNG

Tôi nhận tin mẹ lên thăm. Theo quán tính tôi hỏi ngay xem có việc gì. Câu nói của mẹ làm tôi giật mình, “Lên thăm rồi ở lại chơi với các con vài ngày không được hay sao? Cứ phải có việc mới gặp nhau à con?”. Hơn 40 tuổi đầu, đã học và có bao bằng cấp, đi biết bao nơi, làm bao chức vụ mà vẫn không hiểu được lòng mẹ.

Bao năm nay, mỗi lần về quê thăm mẹ, tôi rất hay không hài lòng với bà. Mẹ tôi làm việc quá nhiều, luôn chân luôn tay. Cả nhà ngồi vào bàn và bắt đầu ăn thì mẹ lại chạy đi. Khi thì con gà quên chưa cho ăn, khi thì luống rau chưa đầy. Mẹ có thói quen rất lạ “Bổ con các con ăn trước đi, mẹ vào ngay bây giờ”. Đã bao lần tôi bực mình với mẹ vì rất mong rằng bữa ăn hiếm hoi phải đông đủ cả nhà. Có mấy khi tôi bố trí được lịch để từ Hà Nội về Thái Bình thăm bố mẹ đâu. Một năm chắc được vài lần! Mong ước tưởng đơn giản vậy mà mấy khi vẹn toàn.

Nhiều bữa đang ăn thì có khách đến. Thế là mẹ lại bỏ đĩa ra tiếp khách. Tôi bảo để khách đợi chút xíu hay ra rót nước mời khách rồi vào ăn tiếp. Mẹ không chịu. Vậy là mẹ mất bữa.

Mẹ làm việc nhiều lắm. Tuy chỉ là những việc vặt ở quê nhưng luôn chân luôn tay. Trồng và chăm rau. Ao cá. Nhặt lá rụng. Chăm cây ăn trái. Xới đất.



CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2011

Bón phân. Nấu ăn. Dọn nhà. Toàn việc vặt. Bố tôi thì nóng tính lại không chịu được đói nên nhiều khi về nhà chưa có cơm cũng kêu ca, đôi khi còn to tiếng.

Do ngày còn trẻ không được ăn uống đầy đủ và phải làm lụng nhiều, vất vả nuôi sáu anh em tôi ăn học nên mẹ hay bệnh. Hết khớp lại xương. Hết sỏi thận lại đau đầu... Nhiều bệnh lắm. Nên chữa đủ kiểu – Tây y rồi Đông y. Tôi lo vô cùng và luôn sẵn lòng giúp mẹ trị bệnh. Từ ngày bố mẹ tập dưỡng sinh và ngồi thiền đến nay, bệnh tật bớt dần. Tôi mừng nhất là mẹ đã tin Phật và tu tập tốt. Bây giờ mẹ không sát sinh nữa, ăn uống giản dị. Mẹ tôi rất hay khen ngợi tôi và còn nói rằng nhờ tôi mẹ biết đến Phật, đến thiền, đến ăn chay và niệm Phật.

Mẹ lên thăm tôi. Bà vẫn luôn tay luôn chân như ở nhà. Mẹ dọn nhà, nấu ăn, giặt giũ. Nhà có máy giặt nhưng mẹ không dùng, bảo giặt tay vừa sạch hơn vừa tiết kiệm. Có mẹ, nhà tôi sạch bong. Tôi thì chỉ muốn mẹ nghỉ ngơi, xem tivi, đọc sách, nghe nhạc. Nhưng cách nghỉ ngơi của mẹ tôi lại là làm việc, là luôn chân luôn tay. Mẹ bảo thế. Thật là lạ!

Tôi nhớ ngày hè nóng bức, trước khi đi làm tôi bật máy lạnh để mẹ nghỉ ngơi cho mát mẻ. Về đến nhà thấy cửa mở toang hoang. Tôi kêu lên. Mẹ bảo, nhà lạnh và ngột ngạt quá mẹ không biết tắt máy lạnh ở đâu. Chỉ còn cách mở tất cả cửa sổ ra. Thì ra có nóng mấy mẹ cũng chỉ dùng quạt chứ không dùng máy lạnh.

Một bữa tôi về nhà thấy cửa mở. Tôi giật mình và nói to giọng rằng thế thì chết; rằng ở Hà Nội nhiều trộm cắp, cướp giật, lừa đảo lắm. Mở cửa thế này thì có thể nguy hiểm. Mẹ bảo mẹ quen ở quê rồi, cổng để cả ngày có sao đâu. Tôi lắc đầu và không biết nói thêm gì nữa.

Ngày mẹ về tôi thấy mẹ xách một túi ni lông to. Tôi hỏi mẹ xem túi gì. Mẹ bảo, bao thức ăn thừa mẹ gom hết lại mang về quê thả xuống ao cho cá nó ăn. Trời đất, mẹ từ Thái Bình lên thăm con trên thủ đô cả hơn trăm cây số mà lúc về lại mang cơm thừa canh cặn, cọng rau bao giờ!

Đi hết nửa đời người tôi vẫn chưa hiểu mẹ. Tôi biết mẹ yêu quý con cái biết nhường nào. Dù sáu anh em chúng tôi, đứa nhỏ nhất cũng hơn 30 tuổi rồi mà mẹ vẫn lo cho từng đứa con y như chúng tôi mới đang đi học.

Tôi biết mẹ vì chồng vì con quá nhiều. Nhưng rất nhiều điều tôi vẫn không hiểu hay nói đúng hơn là chưa hiểu hết nỗi. Bao năm nay tôi có biết bao lần khó chịu với mẹ, muốn mẹ sống khác đi. Mẹ đã nhiều tuổi rồi. Mà ở cái tuổi trên 70 liệu có thay đổi được không. Và tôi chợt nhận ra: tại sao mình, một người còn trẻ, không muốn đổi thay mà lại muốn mẹ thay đổi.

Tôi ngăn người ra khi mẹ vẫy tay. Chiếc xe khách tuyến Hà Nội – Thái Bình bắt đầu chuyển bánh. ■

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng bảo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2011, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng bảo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

PT. Quỳnh Đình Nam	: 100 cuốn/kỳ
Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc, NS. Trí Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 32 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
ĐD. Thích Thiện Minh	: 20 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh An & Chơn Hòa	: 12 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy	: 11 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền & Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Ô Huỳnh Văn Lộc, Q. BT	: 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 8 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng	: 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ
Thái Quang Hy	: 5 cuốn/kỳ
Anh Dũng	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Chú Tiến, TP. HCM	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trán Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Trương Thị Mai Anh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Vĩ	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên, CT TNHH Cơ khí Mè Linh	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Cô Châu Diệp Anh và Chị Ngành	: 1 cuốn/kỳ
Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
Bà Đặng Nguyên Phương	: 1 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCPH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm	: 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ
Cô Hồ Thị Phương	: 1 cuốn/kỳ
Tổng số bảo tặng kỳ này:	586 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng bảo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**

Email: vanhoaphatgiaovnn.vn

Ban Biên tập

Bên triền sông Ô Lâu

HỒ SĨ BÌNH

Đầu năm nay tôi có dịp đi dọc sông Ô Lâu, một vùng đất chỉ nhiều lần qua lại chứ chưa có cơ hội tìm hiểu để biết sâu hơn về vùng giáp ranh giữa hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên. Thú thật, tôi thực sự ngạc nhiên về những nẻo đường làng quanh co, những đình chùa miếu mạo, những bến sông huyền hoặc khói sóng. Ẩn tàng sâu hút trong những thôn xóm yên bình dân dã là những tầng sâu văn hóa riêng biệt mà cổ kính, khiêm tốn mà tự tin, khép kín mà bình chân như vại cho dầu làn sóng đô thị hóa cứ chực chờ dòm ngó. Cái chợ Mỹ Chánh vẫn vậy, xôn xao thị tứ bên quốc lộ mà quê kiểng vẹo xiêu như không thềm đếm xỉa tới thời gian, tới biến động hừng hực quanh mình. Có người cứ bảo sao mà chậm phát triển, sao mà cổ lỗ sĩ đến vậy trong khi cuộc sống cứ lao về phía trước. Nhưng không hiểu sao trong nét cổ

xưa ấy tôi lại tìm thấy bóng mình với một nỗi niềm an ủi. Nhớ ngày còn trẻ cùng người bạn về đây lục dưới tủ thờ trong căn nhà của Ngụy Ngử những trang viết đánh máy dờ dang mà nhà văn còn bỏ lại. Nơi bến chợ này là bối cảnh những truyện ngắn đầy ray rứt ngập ngựa bi kịch, ám ảnh của chiến tranh trong một không gian vang vọng những ý thức phản tỉnh đầy nhân văn cuốn hút bạn đọc miền Nam từ cuối thập niên 60 của nhà văn sinh ra trên vùng đất Ô Lâu, đặc biệt là truyện ngắn *Con thú tật nguyền* được chuyển thể thành phim. Ngày ấy tôi còn nhớ, tôi đứng bên này cầu Mỹ Chánh nhìn ra bến sông, chiều chưa kịp xuống mà nhìn đâu cũng thấy một không khí ngột ngạt chiến tranh.

Năm bảy năm trước khi làng cổ Phước Tích gần đó thực sự còn là một làng cổ, tôi về lại nhiều lần nằm đong đưa bên vũng dưới mái hiên ngôi nhà cổ của

người bạn đắm chìm trong không gian của hoa nhài, hoa lan, hoa bưởi, hoa cau, những ngôi làng còn trải cơ man là những mảnh gốm vụn dấu tích của một ngôi làng nổi tiếng là làng “độc độc” bây giờ được xem là một địa chỉ du lịch đã bề tổng nhiều thứ, hàng quán ầm ào xe ngựa, tự đứng trong lòng tôi đã mất đi niềm say đắm thuở nào. Bởi vậy lần đầu về thăm người bạn gái cùng trường ở làng Hội Kỳ, tôi thật sự xúc động. Bạn đã sống hết đời của một công dân làm việc nhà nước ở thị xã Quảng Trị rồi bỏ hết chốn phù hoa về lại nơi ngôi nhà cổ xưa trong làng. Khu vườn rộng thênh thang nhiều hoa trái, bạn chỉ sống một mình lặng lẽ giữa sương đêm. Cứ tưởng rằng chắc là bạn mình buồn bã lắm, nhưng ngược lại suốt cả ngày bạn lạc quan vui vẻ; những tiếng cười rộn rã đó chứng tỏ con người của bạn đã bỏ hết thị phi tuế toái của đời vì tìm thấy nỗi vô vi chốn ngõ nơi ngôi nhà của chính mình. Bạn trở lại ngôi nhà cũ để còn lo hương khói cho ông bà cha mẹ. Thái độ và tâm trạng của bạn như còn phảng phất hình bóng của Nguyễn Trãi khi trở lại Côn Sơn: *Thân xưa hương hỏa chẳng còn ước / Chí cũ công danh đã phỉ nguyên...* (Thuật hứng - Quốc âm thi tập). Bạn cho biết, thường tâm an lạc cũng nhờ tâm định theo cách “đối cảnh vô tâm” của Sư tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông, biết mà không nói, nghe mà không khen chê, không động tâm, thấy mà không bình phẩm.

Năm nay tiết trời rét quá, bạn chỉ tiếc vườn mai đại lão không kịp nở hoa để đón bạn bè.

Mô hình lập làng của Hội Kỳ có nét na ná Phước Tích, cũng quanh co lối xóm những hàng chè tàu, những nhà vườn cây trái và những ngôi nhà cổ hằng trăm năm trăm tích tư lự neo bóng bên dòng sông, khác chẳng với Phước Tích là Hội Kỳ vẫn thế, trăm

năm nước chảy qua cầu Mỹ Chánh, con người vẫn gìn giữ được nếp nhà xưa. Tôi thầm cảm ơn thôn xóm hiền hòa này bởi đã đánh thức nỗi hoài cảm thôn xóm tưởng đã mất đi trong tâm hồn.

Chúng tôi gồm một nhóm bạn cũ của mấy chục năm về trước, tóc ai cũng lấm tấm hạt đầu của mây trời nhưng hình như suốt cả cuộc hành trình không bao giờ thiếu tiếng cười. Mấy người bạn tại chỗ chỉ con đường làng đi học ngày xưa, bới côm vùng, khoai sắn đi về hơn hai chục cây số, mùa mưa đường lầy lội rét căm căm mà nhóm học sinh con nhà nghèo chỉ phong phanh áo tờ lá, thế mà vẫn kiên trì không vắng một buổi học nào. Rồi sau đó lên cấp ba lại phải khăn gói côm đùm gạo bới ra trường tỉnh học khốn khổ trăm bề nhưng vẫn đeo đuổi, kể cả tuy có người vì hoàn cảnh phải dừng lại giữa đường mà giấc mơ đèn sách vẫn luôn nuôi dưỡng trong lòng. Vùng đất học bên Ô Lâu rạng danh từ rất lâu khi cụ Bùi Dục Tài người ở Cầu Nhi là người đỗ tiến sĩ từ thời vua Lê Hiến Tông, vị tiến sĩ khai khoa của xứ Đàng Trong. Ông từng được thăng đến chức quan Tả thị lang Bộ Lại nhưng vì bản tính cương trực, thẳng thắn nên đã bị gian thần hãm hại. Trên những con đường chân quê của mấy trăm năm trước, bằng những khát vọng đầy trời những sĩ tử đời sau vẫn không ngừng chăm chăm bước tới để bây giờ làng Cầu Nhi được dân gian gọi bằng một cái tên thật đáng tự hào: làng tiến sĩ. Tôi về làng, nơi ngã ba sông nhìn ra bến chợ và dòng sông, ngôi đình được dựng theo góc nhìn phong thủy truyền thống. Đình làng nghe nói được lập từ thời Lê sơ, di dời về đây từ thời Tây Sơn rồi can qua chiến trận xây đi dựng lại, trùng tu tôn tạo vẫn còn vương vấn một màu lịch sử của sáu trăm năm không ngừng biến động.

Trong làng, có nhiều cụ già từng đi dạy học, làm

việc ở thành phố, dù con cái thành danh, khá giả nhưng vẫn một mực quay về làng, mở lớp dạy học cho các em nhỏ, sống trọn niềm vui và lòng tự trọng của một kẻ sĩ tiêu dao với trà sớm vườn khuya, tâm tình cùng cây cỏ. Hình như đó là cốt cách tự tại thắm nhuần mình triết phương Đông nơi vùng đất nhìn ra phía trước là sông, sau lưng mình cũng là sông.

Đi dọc triển sông từ Lương Điền, Văn Quỳ, Hà Lỗ, Đồng Dương, Hưng Nhơn... mỗi làng mỗi không gian quê kiểng riêng biệt. Có một điều dễ nhận ra cái chung nhất chính là ý thức lập vườn của con người. Nhà nhỏ nhà to thường có cổng ngõ chè tàu, hồ nước, hoa nhài hoa sồi, vườn cây trái xum xuê nên tâm tính người dân thiên về hướng nội, dạt dào tình cảm. Thêm nữa, về đây đi đâu cũng gặp sông. Sông Ô Lâu từ miền cao của Huế chảy ra, quây một vòng cung uốn lượn theo hình con rắn ngoằn ngoèo để lại những ngôi làng như những ốc đảo Phước Tích, Mỹ Xuyên, Hội Kỳ trước khi về Mỹ Chánh gặp sông Thác Ma (còn gọi là sông Mỹ Chánh) lượn lờ rồi xuôi ra biển. Theo một số nhà địa chất thì khi sông Ô Lâu từ Mỹ Chánh xuôi ra biển, đi qua vùng đất nhiều trũng cát nên nước ngọt mà trong, dòng chảy êm đềm, xuôi mái.

Chia tay với Ô Lâu ở ngã ba sông ở làng Câu Nhi, sông Mỹ Chánh mang một tên mới là Ô giang trôi xuôi một đường ra huyện Triệu Phong để gặp sông đào Vĩnh Định trong nỗi cô đơn không hề muốn cùng ai chia sẻ. Cuộc chia tay đầy quyến luyến không dứt để lại nơi ngã ba Câu Nhi những hên hò bên lở bên bồi và những bến đò ở hạ nguồn dằng dặc với những tình sử miên man buồn thảm một thời *Trăm năm còn lỗi hên hò - Cây đa bến cộ con đò khác đưa*. Câu ca dao sinh ra trên những bến sông từ cái thuở sĩ tử xứ Đàng Ngoài muốn vào kinh ứng thí phải vượt trường giang. Và trên dòng sông mệnh mang thơ mộng này biết bao câu hò điệu lý đầy mô tả của một vùng xứ sở đa đoan thể sự hình thành một nền văn nghệ thắm đẫm màu khói sóng. Có một nhạc sĩ tài hoa đã âm thầm lên đường mang nặng tâm thức hoài vọng của tình yêu tuổi trẻ và đất nước để những dòng nhạc dù kinh qua khói lửa chiến tranh vẫn mượt mà biêng biếc màu xanh của những dòng sông quê nhà. Tác giả của những tình ca bất hủ như *Lời người ra đi*, *Sơn nữ ca*, *Giữa Mạc Tư Khoa nghe câu hò ví dặm*... đó là Trần Hoàn. Dòng Ô Lâu đã gieo đậu nơi ông biết bao niềm thao thiết, vì thế để gợi gắm niềm tâm sự xa quê, xa những hên hò thuở nọ, trên bước đường kháng chiến và dọc ngang đây đó, ông đã có những ca khúc viết về những dòng sông Bến Nghé, sông Lam, sông Ngân Phố, sông Hàn... mang ít nhiều bóng dáng và cảm xúc của chốn nọ bãi kia ngày ra đi xa bến Ô Lâu.

Sông Ô Lâu ngày tôi về, tháng Giêng non trời đất, dòng sông một màu xanh thắm để đất trời như bát

ngát sâu hút hơn. Trong nỗi niềm yên ba thâm xứ, tôi chợt nhận ra trong màu nước trong xanh kia hình như còn in bóng những giấc mơ lập thân của các bậc tiền nhân, những người đi trước với nghĩa khí ngất trời. Hẳn nhiên là thế, bởi ngày trước giao thương chủ yếu bằng đường thủy cho nên trên những quãng sông này một thời vang bóng của khách thương hồ xuôi ngược mua bán. Hệ quả để lại là vô số những bến đò, những đình làng bãi chợ, những ngôi nhà vườn quay mặt về hướng sông. Lịch sử đã đi bằng những tháng năm dài, những xôn xao sông nước đã không còn, để lại những con đò lơ thơ giăng mắc trên bến vắng.

Ngược qua Ô giang, lên bến đò Hà Lỗ ghé thăm người bạn gái cùng lớp. Khác với người bạn ở Hội Kỳ, bạn từng có nhiều năm bươn chải mưu sinh chốn thị thành nhưng rồi tai nạn gia đình, bao nhiêu gánh nặng đè lên vai một phụ nữ yếu đuối, không còn cách nào khác đành phải khăn gói quy cố hương, rồi bạn được địa phương bố trí đi dạy trường làng. Ngôi nhà của bạn tuy đơn sơ mà ấm cúng, trong vườn trồng rất nhiều chè và cây trái. Trong đôi mắt và những câu chuyện đời của bạn, có lẽ đã qua đi thời tăm tối. Bạn vốn là người đa cảm, có lẽ cảm động vì bất ngờ gặp bạn ở xa về thăm nên nước mắt rưng rưng. Có một nhà văn nói đúng: Chỉ có con người phụ bạc quê hương nhưng quê hương luôn thủy chung cứ mãi chờ ta... Đối với trường hợp bạn, quê nhà đích thực là nơi chốn để nương nhờ. Chia tay mà lòng cứ bịn rịn.

Nhóm bạn chúng tôi trải qua những biến cố chiến tranh, vì hoàn cảnh thời cuộc nên có người bên này bên kia chiến tuyến thế nhưng gặp lại nhau chao ơi là thắm thiết như thể chưa hề có những khoảng cách về ý thức hệ. Hình như với những ai sau những trải nghiệm đầy giông bão cuộc đời, điều còn lại là tình yêu thương, một tình bạn đã gắn liền khúc ruột được chắt chiu từ một kỷ ức xa thẳm, không ai có thể chia lìa. Gabriel García Márquez nói đúng: *Người ta già nua không phải vì thời gian tuổi tác mà già nua chỉ đối với những ai không còn yêu thương được nữa*... Có lẽ chính tình cảm bạn bè được khơi gợi và bộc lộ chân thực nên suốt cuộc hành trình, những người bạn sau nhiều năm gặp lại thấy mình như tuổi đôi mươi, tâm hồn như bay bổng, la đà trên sông nước.

Buổi chiều bên dòng Ô Lâu, dưới bóng cây đa cổ thụ, có người bạn bày tỏ một mong ước mà ai cũng chia sẻ, rằng bạn sẽ về dựng một ngôi nhà bên sông, trồng rất nhiều cau, mà phải là giống cau quê, cây vừa cao hoa vừa thoảng hương thanh khiết. Cau quê còn là nơi chim sẽ về làm tổ, buổi chiều tối bấy chim sẽ trở về ríu rít, xôn xao cả một khoảng không nghe mới tuyệt làm sao...

Sông vẫn trôi khe khẽ lặng lẽ để cứ như một chứng nhân ôm vào mình những giấc mơ gợi gắm của bao người. ■

Nắng gió Tây Nguyên

CAO HUY HÓA

Khâm Đức, 12 giờ trưa. Chúng tôi đến thị trấn này của huyện miền núi Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam, ghé vào một quán ven đường. Dúi tay chân, phóng tầm mắt bao quát rồi nhìn xung quanh... Hay thật! Sao ngày hôm nay mình đến được tận miền núi xa xôi này, nơi hứng chịu chiến tranh ác liệt và dai dẳng, nơi trước đây mình chỉ biết trên bản đồ chiến sự của báo chí?

Vâng, duyên may đưa tôi đến Tây Nguyên, Tây Nguyên với sức vẫy gọi huyền bí, Tây Nguyên với các địa danh lạ lẫm, với rừng đại ngàn, với phong tục tập quán hấp dẫn của đồng bào dân tộc, với đất đỏ ba-dan phì nhiêu, với voi rừng, nhà rông, công chiêng, rượu cần, cà phê, với đường Trường Sơn huyền thoại... cho dầu chúng tôi chỉ được hai ngày rong ruổi trên đường để đi đến Đà Lạt.

Từ Quốc lộ 1, rẽ vào Quốc lộ 14, chúng tôi bắt đầu vào miền núi mênh mông. Khác với Quốc lộ 1 rộng rãi và tấp nập xe cộ, qua nhiều thành phố và thị trấn sầm uất, Quốc lộ 14 hẹp, vắng vẻ, hai bên đường nhà cửa đơn sơ, thôn xóm đìu hiu. Nhưng khi đến gần Khâm Đức thì con đường rộng mở, phố xá phong quang. Nắng xuân thật nhẹ, gió mát hơi se lạnh, chúng tôi cảm thấy khoan khoái, tận hưởng niềm vui cảnh lạ đường xa. Phía trên cao, rừng núi hùng vĩ chập chùng, bên kia đường là trạm viễn thông cao vút, bên cạnh quán ăn là quán cà phê khá khang trang.

Sau một hồi ngắm cảnh, chúng tôi vào quán. Nơi đây có vẻ tương đối lịch sự, và chúng tôi không mong gì hơn là một bữa ăn bình thường với bụng dạ an toàn tại thị trấn miền núi này, nhưng không ngờ. Một bữa ăn ngon để đời, với đặc sản tại chỗ. Cần kể thêm một đặc sản nữa, đó là mộc mạc Quảng Nam: thức ăn trong tô, trong đĩa đầy ắp, thực chất; và tôi nghĩ cái mộc mạc này vẫn đáng quý vì càng ngày thị trường càng bày vẽ hình thức hào nhoáng để che đậy nội dung nghèo nàn, kém cả phẩm chất lẫn hương vị.

Trên Quốc lộ 14 qua các thành phố Kon Tum, Pleiku, Buôn Ma Thuột, xe cộ lưu thông trên đường không nhiều, có nơi rất thưa thớt, thỉnh thoảng xuất hiện xe làm đường, đặc biệt là xe công nông, hình như chở công nhân làm trường hoặc những người làm trang trại. May mắn lắm mới thấy rừng nguyên sinh ở những vùng cheo leo khúc khuỷu, thật là xanh tươi dịu mắt, còn thì đại thể núi non hai bên đường không giữ được nét tự nhiên, thuần nhất mà bị phân chia từng mảng: nơi thì còn cây cao, nơi thì vỡ hoang dang dở, nơi thì đã canh tác. Cứ tưởng rừng đại ngàn hùng vĩ, trùng điệp, nào ngờ loang lổ thế này, có lẽ rừng đại ngàn lùi xa hay chẳng? Trước đây tôi nghe nói về hiện tượng du canh du cư, bây giờ du canh du cư xảy ra ở đâu đâu, chứ ở rừng





Ảnh: Minh Quốc

núi hai bên Quốc lộ này đã có tên người, tên công ty sở hữu hoặc thuê đất dài hạn, có trang trại, có hợp đồng, chuyên canh, làm ăn với phương tiện cơ giới hiện đại. Đất ở Tây Nguyên thật là đất vàng, bao la đất vàng, từ đó mọc lên nào là cà phê, nào là cao su, nơi thì thành rừng cây cao, đã khai thác lâu năm, nơi thì cây đang độ thanh xuân, nơi thì bạt ngàn sẵn, rồi thì tiêu, điều,... Ấn tượng nhất là cây cà phê, có lẽ thời gian gần đây cà phê lên giá nên đâu đâu cũng thấy cà phê, mùa này cà phê lúp xúp ra hoa trắng muốt, trên đồi, trong vườn nhà, hay dọc hai bên đường.

Quốc lộ 14 là con đường gay go nhất đối với người lái xe, nhất là những đường đèo rất quanh co, gấp khúc, cheo leo, đèo cao, dốc sâu, thăm thẳm... đã thế, con đường lại bị hư hỏng nặng và đang trong quá trình tu bổ. Phải chăng vì thế mà chúng tôi là du khách hiếm hoi rong ruổi trên đường này? Một lần như thế cũng "đã" lắm rồi, "đã" nhất khi qua đèo Lò Xo, quanh co như lò xo, bụng dạ của người trên xe cũng bị ép như lò xo.

Phải vất vả như thế thì chúng tôi mới thăm được các thành phố Tây Nguyên, dấu phần lớn chỉ thấy quang cảnh hai bên đường. Thành phố Kon Tum không lớn nhưng xinh xắn. Thành phố Pleiku, thành phố hôm nay tôi mới đi qua mà từ lâu trong đầu vẫn mang mang câu hát: *"Em Pleiku má đỏ môi hồng"*¹; lần này tôi không có thời giờ sống ở thành phố cao nguyên này vài hôm để nhận ra "má đỏ môi hồng", nhưng chẳng sao, cứ để nét

dễ thương đó theo suốt cả cuộc đời mình; tuy nhiên cái dễ thương nhỏ bé *"đi dặm phút đã về chốn cũ"*¹ thì đã xa rồi. Pleiku ngày nay phố xá tỏa rộng, vươn cao, đầy khí thế. Đập vào mắt chúng tôi là thương hiệu Hoàng Anh - Gia Lai nổi bật, với sân vận động, với nhà máy chế biến gỗ, với Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai - Arsenal JMG, với khách sạn 4 sao Hoàng Anh - Gia Lai, với nhà máy đá granite. Không có thành phố nào mà tên tuổi và sự nghiệp của đại gia sáng chói, lẫy lừng như ở thành phố Pleiku, và tên tuổi này được cả nước biết tiếng qua các hoạt động khai thác gỗ, khách sạn, và nhất là ông bầu của đội bóng Hoàng Anh - Gia Lai.

Pleiku và Buôn Ma Thuột, hai thành phố gần nhau mà cả hai đều phồn thịnh. Đối với chúng tôi, Pleiku đem lại ngạc nhiên thì Buôn Ma Thuột cũng là một khám phá thú vị. Có lẽ Buôn Ma Thuột cũ hơn Pleiku, phát triển sớm hơn, có chút rêu phong của thời gian. Buôn Ma Thuột được định hướng là đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên, là thủ phủ cà phê. Ra khỏi thành phố Buôn Ma Thuột, và vẫn trong tỉnh Đắk Lắk, chúng tôi được ngắm hồ Lắk thơ mộng, uốn lượn qua những đồi núi trùng điệp rừng thông và thăm Biệt điện Bảo Đại. Biệt điện trên đồi cao, với kiến trúc thanh lịch, còn được giữ gìn như một di tích và thắng cảnh. Trời về chiều, biệt điện vắng vẻ, quán cà phê buồn không khách, cây sứ già trụi lá trầm mặc... Chứng tích còn đây, mà xa vắng một thời Hoàng triều cương thổ.

Giã từ Quốc lộ 14, chúng tôi theo Quốc lộ 27 để về Đà Lạt. Tôi đã từng đến Đà Lạt nhiều lần; đặc biệt là lần đầu tiên, thời sinh viên, tôi đã đi tàu hỏa từ Tháp Chàm lên Đà Lạt, một lần đi để lại ấn tượng sâu sắc: đầu tàu chạy bằng hơi nước, và vì phải vượt qua những dốc cao, nên đường ray từ Sông Pha lên Đà Lạt phải dùng đường ray răng cưa, và bánh xe toa tàu là bánh răng cưa. Đoàn tàu hì hục, phì phò lên núi, tiếng rít ma sát giữa bánh xe và đường ray đinh tai, nhưng bù lại khách đi tàu ngắm cảnh vật xanh tươi, đồi núi chập chùng thật tuyệt đẹp. Chiến tranh đã khai tử tuyến đường sắt Tháp Chàm – Đà Lạt, và sau này, hòa bình lập lại, tuyến này vẫn không được phục hồi, đầu có nhu cầu kinh tế và nhất là du lịch.

Những tuyến đường bộ đến Đà Lạt đều rất ấn tượng: đường từ TP. HCM đi qua thị xã Bảo Lộc, nhìn xuống thung lũng xanh xanh bát ngát những đồi chè, rồi từ Bảo Lộc lên Đà Lạt thật là ngoạn mục; đường từ Diên Khánh (Khánh Hòa) lên Đà Lạt, mới mở sau này, thu ngắn khoảng cách giữa hai trung tâm du lịch Nha Trang và Đà Lạt, uốn lượn qua những con đèo, những cánh rừng nguyên sinh, những rừng thông hùng vĩ.

Con đường từ Buôn Ma Thuột về Đà Lạt không đẹp như tôi mơ tưởng, chỉ gây ấn tượng là cây cà phê, miền man là cà phê, nhưng bao nhiêu vất vả đi đường bị xóa tan khi xe sắp lên đèo Prenn để về chốn cũ thân yêu Đà Lạt. Thành phố này khác hẳn các thành phố khác, không phải để đi qua mà để sống, để thờ, để thả lỏng tâm trí, đầu chỉ trong vài ba ngày.

Trong thời gian hiếm hoi đó, chúng tôi không trở lại thăm những thắng cảnh nổi tiếng của Đà Lạt mà chỉ muốn rong ruổi đến những miền xa. Bỏ qua hồ Tuyền Lâm, Suối Vàng, chúng tôi đi sâu vào rừng, lên lối vào đường mòn xem một đại gia làm du lịch sinh thái, cắt những lều tranh, nhà lá, lại “cắm cọc” làm chòi chót vót trên cây thông già, tất cả để phục vụ “thượng đế” chần đời bên trời Âu Mỹ; xem dự án của hai vợ chồng nhà khoa học trẻ Việt Nam từ Pháp trở về, thử nghiệm trồng cây cải dầu, tiến đến mở nhà máy sản xuất dầu cải tại Đà Lạt. Chúng tôi đến thị trấn Lạc Dương, vốn trước đây hẻo lánh, giờ đường nhựa đã băng qua đồi núi để đi đến khu du lịch sinh thái Lang Biang, mà hoạt động thể thao chính là leo núi Lang Biang (cao 2.167m so với mặt biển), rồi từ đường chính đó, mở ra những con đường mà hai bên, nào nhà kính trồng hoa, nào vườn rau, nào lán trại, con người cứ bắt đất đai sinh sôi của cải, đêm cũng như ngày, ánh điện bổ sung cho mặt trời.

Tây Nguyên đọng lại trong tôi hình ảnh của đất đai màu mỡ, của con người với phương tiện cơ giới hăm hở khai thác núi đồi, “dám” hy sinh những rừng nguyên sinh, những rừng thông xưa nay là vốn liếng vật chất và tình cảm của những cư dân lâu năm tại đây, Tây Nguyên với phố thị phát triển và sức sống dồi dào. Dầu sao, đó chỉ là cảm nghĩ có thể là hơi hợt, chỉ có những

thứ mà chúng tôi thấm là nắng và gió Tây Nguyên vào đầu xuân. Gió mát khi hừng nắng, gió se lạnh khi nắng biến đi. Nắng nhẹ, vàng ươm, hòa tan vào không khí, vào cây cỏ núi đồi, vào lòng người.

Trong chuyến đi ngắn ngủi này, mà phần lớn thời gian là dành cho đi đường, chúng tôi ít có cơ hội tiếp xúc với những người địa phương, những người dân tộc. Chỉ có vài người: cô chủ quán đáng nhỏ xinh, bồng con thơ từ Đà Nẵng về Khâm Đức làm ăn; hai vợ chồng đứa cháu tài hoa ở thành phố Buôn Ma Thuột, nguyên là giáo viên, tự nguyện thôi dạy, rồi ăn nên làm ra nhờ mở studio ảnh và cà phê vườn; anh chị Việt kiều Pháp nho nhã và phong trần, vì mê Đà Lạt và Lâm Đồng mà quyết chí làm dự án đầu cải, gần bó đời mình với rừng núi nơi đây; ông chủ mở nhà hàng ăn ở Đà Lạt từ trước năm 1975, người Huế, vẫn giữ cốt cách thanh lịch với các món ăn Việt Nam, khách phần lớn là khách Tây, sau này có thêm khách Hàn Quốc, Nhật Bản, ông chủ thỉnh thoảng sử dụng vốn tiếng Pháp để giao thiệp với khách.

Tôi chỉ kịp nhìn đại lộ mang tên Anh hùng Núp tại Buôn Ma Thuột cũng như những con đường mang tên những người anh hùng dân tộc thiểu số. Cách mạng đã đổi đời đồng bào miền núi Tây Nguyên. Những cấp ủy Đảng, những cơ quan công quyền, những đoàn thể không thể thiếu những người dân tộc từ chức vụ bình thường đến cấp cao nhất tại địa phương. Nhưng chắc chắn số đông cần phải được cải thiện đời sống, vật chất lẫn tinh thần, trong khi vẫn gìn giữ bản sắc văn hóa Tây Nguyên. Nhìn bên ngoài cảnh phồn thịnh của các thành phố Tây Nguyên, nhìn phố xá thành thang, đường phố rộng rãi, xe cộ hào nhoáng, nào có khác gì các thành phố miền xuôi? Qua chuyến đi ngắn ngủi này, tất nhiên tôi chưa tìm được giải đáp: *Đâu là không gian văn hóa cổng chiêng Tây Nguyên? Tìm đâu một không gian như thế thể hiện một cách tự nhiên trên một địa bàn dân cư? Không lẽ lấy một sản phẩm du lịch để minh chứng điều này?* Tôi cứ ngỡ ngỡ rằng đời sống các thành phố, thị trấn, thôn bản rồi sẽ lẫn lẫn Kinh hóa, nếu còn được cái gì đó thì đó là sản phẩm du lịch.

Đổi thay đó có vẻ song hành với đổi thay sau đây mà chiều cuối tuần, đi trên đường, rất dễ nhận thấy. Trong hành trình nắng gió của chúng tôi, thỉnh thoảng đi qua những nhà gỗ nối tiếp nhau, tuềnh toàng, không có chút chăm sóc, giấy rác trước mặt nhà và bên vệ đường bay lên khi xe đi qua. Những con người trong những ngôi nhà đó, trong một chiều chủ nhật, chậm rãi đi trên đường, đi từng người hay theo nhóm nhỏ, im lặng, thành kính... Giáo đường mở rộng cửa, mở rộng vòng tay đón mời họ. Liệu tiếng chuông chùa có nhắc nhở họ nhớ đến rừng núi và cổng chiêng?

Chú thích:

1. Lời bài hát *Còn chút gì để nhớ*, thơ Vũ Hữu Định, nhạc Phạm Duy. ■



Sự hy sinh

và hạnh phúc gia đình

HOANG PHONG

Ngày nay, có lẽ nhiều người đã ý thức được rằng sự thụ thai và quá trình hình thành một đứa trẻ đòi hỏi một khung cảnh đạo đức và một thái độ tinh thần đặc biệt.

Các nhà nghiên cứu đã khẳng định rằng ngay từ lúc đứa trẻ còn nằm trong bào thai, nó đã chịu tác động của mọi trạng thái biến đổi diễn ra trong tình cảm và tâm hồn của người mẹ. Nếu tâm thức của người mẹ luôn an bình trong suốt thời gian mang thai thì thai nhi sẽ phát triển bình thường và lành mạnh; sau này, khi ra đời, đứa trẻ cũng thừa hưởng những trạng thái tâm lý lạc quan. Trái lại, nếu tâm thần của người mẹ không ổn định, dễ cáu gắt, giận dữ hoặc chứa đựng những phiền muộn, lo âu, thất vọng; thai nhi trong bụng cũng bị ảnh hưởng khiến sự phát triển không bình thường; khi ra đời, đứa trẻ cũng dễ có những tâm trạng bi quan, chán nản.

Khi còn trong bụng mẹ, hài nhi đã phải gánh chịu ảnh hưởng từ những buồn vui của người mẹ, hưởng chỉ một đứa bé đã lớn khôn, đã biết suy nghĩ để nhận ra những nỗi khổ tâm, những thất vọng trong lòng mẹ và cảm thấy bất lực không giúp gì được cho mẹ.

Sự khổ tâm của người mẹ tất nhiên cũng gieo vào lòng đứa con của mình những đau buồn thật kín đáo và sâu đậm, ảnh hưởng đến cuộc đời của nó trong tương lai. Nếu người mẹ không thổ lộ những nỗi đau buồn của mình và không có người thân nào chung quanh hiểu được những nguyên nhân làm cho mình buồn khổ, thì đứa bé nào đủ sức để bày tỏ sự lo âu và thất vọng trong lòng nó. Những đau buồn của cha mẹ sẽ đè nặng trong lòng con cái suốt cuộc đời của chúng sau này.

Thế nhưng sự giận hờn hay vui sướng trong tâm hồn ta, dù phát sinh từ bất cứ một nguyên nhân nào,

cũng đều phù du, hôm nay nó đang đầy dọa ta hay làm cho ta hân hoan, ngày mai biết đâu lại sẽ không còn nữa.

Những xúc cảm ấy kéo dài lâu hay mau đều do ta cố tình duy trì chúng hay không, thế nhưng chắc chắn là ta không đủ sức để nuôi dưỡng chúng suốt cuộc đời mình. Làm sao ta có thể sống với oán hờn đè nặng trong lòng cho đến ngày nhắm mắt, và ngược lại ta cũng không thể liên tục hân hoan cho đến phút lâm chung. Những gì phù du thì cứ mặc cho chúng trôi đi để lòng ta được nhẹ nhõm. Vì thế nếu có chuyện gì buồn chớm nở trong lòng thì nên dập tắt nó ngay đi.

Thật vậy trong thế giới vô thường này có gì tồn tại mãi đâu, sắc đẹp kém đi, kiên nhẫn cũng hao mòn. Thế nhưng dù cho cuộc sống đầy lo lắng, xô bồ và khó khăn có che lấp tình yêu lúc ban đầu thì vẫn còn lại cho chúng ta hôm nay một chút tình nghĩa vợ chồng. Vậy đừng ném nó đi mà hãy giữ thật chặt trong tay như một gia tài vô giá để nhìn vào đấy mà hy sinh cho nhau nhiều hơn nữa. Một cách cụ thể, nếu cuộc sống đối với chúng ta có trở nên quá mệt mỏi thì hãy cố tìm cách gửi con cái và đưa nhau đi xa vài ngày để nghỉ ngơi và nhất là để tìm lại tình yêu của thuở ban đầu. Cái tình yêu đó có thật, nó chỉ tạm thời bị che lấp mà thôi.

Nếu có những thứ hạnh phúc bổng bột và thoáng qua thì cũng có những thứ hạnh phúc lâu bền hơn. Hạnh phúc thoáng qua thường hay theo sau bởi sự bất thỏa mãn mang lại oán hận và đau buồn, chẳng hạn như thứ hạnh phúc chỉ phối bởi bản năng dục tính hay thể dục tâm thần chỉ biết nghĩ đến bản thân mình và đòi hỏi quá nhiều nơi người khác.

Vậy hạnh phúc lâu bền là gì? Đây là hạnh phúc được nhìn con cái lớn lên trong bối cảnh đầm ấm của gia đình, một thứ hạnh phúc đòi hỏi chúng ta biết hy sinh đôi chút, hy sinh cho vợ, hy sinh cho chồng, hy sinh cho con cái. Nếu đủ sức mở rộng thêm lòng mình thì ta có thể hy sinh cho cha, mẹ, cho láng giềng, cho tất cả chúng sinh... Nếu trước đây ta đã từng hy sinh thì cũng nên tiếp tục hy sinh, nào có mất mát gì thêm?

Tìm được một dịp may để hy sinh cho người khác một cách thiết thực quả hiếm hoi. Sự hy sinh đó thật cao cả và sẽ mang lại cho ta hạnh phúc, đây là một thứ hạnh phúc lâu bền và sâu xa.

Nếu ta đã từng hy sinh rất nhiều khi mang nặng đẻ đau thì ta cũng nên tiếp tục hy sinh thêm một tí nữa để bảo toàn sứ mạng của mình, làm tròn bổn phận của mình đối với con cái trong kiếp sống phù du này. Thật vậy, tất cả chúng ta đều hiểu rằng cuộc đời thật ngắn ngủi.

Không lẽ một người cha lại không nhìn thấy sự hy sinh cao cả đó của một người mẹ để làm hiển lộ sự

hạnh diện trong lòng mình hay sao? Sự hy sinh đó rất kín đáo và thanh cao, vượt lên trên những lỗi lầm nhỏ nhặt phát sinh từ sự khổ nhọc và những mối lo buồn của một người phụ nữ trong cuộc sống hằng ngày.

Nếu người phụ nữ ấy đã từng hy sinh cho những đứa con của mình và đã có lúc cùng với mình chia ngọt sẻ bùi, đã từng mang lại cho mình những giây phút êm ái, thì cũng nên mở rộng vòng tay cho người phụ nữ ấy tìm thấy một kẻ hở để ngã vào lòng mình. ■



NHẬN THỨC ĐA CHIỀU

PHAN MINH ĐỨC

Trong cuộc sống sẽ có lúc con người phải đối đầu với những khó khăn mà họ không thể vượt qua, hoặc lâm vào hoàn cảnh khốn cùng không lối thoát, lúc đó có thể họ sẽ rơi vào tình trạng đau khổ, mất phương hướng, mất niềm tin vào bản thân và gục ngã. Người ta phải làm thế nào sau khi đã cố gắng hết sức mà vẫn không thành công? Khi ấy trạng thái tinh thần là quan trọng, con người phải có thái độ tâm lý như thế nào để không chao đảo ngã quỵ. Vấn đề tùy thuộc rất nhiều vào cách nhìn (nhận thức), cách nghĩ (tư duy) của ta.

Điều đó không có nghĩa là khi con người suy nghĩ như thế nào thì hoàn cảnh bên ngoài sẽ thay đổi theo suy nghĩ ấy, thế giới sẽ thay đổi theo ý muốn chủ quan của họ, mà nó có nghĩa là khi thay đổi cách nhìn, cách nghĩ, người ta sẽ thấy vấn đề khác hơn. Tùy thuộc cách nhìn, cách nghĩ mà con người nhận thấy vấn đề tốt hơn hoặc xấu hơn, đơn giản hay phức tạp, nhỏ bé hay to tát...

Một cá nhân chắc chắn không thể làm thay đổi thế giới theo ý muốn của mình, bởi thế giới không phải của riêng cá nhân đó, thế giới không phải do một con người nào đó xây dựng nên được, mỗi cá nhân chỉ có thể góp phần xây dựng thế giới mà thôi, do đó gặp phải hoàn cảnh bất như ý con người chỉ còn cách tự làm thay đổi chính bản thân mình nếu như cá nhân ấy không thể thay đổi hoàn cảnh. Sự thay đổi chính mình, thay đổi cách nhìn, cách nghĩ của mình sẽ làm cho thế giới trong nhận thức của mỗi cá nhân thay đổi và nó có một ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với con người. Có một câu chuyện rất hay về điều này:

Một vị vua ra lệnh cho thần dân trong nước

phải dùng da thú trải lên tất cả các con đường trong vương quốc, để khi vua đi thị sát dân tình không còn gặp những đoạn đường gồ ghề lồi lõm làm chân ông bị đau. Nhưng lệnh vua không thể thực hiện được vì đòi hỏi phải có nhiều da thú, cũng có nghĩa là tốn hao rất nhiều tiền của của nhân dân. Thế là vua họp quần thần bàn bạc tìm cách giải quyết. Cuối cùng một vị quan nghĩ ra cách dùng da làm cho nhà vua một đôi giày. Đây là một ý kiến rất hay, khả thi và chi phí rất ít, không chỉ nhà vua mà ai cũng có thể làm được. Khi mang đôi giày, nhà vua có thể đi đến bất cứ nơi đâu mà không gặp phải trở ngại nào dù những con đường đi qua có gồ ghề lồi lõm. Khi gặp một hoàn cảnh bất như ý, nếu biết thay đổi cách nhìn cách nghĩ, nhìn sự việc ở một góc độ khác, nhìn mặt khác của vấn đề thì một cá nhân có thể xóa bỏ được cảm giác khó chịu, khổ đau, hoặc ít ra cũng làm giảm mức độ những cảm giác đó. Cũng đồng một cảnh ngộ mà mỗi người có phản ứng khác nhau, đó chính là do cách nhìn cách nghĩ về sự vật sự việc của mỗi người không giống nhau.

Tai nạn, bệnh tật, tử biệt sinh ly, thất bại trong tình yêu, trong sự nghiệp, bị phá sản, bị phản bội, bị phụ tình... những rủi ro bất trắc đó dễ dàng làm cho người ta suy sụp tinh thần và gục ngã, nhưng có người gượng dậy được, có người thì không, có người lại trở nên khôn ngoan hơn, mạnh mẽ hơn sau những điều không hay đó.

Ví dụ khi ta đã cố gắng làm hết sức mình để xử lý vấn đề, xoay chuyển hoàn cảnh mà ta vẫn không giải quyết được, có nghĩa là ta bất lực không thể vượt qua được khó khăn trắc trở, lúc đó ta cần phải thay đổi cách



nhìn cách nghĩ của mình về sự việc, ta có thể xem đó là sự thử thách bản thân, giúp ta đánh giá mình một cách trung thực, và ta có thể rút ra nhiều điều hữu ích từ những thử thách đó. Nghĩ như thế lòng ta sẽ thấy nhẹ nhàng hơn, buông bỏ được nhiều phiền muộn và chán nản trong tâm trí, những điều có thể khiến ta ngã quỵ.

Nhà hiền triết Socrates có một bà vợ rất dữ dằn, bà thường có thái độ cư xử khó chấp nhận như chửi bới, đay nghiến mắng nhiếc ông. Một lần sau khi chửi bới, bà tát nguyên thau nước vào người ông. Không tỏ ra tức giận, ông cười hài hước: "Tôi biết rõ là sau cơn nắng hạn sẽ là cơn mưa". Trước thái độ kiên nhẫn và ôn hòa của ông, cơn giận của bà tiêu tan lập tức. Nhiều người tỏ ra bất bình cho ông, họ hỏi tại sao ông lại có thể chịu đựng được một người vợ như thế, ông cười bảo: "Bà ấy giống như một con ngựa bất kham. Nếu chúng ta có thể thuần phục được con ngựa bất kham thì sẽ dễ dàng thuần phục những con ngựa khác. Cũng vậy, nếu tôi biết cách cư xử với bà ấy thì tôi dễ dàng cư xử với những người khác". Socrates đã xem việc chung sống với bà vợ dữ dằn là cơ hội rèn luyện mình. Thật đúng với câu: "Khó khăn mọi việc là đá thử vàng, nguy hiểm mọi đường là lò nung sắt" (Phan Bội Châu). Chính những hoàn cảnh bất như ý là dịp để con người tự đánh giá bản thân mình: đánh giá năng lực, trình độ nhận thức, đánh giá nhân phẩm đạo đức, sự tự tin, lòng kiên nhẫn v.v., và là cơ hội để ta tự rèn luyện.

Tôn giả A-nan, vị đệ tử hầu cận Đức Phật, là một người học rộng biết nhiều; đặc biệt, ngài có trí nhớ tuyệt vời, nghe Đức Phật dạy điều gì là ngài nhớ mãi không quên dù là một chi tiết nhỏ, nhớ cả nơi Đức Phật nói điều đó và ngài đã nói với ai. Nhưng cũng vì có tài học như thế, lại vừa là em họ của Phật, vừa là người gần gũi Phật hơn ai hết (luôn hầu bên cạnh Phật), cho nên ngài sinh tâm ý lại, chệnh mảng việc tu hành, đến nỗi khi Phật đã nhập Niết bàn mà ngài vẫn chưa chứng đạo. Một lần A-nan bị một cô gái tên Ma-đăng-dà mê hoặc, Đức Phật biết được phải phái hai đệ tử đến cứu. Đây là một thử thách mà Tôn giả A-nan phải vượt qua, nhưng vì đạo lực còn kém mà ngài không vượt qua được. Qua sự việc này ngài rút ra được bài học kinh nghiệm cho bản thân là phải nỗ lực tu hành và cẩn thận với nữ sắc. Cần phải xem những rắc rối trong cuộc sống, những khó khăn trở ngại, những điều không thuận lòng là những thử thách để ta có cơ hội nhìn lại mình, để ta trải nghiệm bản thân và trưởng thành, cứng cáp, mạnh mẽ hơn. Tất cả những gì một cá nhân trải qua đều cho con người đó những bài học bổ ích, những kinh nghiệm quý báu mà khó có thể tìm thấy ở đâu ngoài trừ thực tế.

Với cái nhìn phóng khoáng, đa chiều, một cá nhân sẽ thấy mọi điều trở nên khác hơn so với cái nhìn phiến diện, cục bộ đầy thành kiến, định kiến. Đôi khi một sự việc tưởng chừng như không may xảy đến cho ta khiến bạn hoang mang lo lắng, lúc đó ta càng cần phải bình

tâm. Chưa hẳn đó là điều không hay như ban đầu ta nghĩ. Có khi những khó khăn chướng ngại lại là động lực thúc đẩy khả năng tiềm tàng của ta bộc lộ và phát triển, và những rủi ro bất trắc lại đưa đẩy ta đến một chân trời mới lạ nào đó, hoặc tiềm ẩn phía sau nó là những điều tốt đẹp cũng nên. Trong cuộc đời Đức Phật, rất nhiều lần Ngài bị người em họ đồng thời cũng là đệ tử của Ngài là Đề-bà-đạt-đa mưu hại, nhưng khi nói về Đề-bà-đạt-đa, Ngài bảo với các đệ tử: "Đề-bà-đạt-đa là thiện tri thức, là thiện hộ niệm của ta, nhờ Đề-bà-đạt-đa tạo nghịch duyên thử thách công hạnh tu hành của ta mà ta mau thành ngôi Chánh Đẳng Giác".

Trong cuộc sống, nếu lâm vào hoàn cảnh bất hạnh không may, gặp phải những rủi ro bất trắc, đối mặt với những thành bại được mất trong đời, thì việc có được nhận thức đúng đắn, tích cực, hiểu những quy luật tự nhiên (ví dụ như hiểu về duyên sinh nhân quả, hiểu về vô thường...), những chân lý của cuộc đời (ví dụ như Tứ đế: chân lý về khổ, chân lý về nguyên nhân của khổ, chân lý về hạnh phúc chân thật, sự chấm dứt hoàn toàn khổ đau, chân lý về con đường thoát khổ...) chắc chắn sẽ giúp ta giữ được trạng thái thăng bằng, không đánh mất niềm tin, ý chí và nghị lực. Nếu mọi người đều giữ được tâm thái bình lặng, trí tuệ sáng suốt thì trước những biến cố xảy ra trong cuộc đời con người vẫn an nhiên không chao đảo, không lo sợ hoảng hốt, không khổ đau. Cũng như ngày xưa có một người đàn bà vì con chết mà đâm ra điên loạn, bà ôm xác con đến gõ cửa từng nhà để tìm thuốc cứu sống con. Bà đi khắp nơi nhưng không ai có thể giúp được bà, cuối cùng bà đến gặp Đức Phật cầu mong Ngài cứu giúp. Đức Phật bảo bà tìm cho Ngài một hạt cải ở nhà nào chưa từng có người chết, Ngài sẽ dùng hạt cải đó làm thuốc cứu con bà. Người đàn bà đến từng nhà hỏi xin hạt cải, nhưng nhà nào cũng đã có người chết, nếu không phải là vợ chồng con cái thì cũng là ông bà cha mẹ anh em. Bà buồn bã thất vọng trở về trình bày cùng Đức Phật, bấy giờ Đức Phật mới dạy: "Sinh, già, bệnh, chết là định luật chúng ta không thể trốn tránh. Con người ai cũng phải chết, chỉ khác nhau ở chỗ sớm hay muộn mà thôi. Đời sống vô thường, nào ai biết được cái chết đến với chúng ta lúc nào. Nếu không may nó xảy đến, chúng ta phải chấp nhận mà thôi, than khóc, khổ đau nào có ích gì. Người thấy có nhà nào không có người chết hay chưa?". Lúc này người đàn bà mới tỉnh ngộ và vội đi nỗi đau khổ vì mất con.

Chắc chắn là trong cuộc đời chúng ta ai cũng có lần trải qua những khó khăn trắc trở, hay gặp phải hoàn cảnh bất hạnh không may, chẳng hạn như mất người thân, tai nạn, bệnh tật, thất bại trong tình yêu, trong sự nghiệp, bị bạn bè phản bội... Vì thế việc học tập, rèn luyện, tu tập để có được trí tuệ sáng suốt, nhận thức đúng đắn, tích cực và tâm thái vững chãi là điều hết sức cần thiết. ■



Vài suy nghĩ về **bạo lực học đường**

NGUYỄN ĐỨC HẠNH

1. Từ nhiều năm qua, phẩm chất của nền giáo dục nước ta là điều luôn làm cho các nhà giáo dục và những người có liên quan phải bận tâm. Đặc biệt hiện tượng bạo lực học đường, mặc dù thời nào cũng có và ở xã hội nào cũng xảy ra, nhưng đến mức độ tàn bạo và dày đặc như hiện nay trong nền giáo dục Việt Nam thì lại là một điều cần phải xem xét gấp. Gần như hàng ngày, trên mọi phương tiện thông tin đại chúng, người ta đều biết về một vài trường hợp ấu dâm có hệ quả nghiêm trọng hoặc giữa học sinh với nhau hoặc giữa học sinh đang học với những em đã bỏ học vì lý do này hay lý do khác, hoặc giữa học sinh với những người đã dạy dỗ chúng trong trường học, và nếu không thì cũng là phụ huynh học sinh với những người làm công việc giáo dục chính thức.

Đã đến lúc không ai phải trách ai về hiện tượng đáng lo này, thay vào đó, mọi người đều phải góp phần thể hiện trách nhiệm của mình trong việc tìm ra nguyên nhân và xác định những giải pháp khả thi để ngăn chặn sự lây lan của những sự kiện đáng xấu hổ ấy.

2. Xét về mặt cá nhân, một hành vi bạo lực xảy ra khi một người cảm thấy bị dồn nén trước sự đau đớn hay bị xúc phạm bởi người khác và buộc phải có sự thể hiện bằng sức mạnh để chống lại sự đau đớn hay xúc phạm ấy. Theo nhà nghiên cứu sinh lý thần kinh học Jan Volavka thì đó là hành vi gây hấn có chủ ý nhằm chống lại kẻ khác. Vấn đề đặt ra là phải chăng những hành vi gây hấn ấy thuộc về một trong những bản năng của con người?

Về câu hỏi này, chẳng những các triết gia thời cổ mà ngay cả những nhà khoa học hiện đại cũng chưa đồng ý với nhau.

Có lẽ không mấy ai không biết đến hai quan điểm đối nghịch cùng của Nho gia; Mạnh Tử chủ trương *nhân chi sơ tính bản thiện*, nghĩa là bản tính ban đầu của con người là chuộng những điều lành; trong khi đó Tuân Tử lại cho rằng tính gốc của con người là thích làm điều ác. Dung hòa hai quan điểm này lại là cái nhìn của Khổng Tử, người khởi xướng Nho học. Nhà triết học vĩ

đại người Trung Hoa này cho rằng *tính tương cận, tập tương viễn*, nghĩa là bản tính của con người vốn giống nhau, nhưng do thói quen tập nhiễm của môi trường đã làm cho bản tính ấy trở nên khác biệt. Về sau, các nhà nho đã nhấn mạnh đến vai trò của giáo dục trong việc xây dựng tính cách con người.

Trong một bài viết mới đây có tựa đề *Peace or War? How Early Humans Behaved* (tạm dịch *Hòa bình hay Chiến tranh? Cách Cư Xử của Người Tiên Sử*) được đăng trên trang mạng *Live Science*, Heather Whipps đã dẫn lời Michael Bisson, một giáo sư nhân chủng học thuộc Đại học McGill ở Montreal, Canada, cho rằng con người thời thượng cổ vốn không có thói quen giết hại sinh vật để ăn thịt, mà chỉ quen tìm thức ăn nơi các sinh vật đã chết trước đó; mặt khác, luôn luôn phải tránh để đừng bị làm thức ăn cho những sinh vật khác mạnh hơn, có những hàm răng chom chồm như lưỡi cưa. Giáo sư Bisson phê phán những giải thích sai lầm về những di vật hóa thạch đào bới được đã dẫn tới kết luận rằng ngay khi chế ra được những lưỡi xiên từ xương thú, loài người đã trở thành những tay thợ săn hung bạo. Ông cho rằng sự tiến hóa đưa con người đến việc hoàn thiện khả năng săn bắt đã diễn ra rất chậm về sau này. Nhận thấy hầu hết những lập luận nhầm lẫn về khảo cổ học như trên đều được đưa ra trong thời gian giữa hai cuộc thế chiến, Giáo sư Bisson cho rằng quá dễ để kết luận con người có bản chất bạo lực và ưa thích chiến tranh trong một bối cảnh loài người đang tìm cách tận diệt nhau. Qua bài viết của Heather Whipps, có thể thấy khả năng săn bắt của loài người còn có một lý do nữa để phải được hoàn thiện: đó là họ cố tránh không bị những sinh vật mạnh hơn họ biến họ thành thức ăn của chúng.

3. Vậy thì đã rõ, hành vi hung bạo của con người xảy ra khi con người cảm thấy bị đe dọa, bị xúc phạm, bị đè nén. Nhưng ai đe dọa, xúc phạm, đè nén họ? Trong thực tế hiện nay, rõ ràng đã có những hành vi hung bạo bộc phát, có vẻ như không có nguyên cớ. Và định nghĩa về hành vi hung bạo đã phải mở rộng hơn là chỉ nói tới phản ứng tâm sinh lý thụ động đơn thuần. Sự hung bạo, sự gây hấn còn là hành vi của những kẻ muốn chứng tỏ quyền lực của mình, muốn khống chế người khác, không hài lòng với hiện trạng. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng hành vi hung bạo chỉ xảy đến khi kẻ gây bạo lực đánh giá tương quan lực lượng rằng nhờ hành vi hung bạo mà mình sẽ thoát khỏi sự đè nén, đe dọa, xúc phạm, và hơn thế nữa, còn khuất phục được kẻ khác. Nếu không, kẻ đó chưa dám manh động. Về phương diện xã hội, một kẻ sẽ có hành vi hung bạo khi nghĩ rằng kết quả của hành vi ấy chỉ làm tăng vị thế của y chứ không khiến y bị trừng phạt. Nói khác đi, sự hung bạo diễn ra trong xã hội là do con người luôn luôn có cảm tưởng bị đè nén, bị xúc phạm, bị đe dọa; và con người nghĩ rằng nếu họ sử dụng bạo lực chống lại những đe dọa, đè nén, xúc

phạm đó thì họ chỉ làm tăng vị thế của mình mà hoàn toàn không bị trừng phạt.

4. Những nhận xét trên có đóng góp được gì cho việc cải thiện tình trạng bạo lực học đường không? Cũng có thể, khi chúng ta thấy rằng ngày nay học trò hình như không chịu sự kiểm chế nào thích đáng. Những luật lệ liên quan đến quyền trẻ em và các quy định về việc tôn trọng tự do cá nhân của trẻ em dường như đã mở rộng phạm vi thể hiện mình của đứa trẻ. Trong khi đó, áp lực của đời sống, của việc học tập và thi cử, của việc phải tìm một công việc khả quan để sinh sống khi trưởng thành, của việc phải làm sao xác định sự cố mặt của mình trong cộng đồng... đã khiến trẻ em luôn luôn cảm thấy bị đe dọa, bị xúc phạm, bị đè nén... đôi khi không vì một sự kiện cụ thể. Có thể nói, một mặt trẻ em luôn luôn chịu áp lực trước những đe dọa, xúc phạm, đè nén vô hình; mặt khác các em lại được khuyến khích bày tỏ phản ứng của mình trong một môi trường được công nhận rằng miễn sao cứ cho người ta thấy được mình nơi đám đông là đủ, qua sự ám ảnh về những hình ảnh luôn được công nghệ giải trí tìm cách tung hô cho những thần tượng của đám đông, trong đó không ít thần tượng dính vào những vụ bê bối cỡ lớn. Trong tình trạng đó, sự nổi loạn của giới trẻ là một điều tất yếu.

Về phương diện khác, khi tình trạng trở nên không chịu đựng nổi, thì lại có nhiều người có ý kiến, muốn bày tỏ tinh thần trách nhiệm của mình, trong khi thực ra đôi lúc họ không hiểu như thế nào là trách nhiệm. Phải nói ngay rằng người có tinh thần trách nhiệm là người chỉ phát biểu về những vấn đề gì mà mình đã hiểu một cách khá thấu đáo; và nếu đó là vấn đề mình chưa từng nghĩ đến một cách tường tận, thì tốt nhất là hãy lặng yên nghe người khác nói rồi suy ngẫm kỹ hơn trước khi có ý kiến riêng. Rất tiếc, thời gian qua, nhân danh quyền tự do cá nhân trong đó có tự do ngôn luận, đã có nhiều phát biểu chỉ nhằm thể hiện mình trước mọi đề tài, không cần biết mình nói trúng hay nói trật, miễn sao có người nghe. Và chính cái không khí bát nháo ấy đã tạo thành một thứ rào cản đối với những ai có tâm huyết, có sự hiểu biết tương đối vững chãi, muốn đóng góp cho tình thế. Rốt cuộc, những đóng góp ồn ào của quá nhiều người chỉ làm cho tình thế thêm rối rắm.

5. Đã đến lúc những người thật sự có trách nhiệm cần phải nói thẳng, nói thật về toàn bộ hiện trạng giáo dục để từ đó mới có thể thấy được vấn đề cần phải gỡ rối từ đâu. Như một con bệnh, trước khi chữa trị, phải có sự định bệnh chi tiết. Hiện nay, việc định bệnh chi tiết luôn luôn bị thói quen phô trương thành tích và cao trào thi đua như một thứ vòng kim cô ngăn cản. Không ai dám nói ra sự thật. Và như vậy, tuy người ta đã biết được hướng điều trị cho căn bệnh bạo lực học đường, nhưng thật khó để có thể giải quyết rốt ráo căn bệnh này. ■



Lời nói dối chân thành

HOÀNG TÁ THÍCH

Tôi vừa được nghe một câu chuyện thật thú vị: "Cà phê muối".

Chuyện kể có một anh chàng, trong bữa tiệc tình cờ gặp một người đẹp. Vì cô ta quá đẹp nên anh ngại ngùng không dám làm quen. Tuy nhiên, gần cuối buổi, không nhìn được, anh đã lấy hết can đảm mời cô đi uống cà phê. Người đẹp ngạc nhiên, nhưng cũng nhận lời anh. Đến quán cà phê, ngồi rất lâu chẳng biết chuyện gì để nói, vì anh quá bối rối, nên cô gái cũng chán nản, định đứng dậy ra về. Bất ngờ, anh gọi bồi bàn và nói khá lớn: Em cho tôi một ly cà phê và cho ít muối. Mọi người ngồi gần bàn anh ngạc nhiên, và nhất là cô gái. Cô hỏi: Anh thường uống cà phê với muối? Anh đáp: "Vâng. Nhà tôi ở gần vùng biển, nên tôi rất quen thuộc với cái vị

mặn mặn của nước biển. Hôm nay ngồi đây với cô, bỗng nhiên tôi nhớ đến mẹ. Mỗi lần như thế, tôi đều uống cà phê với muối, mà tôi rất thường nhớ mẹ nên tôi uống cà phê với muối riết, đâm ghiền. Tôi xin lỗi nếu làm cô phiền lòng". Cô gái đáp không sao, và không những như thế, cô lại cảm động; nghĩ rằng anh là một người con có hiếu, có nghĩa, có tình với nơi chôn nhau cắt rốn. Và cô có cảm tình với anh. Sau nhiều lần hẹn hò gặp nhau, hai người yêu nhau, lấy nhau và ăn ở với nhau rất hạnh phúc. Mấy chục năm sau thì anh qua đời. Cô gái, bây giờ là một bà già, vô cùng thương tiếc chồng. Sau khi đám xong, cô ngồi sắp xếp lại những kỷ vật của chồng, cô tìm thấy một bức thư. Viết rằng: "Trong suốt cả cuộc đời yêu em, anh đã có một lỗi rất lớn là đã một lần nói dối em, và không bao giờ dám thổ

lộ với em. Đó là lần đầu tiên ngồi với em trong quán cà phê, lúc thấy em sắp sửa đứng dậy ra về, anh quá bối rối và gọi bồi bàn chỉ là để tự trấn an, nhưng vì quá bối rối, anh đã xin muối vào cà phê thay vì đường. Lúc em hỏi, anh đành phải bịa ra câu chuyện để trả lời em. Sau đó, lúc nào đi với em, anh cũng đều phải uống cà phê với muối, và suốt mấy chục năm chung sống với em, ngày nào cũng được em pha cà phê muối cho anh, anh quen dần với cái hương vị đậm đà đó cho đến lúc phải từ giã em vĩnh viễn...”

Câu chuyện thật cảm động và dễ thương đã làm cho tôi không ngừng suy nghĩ về hai chữ chân giả. Bây giờ ở đời, chân giả khó phân. Hàng giả bất cứ loại nào, nếu không căn cứ vào giá cả thì có nhiều loại khó phân biệt được đâu là thực, đâu là giả. Thậm chí, có khi hàng giả cũng bằng giá hàng thật. Chẳng hạn sừng tê, cao hổ cốt, hàng giả cũng phải bán bằng giá hàng thật mới lừa được người mua. Bỏ tiền mua nhầm một mẫu sừng tê hay một miếng cao hổ cốt giả, không những đã không chữa được bệnh mà còn có thể hại sức khỏe thì thật là tai hại.

Tuy nhiên, nếu là một món hàng giả không khác gì thật mà có thể dùng suốt đời không có ai phát giác được thì món đồ giả đó có khác gì đồ thật đâu.

Con gái tôi có viết một ca khúc, trong đó có một đoạn lời như sau “Em sẽ tin những lời nói dối của anh, nếu anh vĩnh viễn là của em”, đã làm tôi liên tưởng đến câu chuyện bịa đặt của anh chàng trong cà phê muối. Giữ được một lời nói dối suốt cả cuộc đời, và không bao giờ có một biểu hiện nào đi ngược lại lời nói dối đó, thì lời nói dối đó thật hay dối? Trong câu chuyện cà phê muối, nếu anh chàng kia không để lại bức thư cho vợ, thì câu chuyện cà phê muối của anh là thật hay giả?

Mới biết ở đời, thật giả thực khó phân. Có những lời nói dối cho qua chuyện, không mang đến một hậu quả tai hại nào, thì lời nói dối đó cũng là một lời nói dối tốt. Chẳng hạn không muốn đến một bữa tiệc, lấy cớ bị đau bất thình lình, cũng chẳng hại ai. Trong cuộc đời này, chắc chắn ai ai cũng đã từng nói dối. Không có ông chồng nào không một lần nói dối vợ, nhưng ngược lại, có nhiều chuyện nói dối không đem lại một hậu quả nào, lại còn có thể làm vui lòng người khác.

Một lời khen, một nụ cười, một câu cảm ơn không mất tiền mua. Dù không thật lòng thì những điều đó chắc chắn là có lợi chứ không có hại, vì làm cho người khác vui lòng. Vậy mà lạ thật, con người rất keo kiệt. Một lời khen, có thể tiết kiệm được, nhưng một nụ cười hay một câu cảm ơn có đáng là bao. ■





Con đường đá ong

ĐOÀN ĐẠI TRÍ

Có lẽ, trong tất cả những kỷ niệm về một vùng quê nhỏ bé của xứ Đoài ngày xưa ấy, thì hình ảnh con đường đá ong là in vào lòng tôi những dấu ấn đậm sâu nhất. Không chỉ tại vì nhà tôi ở ngay gần đó hay ngày nào tôi cũng phải đi trên con đường đá ong cả chục lần; mà đơn giản, nó như một phần máu thịt của tôi từ khi nào, tôi không còn nhớ nữa.

Con đường chỉ dài khoảng hai cây số, từ đầu làng ra tới bến đò thôi, nhưng lại kéo dài suốt dọc tuổi thơ tôi. Ở đó, có bàn chân trần thơ bé lấm chấm với những bước đi đầu đời của mình. Từ việc mua cho mẹ lọ dầu 'con ó' ở quán dì Năm hay sang nhà thím Tư hái trầu cho nội... tất cả, con đường làng trải đá ong luôn dẫn bước tôi đi.

Làng tôi nghèo, lại thuộc vùng chiêm trũng, nên ngày ấy chỉ cấy được hai vụ, còn lại ruộng phần lớn bị bỏ hoang, không trồng hoa màu vớt vát thêm được gì. Từ đầu làng đến cuối làng chỉ non cây số, chạy men theo hai bên con đường đá ong gồ gề là những mái nhà san sát màu rêu xám xịt núp dưới những bụi chuối tiêu xanh rì. Đường làng xương sống, là huyết mạch nối vào các ngõ xóm nhỏ, rồi dẫn vào từng cánh cổng tuếnh toàng làm bằng tre nứa. Nội tôi vẫn bảo, con đường làng với vô số ngõ ngách ăn thông từ nhà nọ tới nhà kia như thế đã làm cho cư dân trong làng thân thiết với nhau, sẵn sàng đùm bọc giúp đỡ nhau những lúc tối lửa tắt đèn.

Từ khi đi học, con đường trở nên gần bó với tôi hơn dù mặt đường luôn gồ ghề một màu đá ong vàng thẫm, lở chỗ những ổ gà trên mặt đường. Mùa mưa, con đường lầy lội và khó đi vô cùng. Có bạn mới đi học về tới đầu ngõ tôi ngã sòng soài làm bẩn hết bộ quần áo mẹ mới mua. Thực ra quê tôi không có đá ong, nhưng con đường lại toàn đá ong. Nghe nội tôi bảo, hồi xưa, lúc mới thành lập làng thì các trai đình trong làng đã phải lặn lội vào tận vùng núi lấy đá ong

rồi theo thuyền xuôi sông Đáy mang về xây đường. Hồi đó, con đường đẹp lắm, những viên đá ong vuông vức xếp chồng nhau ngay ngắn thẳng hàng. Đất hai bên cũng được đắp cao hơn, rồi sau đó, nhà cửa xây dựng xung quanh con đường đá ong... Khi tôi vào trường huyện học, xuống phố thấy toàn đường nhựa phẳng lỳ, xe bon bon đến là thích. Chiều về tự nhiên ghét con đường đá ong quê nhà vì đi xe cứ xóc càn cạch. Tuy nhiên, những chiều lên đường làng thả diều chơi đuổi bắt thì không gì vui hơn. Những cánh diều no gió, dây neo thẳng đứng hướng lên trời có gắn sáo kêu vi vút khắp làng quê như những nốt nhạc du dương trong bản hòa tấu tuổi thơ ngọt ngào ngày ấy.

Nhưng cũng chính từ con đường đá ong ấy đã tạo điều kiện cho tôi xa quê, xa mãi tới tận phương Nam đầy nắng gió. Trong hành trình khám phá những vẻ đẹp của quê hương đất nước, tôi đã từng đi qua rất nhiều nơi trên dải đất Việt Nam thân yêu này, nhưng thú thực tôi chưa bao giờ từng đặt chân lên con đường đá ong thêm lần nào nữa. Chỉ có những đường cát nóng bỏng, những đường nhựa phẳng lỳ dài tít tắp hay những đường núi đá gan gà lởm chởm. Chợt nhận ra rằng, có lẽ đá ong là thứ trầm tích quý hiếm không chỉ riêng trong ký ức tuổi thơ tôi.

Thế rồi, tôi cũng về lại quê mình, về lại con đường đá ong gồ ghề lởm nhũm ổ gà quá khứ. Nhưng làng tôi không còn con đường đá ong ngày xưa ấy. Chợt nhận ra, quê mình bây giờ đã sát nhập địa giới với thủ đô, đã trở thành Hà Nội mất mấy năm rồi. Một con đường vành đai, nghe đâu đã sắp hoàn thành để theo kịp tiến độ phát triển của thủ đô và đất nước. Bên cạnh niềm vui đổi mới của quê hương, tôi lại thấy ngậm ngùi nghĩ đến những phiến đá ong mà trai làng bao thế hệ lặn lội lấy từ miền núi về. Những phiến đá ong trầm tích ấy mãi mãi là một phần của làng tôi, của tuổi thơ và ký ức đẹp đẽ không chỉ riêng tôi mà bao thế hệ người đã sinh ra và lớn lên ở vùng quê yên bình. ■

Mặt trời lặn

NGUYỄN THỊ HẢI

Hôm đó, như thường lệ tôi đi làm về, đang đi trên cầu vượt bất giác tôi như bừng tỉnh vì ở cuối con đường vắng mặt trời đỏ chói treo lơ lửng, đẹp quá chừng. Đã lâu lắm tôi mới thấy một mặt trời sắp lặn rực rỡ đến nhường ấy. Tôi thực sự choáng váng trước vẻ đẹp hiện ra đột ngột. Đang lúc tôi không trông đợi điều gì thì điều khiến tôi bất ngờ đã hiện ra. Lúc đó tôi bỗng khao khát được chỉ cho ai đó, “Ê, hãy xem mặt trời kia kìa!” nhưng mà tôi đành câm lặng, mặc dù đường sá người đông quá xá là đông. Bút rút vì phải câm lặng trước vẻ đẹp siêu phàm tôi chợt nhớ ra một kỷ niệm xa xôi.

Tôi và bố tôi đi khắp cánh đồng để tìm con bê thất lạc. Mùa đông, đất đông phơ ải, cánh đồng hoang vu. Buổi sáng lừa bò ra đồng, vì là đồng không nên không phải đi theo chân đất, buổi chiều chúng tự dẫn nhau về. Nhưng con bê nhỏ nhà tôi không về cùng mẹ nó, đi khắp làng xóm hỏi không thấy, hai bố con tôi chạy vội ra đồng.

Ôi, cánh đồng chiều! Tôi chạy thoăn thoắt, miệng gọi vang “Bê, Bê!”, nhưng mắt vẫn kịp trông thấy nửa vầng mặt trời đỏ ối nằm yên tĩnh trên triền đê, nửa kia khuất chìm bên dưới. Nhìn mặt trời ấy, tôi muốn hét vang.

Bê vàng ở đâu?

Mặt trời sắp lặn

Ta muốn ngắm mặt trời

Mắt không muốn rời

Bê vàng ở đâu?

Tôi đứng lại, hướng về phía bố tôi: “- Con xuống triền xem sao bố nhé!”. Triền nằm lọt giữa hai triền đê, đê ngoài sông Hóa và đê trong đồng. Tôi phóng nhanh lên đê. Con đê bằng đất, có những rãnh mòn bánh xe ngoằn ngoèo, vệ đê cỏ may hiu hắt. Có vài con bò lớn nhỏ ở dưới đồng, tôi thử gọi “Bê! Bê!”. Có con hơi

ngừng mõm nghe ngóng nhưng không con nào đáp lại. Mắt tôi hoa lên, tôi lấy tay dụi. Mở mắt ra, tôi thấy nguyên vầng mặt trời thật gần, thật thấp. Tôi đứng yên. Tôi nghe thấy cả tiếng tim mình đập. Vài con dơi chao qua chao lại trước mặt trời. Rặng tre xanh phía chòm xóm lẻ loi gần sông Hóa sáng bừng lên. Lá lấp lánh ánh nắng. Cả những bờ thửa, những mảnh ruộng cũng sáng bừng. Tôi ngoảnh lại, không khỏi giật mình vì bóng chạng vạng đã dâng khắp cánh đồng sau lưng. Bố tôi như một con người tí hon chạy băng băng một cách khó hiểu trong khung cảnh ấy. Tôi như đứng trên lần ranh giữa hai thế giới khác nhau, giữa bóng tối và ánh sáng, giữa đêm và ngày và tôi có cảm giác mình rơi vào vòng quay vô hình của chúng, trở nên cách biệt với bố tôi, cách biệt với cuộc sống nơi xóm làng mờ tối. Tôi đi vào vòng quay vô hình đó một mình đơn độc, tưởng chừng không bao giờ trở về, tưởng chừng sắp bước hẳn vào một cuộc phân ly sâu sắc.

“- Có thấy nó không?”. Bố tôi hét lớn làm tôi giật mình.

“- Không, bố!”. Tôi chạy ù xuống đường, chạy một mạch đến bên bố tôi.

Bỏ lại mặt trời

Lòng đầy nỗi tiếc

Thì giờ đã hết

Mặt trời về đi...

Bây giờ mặt trời lại hiện ra, sau nhiều năm.

Tôi đứng xe trên cầu. Dòng người và xe lao qua vùn vụt, rầm rập, náo động. Gió chiều lồng lên mát mẻ. Lòng tôi chợt yên tĩnh. Mặt trời ở cuối con đường ngời lên sắc đỏ thật kỳ diệu. Tôi ao ước tắm mình trong sắc son của nó cho đến lúc toàn thân mình cũng ngời lên sắc đỏ tốt cùng. Áo giáp một nỗi hân hoan mãnh liệt đang rộn ràng xâm chiếm tôi.

Nhưng tôi không rõ, giữa mặt trời dĩ vãng và mặt trời hiện tại, tôi đang đắm chìm hân hoan với mặt trời nào? ■



Một kiển viết thư thời trước

TUÔNG LINH



Đầu năm 1941 tôi đang học lớp Ba trường làng thì tại xóm tôi xảy ra một chuyện làm cho cả làng xôn xao. Đó là việc chú Hai Độ hiền lành bỏ vợ và hai con còn nhỏ dại đi vong. Theo cách nói ở quê tôi hồi ấy, đi vong là người lén bỏ gia đình, bỏ quê hương bản quán đi đâu mất không bao giờ trở về. Tại hai làng lân cận đã có mấy người đi vong, có người đi đã mười, mười lăm năm mà chẳng ai biết họ ở đâu, còn sống hay đã chết.

Những người bị buộc phải bỏ quê đi vong đều vì lý do nghèo khổ, sưu cao thuế nặng, nợ nần chồng chất không trả nổi, tình duyên ngang trái... Nói chung là họ gặp những hoàn cảnh nan giải, rất đáng thương...

Lần này lại đến lượt chú Hai Độ ở xóm tôi đi vong. Chú lén vợ con ra đi khoảng hồi gà gáy canh đầu. Tờ mờ sáng, thím Độ hốt hải chạy khắp xóm, ra bến sông tìm và réo tên chồng. Bà con trong xóm cũng chia nhau tỏa ra khắp nơi để tìm phụ thím Độ. Tìm mãi cũng chẳng thấy chú Độ đâu, thím và mọi người quay về nhà. Mấy người cùng thím lục xem đồ vật trong nhà thấy chỉ mất vài bộ áo quần của chú Độ và một cuốn truyện Kiều đã cũ được chú thay lớp bìa khác bằng giấy bồi nhuộm nước rế cây sim. Chú đem theo có chừng đó "tài sản". Bà con ai cũng ngậm ngùi.

Chú Độ đã đậu bằng sơ học yếu lược trong kỳ thi mở tại trường Phước Đức gần chợ Đàng phía dưới huyện lỵ Quế Sơn, nhưng rồi nhà không đủ khả năng cho chú học tiếp. Các bậc trưởng thượng trong xóm ai cũng tiếc cho chú phải chịu dở dang về đường học vấn.

Một tuần lễ, hai tuần lễ... rồi một con trăng, hai, ba con trăng... chú Độ vẫn biệt tăm. Thím Độ đã nhờ bao người hỏi thăm tận Vĩnh Điện, Hội An, hỏi ra tới Đà Nẵng, Nam Ô, hỏi vô thấu Tam Kỳ, Bến Ván... nhưng đều không kết quả. Vậy là đành chịu thôi. Gặp ai thím cũng khóc và kể lể về chú như một người đã sang thế giới bên kia.

Bất ngờ vào một ngày cận Tết năm Nhâm Ngọ (1942), có người đem tới cho thím Độ phong bì thư và hai mươi tờ bạc Đông Dương ngân hàng loại "một đồng vàng" của chú Độ từ Sài Gòn gửi về cho vợ con. Người chuyển các thứ này là vị thầy thuốc Bắc nhà ở xóm chợ. Ông có việc vào Sài Gòn và tình cờ gặp chú Độ.

Thím Độ quá đỗi vui mừng, nói không ra lời, cười đỏ lại khóc đỏ. Một lúc

sau thím mới bình tĩnh để nghe vị lương y kể chuyện về chú Độ.

Hôm đầu năm bỏ nhà ra đi, chú Độ xuống Hội An rồi đi nhờ ghe bầu của ông chủ ghe tốt bụng vào Sài Gòn. Chú phải lén ra đi vì nếu cho vợ con biết sẽ bị cản trở. Chú quyết tâm phải tìm được việc làm mới báo tin về.

Sau vài ngày lang thang tìm việc, chú may mắn được ông bà chủ một vừa gạo lớn tại bến Bình Đông nhận, cho ăn ở tại vừa, lương tháng khá trên mức mơ ước của chú...

Thím Độ mở bì thư nhưng thím không biết đọc. Bà con trong xóm đến mừng ngồi chật từ trong nhà ra ngoài sân. Thím Độ nhờ tôi đọc lớn thư của chú cho mọi người cùng nghe. Tôi nhìn qua thấy không phải thư mà là một bài thơ. Có lẽ mọi sự đã nhờ ông lương y về kể rõ ràng nên chú không viết thư. Bài thơ như thế này:

*Tạm bút tả đôi hàng quốc ngữ
Gởi về thăm thê tử chốn quê nhà
Kể từ ngày đời gói bước chân ra
Tìm dựng việc mưu sinh nơi đất khách
Thiên lý lộ bao sông ngãn núi cách
Nhớ con thơ vợ khổ lệ tuôn hàng
Đêm khuya nằm nghe tiếng vạc bay ngang
Vạc có bạn còn "qua" thì lẻ bạn!
Thương nhà mình chỉ vài sào ruộng cạn
Mưa được nhờ, nắng hạn chịu tai ương
Hai ấu nhi dầu đói cũng tới trường
Nhờ từ mẫu thay phụ thân dưỡng dục
Sông còn có hời trong hời đục
Còn nhà ta chịu riết cảnh long đong!
Thương hiền thê cơ khổ lụy chung vòng
Phận nam tử, "qua" đành lòng rằng được?
Trai Trung Phước mà chưa thấy "phước"
Gái Đông Yên vẫn chẳng được "yên"
Ráng chờ "qua" cho trọn đạo vợ hiền
"Qua" cũng giữ chữ tào khang chung thủy
Giấy ngãn tình dài, chứa chan giọt lụy
Chúc hiền thê mãi mãi được an khang...*

Nghe bài thơ lâm ly bi thiết, nặng nghĩa nặng tình, thím Độ khóc, bà con hàng xóm ngồi quanh cũng sụt sùi.

Tết năm ấy, gia đình thím Độ chuyển buồn thành vui, mà lại vui kép: vừa yên tâm về sự ra đi làm ăn nhiều may mắn của chú Độ, vừa có khoản tiền lớn cho thím trả nợ và ba mẹ con ăn cái Tết sung túc.

Từ đó, hễ gặp tôi đâu thím Độ cũng bảo tôi đọc bài thơ cho thím nghe. Bài thơ luôn được thím cất trong túi áo cánh có gài chiếc ghim cẩn thận. Tôi đọc riết rồi thuộc lòng bài thơ. Đầu óc trẻ thơ, đọc cái gì cũng mau thuộc mà đã thuộc thì rất khó quên. ■

Niềm tin sáng tỏa

TÔN NỮ HỖ KHƯƠNG

*Kính tưởng niệm húy nhật năm thứ 50 của
phụ thân, cụ Ứng Bình Thúc Gia Thị*

NĂM MƯƠI NĂM thấm thoát trôi qua...

“Hình ảnh Từ Thân chẳng nhạt nhòa.

Vẫn sáng lòng con niềm hạnh phúc,

Vẫn ngời Hương sắc áng Thi Ca”

Lời vàng khắc đậm trong tâm khảm:

“Sống an vui, tự tại, chan hòa”

“Không giận, không hờn, không oán trách”

“Nghĩa ân ghi tạc – đẹp lòng ta”.

NĂM MƯƠI NĂM hình bóng yêu thương,

Dẫn dắt đời con mỗi chặng đường.

Cuộc sống thăng trầm luôn vững dạ,

Không hân hoan cũng chẳng sầu vương.

Tất cả nhờ ơn Đức Phật Trời,

NIỀM TIN SÁNG TỎA chẳng hề vơi.

“Lời xưa di huấn thời son trẻ,

Con vẫn mang theo suốt cuộc đời”

“... Sóng vàng quện ánh sao rơi,

Văn Lâu khúc hát trao lời núi sông.

Dòng Hương Giang nước vẫn trong,

Trong xanh như cá tắm lòng Người xưa.

Phố ơi, thôi nhé, ta về

DẠ TỊNH

Bao năm làm khách không mời

Áo cơm phiêu bạt quê người chen chân

Bồn chồn nghe nóng đôi chân

Chiều nay ta chạy về thăm quê nhà

Đêm qua mơ bóng trắng tà

Bên tê sông vắng tiếng gà gáy khuya

Gọi về tìm nắng trong mưa

Ủ trong vạt áo bốn mùa cưu mang

Nồng nàn một giấc trưa hoang

Lòng ta như ngọn gió làng nhẹ thênh

Lặng trong đất cát tuổi mình

Ấm hơi thở mẹ chảy tràn sang con

Nhớ quê thật đến đáy lòng

Muốn ôm ghi lấy con sông quê nghèo

Thương gầy một mái tranh quê

Vườn rau, bếp lửa, bờ tre, tiếng cười

Chồng chênh nhịp hát tao nôi

Theo ta lưu lạc cuối trời tha phương

Phố ơi, thôi nhé, đừng buồn

Chia tay hết thấy những đường phố qua...!

Quê người

NGUYỄN MẠNH QUÝ

Quê người khoác áo sương mù

Cũng trắng, cũng gió, cũng chùa chênh vênh

Xuân về, leo đá gập ghềnh

Ngậm sương hồn núi lênh đênh nẻo về.



Thầy trò vùng cao

LÝ THỊ MINH CHÂU

Đâu phải cây trên rừng nào cũng có thể ra hoa
Đâu phải hoa nào cũng khoe sắc thắm
Lần đầu làm cô giáo vùng cao tôi vô cùng lạc lõng
Các em mang cả đại ngàn đến làm bạn cùng tôi

Dẫu có phân bua cũng không diễn tả hết ý nghĩ con người
Tôi bất lực trước những ánh mắt xa vời ngơ ngác
Giá có thể tôi mang cả vạn vật trên đời này vào lớp
Để các em nhìn
Các em viết
Các em phát âm

Chữ cá chữ cua
Giá các em có thể nắm có thể cầm
Để phân biệt chữ nào là cua
Chữ nào là cá
Tôi chưa học tiếng Ê Đê, Stiêng, Mạ...
Nên chẳng thể nào khai hóa cánh rừng thiêng

Các em vẫn cắp sách đến trường một cách hồn nhiên
Nhưng cái chữ đến với các em như con sóng vỗ bờ rồi tan trên cát
Tôi chọn học các em mười
Các em học tôi một
Các em ngoan hơn khi nghe tôi giảng bài bằng tiếng của mình

Những đóa hoa rừng dạy tôi biết đón ánh bình minh
Để khoe sắc khoe hương sau đêm dài buốt giá
Giọt nước phải biết hòa mình vào dòng sông mới ra được biển cả
Độc đoán tự tôn tự đánh mất mình.

Quét rác

Mỗi ngày quét rác khắp sân
Mà nghe chuông mõ cũng gần đâu đây
Biếng thân hoa gió thả đầy
Cửa sài quên đóng, thân gầy quên ăn.

Vẫn còn

Cửa không chẳng thấy Phật đâu
Một khe nước chảy thật lâu chẳng đầy
Chữ lời lũng lảng trên cây
An nhiên rớt xuống, gió bay, vẫn còn.

Với hạt phù sa

LÊ ĐỨC ĐỒNG

Nâng vốc phù sa mát nổi lòng
Ngõ chừng mật ngọt của dòng sông
Ta về trong gió nghe mây hát
Khúc nhạc quê reo nước lớn, rồng...

Hạt phù sa lấp lánh như gương
Sông bào xuyên đá, xẻ cong đường
Chắt chiu hạt ngọc về đất Mẹ
Bãi bồi năm tháng dựng quê hương...

Hạt phù sa thấm đỏ như son
Tóc bạc ngàn lau, thác tỏa bờm
Mê mãi sông tuôn về tận biển
Núi phía đằng sau có giận hờn?

Nắng phù sa màu hoa cải tươi
Mỗi hạt nghìn năm, vàng trợn mười
Sông biết nguồn xa là gốc cội
Dạt dào con sóng vỗ buồn vui...

Sông mẹ nuôi đời ơn nghĩa nặng
Phù sa từng hạt mãi ngời tươi
Là con của đất, ngàn năm ấy
Xin hòa phù sa đẹp dáng người...

Câu chuyện của người không muốn chết

YEI THEODORA OZAKI
LÊ MY NUONG dịch

Ngày xưa ngày xưa, có một người tên riêng là Tiên Thái Lang. Tên họ của anh ta có nghĩa là 'triệu phú'. Mặc dù vậy, anh ta không giàu tới mức ấy, nhưng cũng còn lâu mới nghèo. Anh ta được thừa hưởng của bố một cơ ngơi nho nhỏ và sống ở đó, rong chơi chẳng màng tháng ngày, cũng không hề nghĩ đến chuyện làm ăn một cách nghiêm túc đến tận năm ba mươi hai tuổi.

Một hôm, chẳng có lý do nào cả, anh ta bỗng nhiên nghĩ đến bệnh hoạn và cái chết. Ý nghĩ về việc lăn ra ốm rồi chết khiến anh ta khổ sở. Anh ta tự nhủ, "Minh phải sống đến ít nhất là năm sáu trăm tuổi mà hoàn toàn không bệnh hoạn chi cả. Tuổi thọ bình thường của con người sao mà ngắn ngủi!". Anh ta tự hỏi, chẳng biết nếu từ nay trở đi sống giản dị và thanh đạm thì có thể kéo dài cuộc sống như mong ước hay không. Anh ta biết có những câu chuyện trong cổ sử về các vị hoàng đế đã sống cả ngàn năm, và theo truyền thuyết thì Công nương Yamato sống tới năm trăm năm là người cuối cùng sống lâu nhất đã được ghi nhận.

Tiên Thái Lang cũng thường nghe câu chuyện về vị hoàng đế Trung Hoa, Tần Thủy-Hoàng đế. Ông này là một trong những vị cai trị có quyền lực nhất trong sử Tàu, đã xây dựng những cung điện lộng lẫy và cả bức tường thành vĩ đại của Trung Hoa. Ông ta có tất cả những gì mà ông ta có thể ao ước; nhưng mặc cho tất cả những vui thú, những lộng lẫy xa hoa của triều đình, sự thông thái của các cận thần và sự vinh quang của triều đại, vị hoàng đế này vẫn khôn khổ vì ông ta biết chắc một ngày nào đó ông ta sẽ chết, sẽ phải bỏ lại tất cả. Mỗi đêm lên giường ngủ, mỗi sớm mai thức

dậy, cũng như mỗi lúc đi tới đi lui trong ngày, ý nghĩ về cái chết luôn luôn làm rộn tâm trí Tần Thủy-Hoàng đế. Ông ta không thể dứt bỏ cái ý nghĩ đó. A! nếu như ông ta có thể tìm được thuốc trường sinh, hẳn là ông ta đã thật sự hạnh phúc. Cuối cùng, vị hoàng đế triệu tập tất cả triều thần và hỏi xem họ có thể tìm được cho ông ta loại thuốc trường sinh mà ông đã được đọc và thường được nghe nói tới hay chăng.

Một trong những vị triều thần của nhà vua có tên là An Kỳ Sinh tâu rằng rất xa ngoài biển khơi có một nơi gọi là Bồng Lai đảo, trên đó có những vị ẩn sĩ sinh sống, là những người gìn giữ bí mật về thuốc trường sinh. Bất kỳ ai được uống loại thuốc kỳ diệu đó sẽ sống đời đời.

Vị hoàng đế liền ra lệnh cho An Kỳ Sinh khởi hành đến đảo Bồng Lai, tìm các vị ẩn sĩ, và đem về cho ông ta một chai thuốc kỳ diệu ấy. Hoàng đế cấp cho An Kỳ Sinh một trong những đoàn hải thuyền hùng hậu nhất, trang bị đầy đủ, lại chất lên thuyền rất nhiều của cải châu báu để An Kỳ Sinh dùng làm quà ra mắt các vị ẩn sĩ.

An Kỳ Sinh dong buồm ra khơi tìm đảo Bồng Lai, và ông ta chẳng bao giờ quay trở về trình diện vị hoàng đế vẫn mãi mòn chờ đợi; nhưng kể từ đó, người ta đồn rằng đỉnh Phú Sĩ chính là núi Bồng Lai huyền thoại kia, là nơi trú ngụ của các bậc ẩn sĩ nắm giữ bí quyết chế tạo thuốc trường sinh, và An Kỳ Sinh được thờ phụng như vị thần tối cao của họ.

Bấy giờ Tiên Thái Lang quyết định lên đường đi tìm các vị ẩn sĩ, và nếu có thể tìm được, anh ta cũng sẽ trở thành một ẩn sĩ để có được thứ thuốc uống vào sống mãi. Anh ta nhớ rằng hồi còn nhỏ đã được nghe nói chẳng những trên đỉnh Phú Sĩ có các bậc ẩn tu mà

các vị này còn có mặt ở tất cả những đỉnh núi cao. Thế là anh ta giao phó nhà cửa lại cho người thân rồi lên đường. Anh ta đã đi đến tất cả những vùng núi non của nước Nhật, trèo lên cả những đỉnh núi cao nhất, nhưng anh ta chưa bao giờ tìm được một vị ẩn sĩ nào.

Cuối cùng, sau khi lang thang nơi một vùng đất xa lạ trong suốt nhiều ngày, anh ta gặp một người thợ săn.

Tiên Thái Lang hỏi, "Bạn có thể cho tôi biết các vị ẩn sĩ có thuốc trường sinh sống ở chỗ nào chăng?".

"Thưa không," người thợ săn trả lời, "tôi không thể cho ngài biết nơi nào có các bậc ẩn sĩ sinh sống, nhưng trong vùng này có một tên cướp nổi tiếng, người ta bảo rằng y có tới hai trăm đồ đảng".

Câu trả lời ngớ ngẩn khiến Tiên Thái Lang bức mình, anh ta nghĩ thật là dại khi phải mất thì giờ trong việc tìm kiếm các vị ẩn sĩ theo lối này, cho nên anh ta quyết định đến thẳng đền thờ An Kỳ Sinh, người vẫn được thờ phụng như là vị thần tối cao của các bậc ẩn sĩ ở miền Nam nước Nhật.

Đến được đền thờ, Tiên Thái Lang cầu nguyện suốt bảy ngày đêm, khẩn nài An Kỳ Sinh chỉ đường cho mình đi tìm một vị ẩn sĩ có thể ban cho anh ta thứ mà anh ta khao khát tìm kiếm.

Vào nửa đêm của ngày cầu nguyện thứ bảy, khi Tiên Thái Lang quỳ mọp giữa đền, cánh cửa trong đền chợt mở hé, thế rồi An Kỳ Sinh xuất hiện giữa một vầng mây chói lòa, gọi Tiên Thái Lang lại gần và nói:

"Mong muốn của nhà ngươi là một khao khát vị kỷ chẳng thể nào dễ dàng được ban phát. Người nghĩ người muốn trở thành một bậc ẩn sĩ để tìm được thuốc trường sinh. Người có biết cuộc sống của một bậc ẩn sĩ khắc nghiệt tới mức nào chăng? Một ẩn sĩ chỉ được phép ăn trái cây và vỏ thông; một ẩn sĩ phải rời bỏ cuộc sống thường nhật khiến tâm hồn ông ta



có thể trở nên tinh ròng như vàng và tự tại trước mọi ước muốn thế tục. Lần lần, sau khi theo đúng những quy tắc nghiêm ngặt ấy, người ẩn sĩ không còn cảm thấy đói, thấy nóng, hay thấy lạnh nữa, thân thể ông ta trở nên nhẹ bồng khiến có thể cười hạc, cười rùa, có thể đi trên mặt nước mà không bị ướt chân".

"Nhà ngươi, Tiên Thái Lang, vẫn còn ham muốn một cuộc sống an nhàn với mọi tiện nghi. Người còn

không bằng được một người bình thường, vì nhà người quá lười biếng, lại quá mẫn cảm với nóng lạnh so với người thường. Người chưa bao giờ có thể đi chân trần hoặc mặc một tấm áo mỏng manh trong một ngày mùa đông! Người lại nghĩ rằng người đủ kiên nhẫn hay sự chịu đựng để sống cuộc sống của một ẩn sĩ sao?”.

“Tuy nhiên, đáp ứng lời cầu nguyện của người, ta sẽ giúp người bằng cách khác. Ta sẽ đưa người tới Cõi sống Vĩnh hằng, nơi thần chết không bao giờ tới – nơi mà con người sống mãi mãi!”.

Vừa nói như vậy, An Kỳ Sinh vừa đặt vào tay của Tiên Thái Lang một con hạc giấy nhỏ xíu, bảo anh ta ngồi lên lưng con hạc ấy, nó sẽ đưa anh ta tới đó.

Tiên Thái Lang vâng theo trong sự ngạc nhiên. Con hạc lớn dần lên đủ để anh ta cưỡi lên lưng nó một cách thoải mái. Thế rồi con hạc giương cánh, bay lên cao trong không trung, lướt qua những rặng núi rồi lao thẳng ra biển. Ban đầu, Tiên Thái Lang cảm thấy sợ hãi, nhưng lần lần anh ta quen với chuyến bay êm ái trong không trung. Cứ thế, con hạc và anh ta bay qua hàng ngàn dặm. Con hạc không hề ngừng để nghỉ hay kiếm thực phẩm, nhưng vì nó là con hạc giấy thì chuyện nó không cần thực phẩm cũng là chuyện chẳng đáng ngạc nhiên, điều lạ là cả Tiên Thái Lang cũng không hề thấy đói. Sau nhiều ngày, cả hai đến được một hòn đảo. Con hạc giấy bay vào sâu trong đất liền rồi hạ cánh. Ngay khi Tiên Thái Lang rời lưng hạc, con hạc tự thu nhỏ lại rồi bay vào túi anh ta.

Bấy giờ, Tiên Thái Lang nhìn quanh với sự ngạc nhiên; anh tò mò tìm hiểu xem Cõi sống Vĩnh hằng như thế nào. Trước hết anh ta đi dạo quanh thôn quê rồi lần vào đến thành thị. Quả tình mọi thứ ở nơi đây đều hết sức kỳ lạ, không như ở quê hương của anh. Nhưng rõ ràng đất đai màu mỡ và con người sung túc, cho nên anh ta quyết định ở lại và đến tìm một chỗ trú ngụ tại một trong các khách sạn.

Chủ khách sạn là một con người tử tế, và vì Tiên Thái Lang cho biết mình là người lạ muốn ở lại, nên người chủ hứa sẽ dàn xếp mọi thủ tục cần thiết với vị thị trưởng cho việc định cư của Tiên Thái Lang. Người chủ còn tìm cho người khách của mình cả một ngôi nhà. Như vậy, Tiên Thái Lang đạt được mong ước lớn nhất đời mình và trở thành công dân của Cõi sống Vĩnh hằng.

Trong ký ức của tất cả những cư dân trên đảo, ở đây chưa bao giờ có người nào chết, và bệnh hoạn là một chuyện không hề được biết tới. Có những vị tu sĩ đến từ Ấn Độ hay Trung Quốc nói với người dân ở đảo này rằng có một cõi nước rất xinh đẹp, gọi là Thiên Đường; ở nơi đó, hạnh phúc, hỷ lạc và sự hài lòng tràn ngập lòng người; nhưng cánh cổng cõi ấy chỉ có thể mở ra bằng cái chết. Truyền thuyết đó đã được nhắc lại từ xưa qua nhiều thế hệ - nhưng không một ai biết

chính xác cái chết là thế nào, trừ ra việc nó là lối dẫn đến Thiên Đường.

Hoàn toàn khác với Tiên Thái Lang và những con người bình thường khác, thay vì có một nỗi khiếp sợ trước cái chết, những cư dân ở Cõi sống Vĩnh hằng này bất kể giàu hay nghèo, đều khao khát cái chết như một điều gì tốt đẹp và khả ái nhất. Họ đều thấy mệt mỏi vì cuộc sống dài, quá dài, và luôn luôn khao khát đến được vùng đất hạnh phúc của sự mãn nguyện được gọi là Thiên Đường mà các vị tu sĩ đã nói cho họ biết từ hàng thế kỷ trước.

Tất cả những điều đó Tiên Thái Lang nhanh chóng được biết qua việc trò chuyện với cư dân trên đảo. Theo quan niệm của mình, anh ta tự thấy mình đang ở trong một tình trạng lộn xộn. Mọi sự đều ngược đời. Anh ta đã mong muốn thoát khỏi cái chết. Anh ta đã đến được Cõi sống Vĩnh hằng với sự an ủi và niềm vui lớn lao, chỉ để thấy rằng chính những cư dân ở đây, bất hạnh vì chẳng bao giờ chết, lại xem việc tìm đến cái chết là niềm hỷ lạc.

Những thứ mà cho đến nay anh ta thấy là thuốc độc thì cư dân ở đây ngẫu nhiên ăn như thực phẩm tối hảo, còn những gì mà anh ta cho là thức ăn thì cư dân ở đây lại chê ỏng chê eo. Bất kỳ lúc nào có những thương gia ở xứ khác đến, đám nhà giàu ở đây bám theo chỉ để mua thuốc độc. Họ háo hức ngón những thứ ấy, hy vọng được chết để tới được nơi họ gọi là Thiên Đường.

Nhưng những thứ mà nơi khác thấy là độc lại chẳng có một chút tác dụng nào với cái xứ sở kỳ dị này, và những kẻ ngón ngấu thuốc độc với hy vọng được chết, chỉ thấy rằng sau một thời gian ngắn, sức khỏe của họ lại được cải thiện rõ rệt chứ chẳng hề hấn gì.

Họ chỉ hoài công tưởng tượng xem cái chết có thể giống như thế nào. Những người giàu có sẵn sàng cho đi tất cả tiền bạc và tài sản của họ nếu như họ có thể rút ngắn cuộc sống của mình lại chừng vài trăm năm. Dường như tình trạng không có điều gì thay đổi cho việc sống mãi mãi này đã khiến người dân ở đây chán ngán và buồn rầu.

Trong những cửa hàng thuốc có một loại thuốc luôn luôn được hỏi mua nhiều, vì người ta cho rằng sau khi dùng thứ thuốc ấy chừng một trăm năm, tóc con người sẽ trở nên bạc và bao tử sẽ bị rối loạn. Tiên Thái Lang ngạc nhiên thấy loại cá nóc vô cùng độc vẫn được dọn ăn trong các nhà hàng như một món ăn khoái khẩu, và những người bán hàng rong rao ới ới loại nước sốt làm bằng gián Tây Ban Nha. Anh ta chưa bao giờ thấy một ai bị bệnh sau khi ăn những thứ khủng khiếp ấy, cũng chẳng ai bị đau ốm gì nặng hơn một cơn cảm lạnh.

Tiên Thái Lang lấy làm vui thích. Anh ta tự nhủ mình sẽ chẳng bao giờ cảm thấy mệt mỏi vì được sống, và anh ta thấy thật là bằng bổ khi mong ước cái

chết. Anh ta là người hạnh phúc duy nhất trên hòn đảo này. Về phần mình, anh ta ước sẽ sống cả ngàn năm và vui hưởng cuộc sống. Anh ta lập tức lao vào chuyện làm ăn, lúc bấy giờ anh ta không hề nghĩ đến việc trở lại quê hương.

Tuy nhiên, theo thời gian, mọi việc không trôi chảy như ban đầu. Anh ta đã bị lỗ lã nặng nề trong việc buôn bán và không ít lần có những chuyện rắc rối với hàng xóm. Những điều đó khiến anh ta rất bức mình.

Đối với anh ta, thời gian bay qua như một mũi tên, vì anh ta bận rộn suốt từ sáng sớm đến tối mịt. Ba trăm năm đã trôi đi trong sự đơn điệu ấy, và thế rồi cuối cùng, anh ta bắt đầu cảm thấy mệt mỏi về cuộc sống ở xứ sở này. Anh ta khao khát được thấy lại quê hương với ngôi nhà xưa. Bao lâu mà anh ta còn sống ở đây, cuộc sống sẽ luôn luôn chỉ là một trò chơi, vậy phải chăng không là khủng và chán ngán để ở lại nơi này mãi mãi sao?

Trong nỗi ao ước được thoát khỏi Cõi sống Vĩnh hằng, Tiên Thái Lang lại cầu cứu An Kỳ Sinh, người đã giúp anh ta trước đây khi anh ta mong ước thoát khỏi cái chết – và anh ta cầu nguyện để vị thánh này mang anh ta về đất Nhật trở lại.

Ngay khi anh ta dứt lời cầu nguyện thì con hạc giấy từ trong túi anh hiện ra. Tiên Thái Lang ngạc nhiên thấy rằng con hạc giấy chẳng hề hư hao gì sau bấy nhiêu năm. Một lần nữa, con hạc giấy lại lớn dần dần cho đến khi đủ để Tiên Thái Lang leo lên lưng nó. Chờ Tiên Thái Lang trên lưng, con hạc giấy sải cánh bay lên, nhẹ nhàng vượt ra biển theo hướng đất Nhật trực chỉ.

Cũng lại cái bản chất bướng bỉnh của con người khiến Tiên Thái Lang nhìn lui và cảm thấy tiếc những gì anh ta đã bỏ lại sau lưng. Anh ta cố dừng con hạc lại mà không được. Con hạc cứ giữ đúng hướng bay suốt ngàn dặm đường xuyên qua đại dương.

Thế rồi một cơn bão chợt đến, và con hạc giấy kỳ diệu bị ướt, lão đảo ngã xuống biển. Tiên Thái Lang ngã theo. Kinh hoàng trước nỗi sợ bị chết đuối, anh ta gào to tên của An Kỳ Sinh mong được vị thánh ấy đến cứu. Nhìn quanh, anh ta thấy chẳng có tàu bè nào cả. Anh ta uống mấy ngụm nước biển mặn chát, chỉ làm tăng tình trạng tuyệt vọng của mình. Trong lúc vùng vẫy để giữ mình nổi trên mặt nước, anh ta thấy một con cá mập khổng lồ bơi quanh. Khi đến gần Tiên Thái Lang, con quái vật há cái họng toang hoác sẵn sàng nuốt chửng anh ta. Hoàn toàn tê liệt với nỗi sợ hãi rằng giờ cuối cùng của mình đã điểm, Tiên Thái Lang cố gắng gào to hết mức tên của An Kỳ Sinh mong được ngài cứu.

Lạ chưa kìa, Tiên Thái Lang tỉnh giấc bởi tiếng gào của chính mình, thấy rằng trong cuộc cầu nguyện kéo dài, anh ta đã ngủ gục trước ngôi đền, và toàn bộ cuộc phiêu lưu phi thường và khủng khiếp của anh ta

thật ra chỉ là một giấc mơ. Anh ta toát mồ hôi lạnh và hoang mang cực độ.

Thình lình, một luồng ánh sáng chiếu tới anh ta, trong luồng ánh sáng đó xuất hiện một vị thần. Vị thần này đưa ra một quyển sách và nói với Tiên Thái Lang, “Ngài An Kỳ Sinh sai ta tới đây. Đáp ứng cho lời cầu nguyện của ông, ngài đã cho phép ông được thấy Cõi sống Vĩnh hằng trong giấc mơ. Nhưng ông đã chán cuộc sống nơi đó và cầu khẩn được trở lại quê hương để có thể được chết. Vì thế, ngài An Kỳ Sinh lại thử ông một lần nữa, cho ông rơi xuống biển, sai một con cá mập đến nuốt ông. Nhưng ước muốn được chết của ông cũng không thật, vì ngay lúc đó ông lại kêu khóc và gào lên xin cứu vớt”.

“Ông chỉ hoài công ước muốn trở thành một ẩn sĩ hoặc tìm kiếm thuốc trường sinh. Những điều đó không dành cho những người như ông – Cuộc sống của ông không đủ chân thành. Tốt nhất là ông hãy trở về quê cha đất tổ để sống một cuộc sống lành mạnh và chăm chỉ. Đừng bao giờ xao lãng những ngày giỗ của tổ tiên, và hãy lấy việc chăm lo cho tương lai con cháu của ông làm nhiệm vụ của mình. Như thế, ông sẽ sống trường thọ và hạnh phúc; nhưng hãy từ bỏ cái ước muốn hão huyền về việc thoát khỏi cái chết, vì không một ai có thể thực hiện được điều đó, và lúc này chắc chắn ông đã hiểu được rằng ngay cả khi những ước muốn vĩ đại đã được ban phát, điều đó cũng không làm cho ông hạnh phúc.

“Trong quyển sách tôi tặng ông có nhiều lời giáo huấn tốt đẹp cho ông – nếu ông nghiên cứu kỹ, ông sẽ được hướng dẫn theo cách mà tôi đã chỉ cho ông”.

Vị thần biến mất ngay khi dứt lời, Tiên Thái Lang ôm chặt quyển sách vào lòng. Với quyển sách trong tay, anh ta trở lại quê hương, từ bỏ tất cả những ao ước hão huyền của mình, cố gắng sống một cuộc sống tốt đẹp và hữu ích. Anh ta cũng tìm hiểu kỹ những lời dạy trong quyển sách và thực hiện đúng. Từ đó, anh và gia đình anh ngày càng thịnh vượng.

Nguồn: The Story of the Man Who Did not Wish to Die, lấy từ Japanese Fairy Tales thuộc Project Gutenberg trên Internet.

Yei Theodora Ozaki là dịch giả chuyên chuyển dịch truyện ngắn và truyện thần tiên của Nhật ra tiếng Anh. Bà là con gái của Nam tước Ozaki, một trong những người Nhật đầu tiên du học ở phương Tây. Mẹ của bà là con gái của một vị giáo sĩ và cũng là thầy dạy của Nam tước Ozaki. Sau khi cha mẹ ly hôn, bà ở với mẹ, đến lúc trưởng thành bà được gửi về Nhật sống với cha. Bà thường xuyên đi lại giữa Nhật Bản và châu Âu. Có thời gian bà sống dưới những mái chùa Nhật Bản. Dịch phẩm về truyện thần tiên của bà có phần đã cách điệu và rất phổ biến, được in lại nhiều lần sau khi bà đã qua đời. ■

Giếng Hai quê ngoại

HOÀNG QUY

Sông Thu Bốn bắt nguồn từ dãy Trường sơn chập chùng chảy qua hàng ngàn khe suối rồi tụ về phía đầu nguồn từ Hòn Kẽm Đá Dừng, lượn quanh qua những làng mạc, xuôi dòng về Cửa Đại. Thu Bốn là quê ngoại của tôi. Vì thế, với tôi, làng Thu Bốn đẹp lắm.

Nhưng cho đến bây giờ tôi vẫn chưa biết vì sao dòng Thu Bốn lại mang tên làng của quê ngoại tôi? Như vậy tên dòng sông có trước hay tên làng Thu Bốn quê ngoại tôi có trước? Lịch sử, từ nguồn cội ông cha ta đi mở cõi có liên quan gì đến địa danh này? Hay là nó đã có từ thời văn minh của Champa? Giữa dòng sông và làng Thu Bốn có mối quan hệ nào mật thiết và quan trọng mà dinh bà Thu Bốn lại được thờ phượng ở đây, lễ hội được tổ chức linh đình trong những ngày trung tuần tháng Hai âm lịch hằng năm? Lễ hội bà Thu Bốn có liên quan gì đến bà thánh nữ Liễu Hạnh của huyền thoại Việt Nam và bà Thiên Y Ana của Champa mà trong nền văn hóa dân gian của ta cũng như văn hóa Champa đều thờ phượng một cách trang trọng?

Ngoại tôi có sáu người con nhưng tôi thân nhất chỉ là cậu út Ngọc, bởi cậu chỉ lớn hơn tôi có sáu tuổi. Mỗi lần về thăm ngoại, tôi thường được cậu út dắt ra vườn hái ổi, bắt chim... rồi quanh quẩn dưới những gốc thông già nghe gió thổi, lượm những trái thông rụng ven đường. Nhà ngoại nằm sát lộ xe Thu Bốn, cái nền nhà cao ngất ngưỡng, mỗi lần vào nhà phải leo lên mười hai tam cấp. Ngoại nói, làm nhà cao để tránh lụt. Dân quê tôi, làng mạc nằm dọc hai bên bờ sông, người dân phải đối mặt thường trực với bão lụt vào những tháng cuối năm. Đó là thời gian thu hoạch vụ đông xuân. Người nông dân phải chạy đua với thời tiết, vật lộn với tháng ngày giành lại từng miếng ăn trước những cơn bão lũ tràn về. Thế nhưng, trận lụt năm Thìn 1964, như là cơn giận dữ của Thủy tinh, đã san bằng hết mọi thứ trên đường nó đi qua. Hàng ngàn người đã chết. Nhiều làng mạc bị tàn phá, bị cắt ngang rồi trôi theo dòng nước lũ. Năm ấy, làng Thu Bốn đã trôi mất nguyên con đường cái chạy dọc bờ sông. Con đường có hai hàng thông xanh cao vút mà mỗi gốc to hơn một vòng tay ôm, quanh năm gió hát rì rào.

Thời thơ ấu, tôi nhìn quê ngoại như một bức tranh lụa muôn màu sống động. Nơi này hình như đã đưa tôi vào một thế giới của kỳ ảo, mãi về sau tôi mới khám phá ra trong tâm hồn tôi đầy ắp những hình ảnh, những âm thanh, màu sắc đã lắng sâu trong tâm thức...

Trước nhà ngoại tôi là con đường cái rộng chừng năm thước trải đá lưa thưa, thỉnh thoảng một vài chiếc xe kéo, vài ba hôm có một chiếc xe ô tô chạy về làng Thu Bốn, theo sau là một lũ con nít, trong đó có cả tôi và cậu út Ngọc. Đó là những năm trước 1945. Trong những buổi chiều gió nổi lên cao, nắng hè trải dài trên dòng Thu Bốn như dải lụa, là lúc những chiếc thuyền buồm trắng no gió cỡi sóng ngược dòng đi về những miền xa xôi nào đấy. Nhưng có một thứ, hình như đã lấp đầy trong tâm hồn thơ dại của tôi từ quê ngoại, lúc nào tôi cũng cảm nhận được cái âm thanh vi vu, rì rào của ngàn thông reo như có từ muôn thuở. Thứ âm thanh ấy có lúc cao vút như tiếng sáo diều, như suối reo ở chốn xa xôi, có lúc vội vàng, trầm lắng, khoan thai, nhẹ nhàng như bước đi của ngọn gió đầu mùa, như tà áo mây chiều trôi mênh mang trong bầu trời xanh biếc. Những lúc buồn vô cớ như thế, tôi hay nhớ nhà. Nhà tôi ở phía đầu nguồn. Nơi ấy, núi vây quanh khung trời. Núi không cho tôi nhìn xa hơn đầu núi! Về quê ngoại, tầm mắt tôi nhìn xa hơn, xa tầm tắp về phía mặt trời mọc mà chỉ có dòng Thu Bốn xanh biếc trôi lang thang về hướng ấy. Ở đó không có ngọn núi nào dám che tầm mắt của tôi trên đường bay của mây trắng.

Đêm Thu Bốn trừ tịch. Xa xa tôi nghe tiếng trống bập bùng, mỗi lúc rõ dần trên con đường cái... Ngoại tôi bảo: "Ngọc ơi, đóng cửa, tắt hết đèn đi con". Tiếng trống cơm bập bùng nghe như ngay đầu ngõ. Tiếng hát thêm rõ dần, theo nhịp của trống, của thanh la, của xập xỏa và phách nữa... Tất cả quyện vào nhau trong màn đêm mờ hồ của mưa bụi tháng Giêng. Tôi lên ngoại nhìn qua khe cửa, những cây đuốc thấp sáng lung linh, đoàn người như dừng lại trước cổng nhà ngoại, ngập ngừng ngừng, rồi hát: "Sắc là sắc bùa âu. Sắc bùa âu, bước qua năm mới trồng dâu để tầm...", giọng nam có, nữ có; tiếng hát cất lên rộn ràng như mang tới niềm vui trong cái se lạnh mưa phùn của đêm tháng Giêng



quê ngoại... Rồi họ kéo đi theo tiếng trống bập bùng, nhập nhòa trong ánh sáng của những ngọn đuốc soi đường. Đêm ấy, tôi không ngủ được. Tôi không dám hỏi ngoại tôi vì sao phải đóng cửa, tắt đèn? Vì sao phải đứng trước cổng hát vu vơ? “Sắc bùa âu, sắc là sắc bùa âu, bước qua năm mới trống dêu để tầm?”. Sắc bùa âu là chi? Rồi những người hát ấy đi mô? Hát cho ai? Hát làm chi rứa? Đêm ấy, cái đêm buồn bã lạ thường. Tôi ôm những hình ảnh và nỗi thất vọng không duyên cớ ấy cho đến ngày lớn khôn.

Thực ra trong nền văn hóa của dân tộc, nhu cầu của đời sống tinh thần đã tự phát và biểu hiện qua văn nghệ dân gian dưới nhiều hình thức. Chính đó là cái hồn của quê hương. Ngày trước, những hình thức văn nghệ dân gian không được tổ chức, hỗ trợ và nâng đỡ. Vì vậy, những hình thức tự phát ấy cũng mang theo tinh thần tự nguyện, lâu ngày trở thành những ước lệ của từng vùng, miền, từng quê hương. Tôi không biết nhiều về “sắc bùa âu”, một lối hát có tính đặc thù ở quê ngoại tôi ngày nào. Một kiểu hát đồng dao, hay một kiểu hát na ná như hò khoan ở Quảng Nam? Nhưng dù gì đi nữa, sắc bùa âu vẫn là một loại hát dân gian mang tính thiện chí, thuần phác từ bản chất, đem lại niềm an vui trong cộng đồng nông thôn của quê ngoại tôi.

Sau này, ngoại tôi về định cư ở Đà Nẵng. Khu vườn ổi trĩu cành, những âm thanh kỳ diệu của ngàn thông trên quê ngoại và bao nhiêu kỷ niệm... đã trở thành



quá khứ xa xôi. Buổi sáng, tôi đứng trên ngọn đồi, giữa cánh đồng lúa tháng Giêng xanh ngát nơi ông bà ngoại tôi yên nghỉ. Nơi ấy, tôi nhìn về phía Mỹ Sơn, một vùng đồi núi chập chùng. Phía sau lưng tôi dòng Thu Bồn lững lờ trôi trong nắng tháng Giêng vàng óng.

Trên con đường về quê ngoại tôi ngày nay, xe chạy bằng băng trên đường nhựa, hai bên đường cờ hoa phất phới đón chào mùa xuân mới và quê ngoại tôi cũng đang chuẩn bị cho ngày lễ hội lớn - Lễ bà Thu Bồn 12 tháng 2 âm lịch hằng năm. Tôi nghe xa xa như có âm vang, và bóng dáng tháng Giêng mưa bụi, tiếng trống chầu hát bộ lệ kỳ yên. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Khi xong việc thì trời đã tối, tôi vội ra bãi giữ xe lấy xe chạy về nhà. Vì vội nên tôi sơ ý, khi dẫn xe ra khỏi cổng cơ quan, cái chông nghiêng quẹt vào thanh sắt đặt nằm ngang cổng để làm đường ray kéo cánh cổng sắt khiến chiếc xe ngã qua một bên, chạm phải cánh cổng, làm gãy cái nùm cổng tắc đèn báo quẹo xe mà tôi không để ý. Khi nổ máy xe, thấy đèn báo xin quẹo phải cứ nhấp nháy liên tục, tôi mới phát hiện chỗ cái nùm cổng tắc chỉ còn nhô lên một cái cần điều khiển đã bị vẹo sang một bên. Tôi vừa tiếp tục chạy xe trên đường, vừa lấy tay đẩy cái cần điều khiển để tắt đèn báo chuyển hướng mãi không được vì nó đã bị kẹt ở đâu đó. Tôi bèn dừng xe lại, lấy chìa khóa xe ra đẩy mạnh vào cái cần. Sau đó, tôi mở máy chạy lại. Bấy giờ, đèn báo không nhấp nháy nữa mà tự nhiên còi xe cứ kêu toáng lên. Tôi quỳnh quiu không biết làm thế nào để tắt tiếng còi xe. Chẳng lẽ cứ chạy xe về đến nhà với tiếng còi kêu inh tai làm phiền người đi đường như vậy sao? Mà đẩy xe về thì quá xa. Cũng không thể thuê xe ôm về nhà, vì biết gửi xe cho ai? Bỗng nhiên, có một người đàn ông tay cầm một chiếc tước nơ vút đi tới, báo tôi, “Có tắt máy đi thì tiếng còi im ngay chứ có gì đâu?”. Thì ra tôi quỳnh quá đến nỗi cứ để cho cái còi kêu ầm ỉ này giờ làm kinh động đến người có nhà ở ven đường. Nhưng người đàn ông đó nói thêm, “Tôi sẽ ngắt điện còi cho cái xe này. Có đi về, hôm sau nhớ mang ra thợ cho họ nối lại. Xe có bị chạm dây nên còi nó kêu không ngưng được”. Thế rồi ông ấy mở cái nắp đèn pha ra, loay hoay một lúc với một đồng dây nhỏ. Sau khi xong việc, ông ấy mở máy xe cho nổ, tiếng còi quai ác đã im. Bấy giờ cũng khoảng gần mười giờ tối. Tôi vội vàng lên xe chạy về nhà. Trên đường về, tôi giật mình, thì ra tôi chưa hề hỏi han ông ấy câu nào, cũng chẳng cảm ơn cảm iếc gì cả. Xin Văn Hóa Phật Giáo giúp tôi gửi đến người đàn ông tốt thư Hai 14-3-2011 trên đường Hòa Bình trước Công viên Dầm Sen một lời cảm ơn muộn.

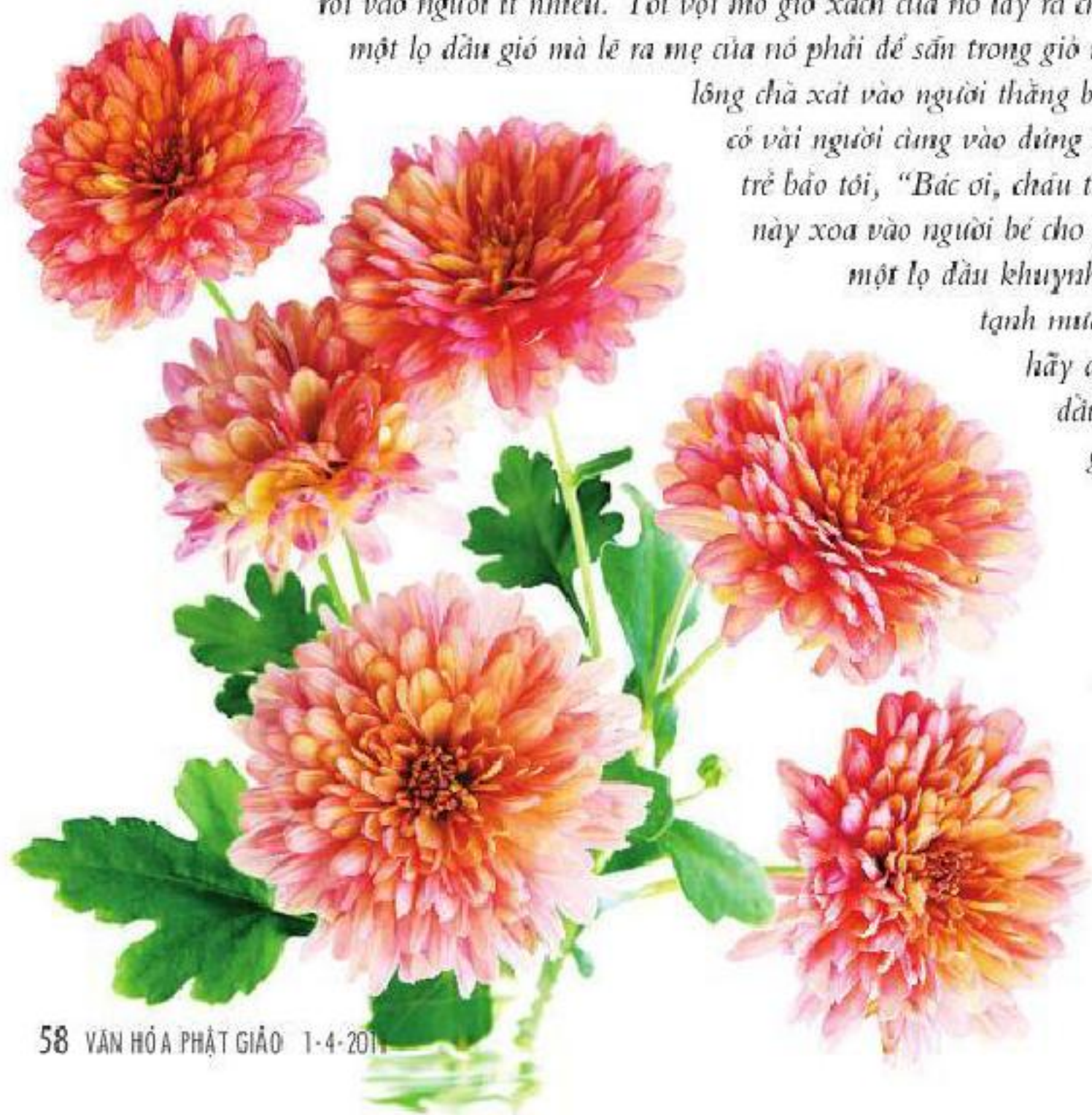
Lương Thị Thu Hoài, đường Vườn Lài, Tân Phú, TP.HCM

Chiều thứ Tư con dâu tôi nhận qua điện thoại nhờ tôi đón cháu nội ở trường mẫu giáo về, vì hai vợ chồng nó phải đi công việc đầu đô. Khi hai ông cháu tôi chờ nhau ra khỏi cổng trường được chừng một cây số thì trời bỗng đổ một trận mưa rào. Mưa Sài Gòn thật quái ác, đã trái mùa lại chẳng có điều gì báo trước. Tôi không mang theo áo mưa; thấy ven đường có một ngôi nhà mặt tiền có một khoảng hiên có mái che (một điều khá hiếm trong thành phố này ngày nay), tôi vội vàng cho xe vào trú mưa. Thằng bé cháu tôi cũng đã bị nước mưa rơi vào người ít nhiều. Tôi vội mở giò xách của nó lấy ra chiếc khăn lông lau khô cho bé. Tôi cũng có ý tìm một lọ dầu gió mà lẽ ra mẹ của nó phải để sẵn trong giò nhưng không thấy, tôi đành phải dùng khăn

lông chà xát vào người thằng bé để làm cho người nó ấm lên. Lúc ấy cũng đã có vài người cùng vào đứng trú mưa với ông cháu tôi. Một người phụ nữ trẻ bảo tôi, “Bác ơi, cháu thấy mới cháu bé tím rồi đấy. Bác lấy lọ dầu này xoa vào người bé cho ấm”. Vừa nói, cô ấy vừa đưa vào tận tay tôi một lọ dầu khuynh diệp gần như còn mới. Cô nói tiếp, “Trời có

tạnh mưa thì bác cũng nên xoa dầu cho bé ấm hân rồi hãy đi tiếp”. Trong lúc tôi lóng ngóng cầm lấy lọ dầu xoa dầu cho thằng bé thì mưa ngớt hạt. Cô gái vẫn ngồi trên xe vội nói với tôi, “Bác cứ giữ chai dầu mà dùng. Mưa tạnh rồi, cháu phải đi thôi. Mà bác nhớ chờ mưa tạnh hân hãy cho cháu bé đi tiếp nhé”. Nói xong, cô ấy phóng xe đi, tôi chưa kịp cảm ơn. Tôi hiểu rằng cô ấy cũng không cần lời cảm ơn của tôi mà muốn tôi cũng sẵn sàng mở lòng ra khi thấy có hoàn cảnh thích hợp. Tôi chỉ biết cảm ơn cuộc đời đã sản sinh những tấm lòng nhân hậu.

Trần Đức Hoài, đường Tô Hiến Thành, quận 10, TP.HCM



Nấm đùi gà kho sả ớt

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Trông chân nấm phình lớn không khác gì chiếc đùi gà nên được gọi là nấm đùi gà
- Là loại nấm chứa nhiều vitamin và khoáng chất tốt cho sức khỏe, đặc biệt là trợ tiêu hóa. Nấm giòn, có hương vị thơm ngon rất hợp với các món xào nấu.

Nguyên liệu:

- Nấm đùi gà: 300gr
- Sả: 3 cây
- Ớt sừng đỏ: 1 trái
- gừng: 1 miếng nhỏ
- Thân boa-rô: 1 khúc
- Gia vị: muối, tiêu, nước tương, dầu ăn.

Cách làm:

- Nấm đùi gà: cắt thẻ, rửa qua nước muối, vắt ráo
 - Sả: dùng gốc sả băm nhỏ
 - Gừng: gọt vỏ, băm nhỏ
 - Ớt: xẻ bỏ hạt, băm nhỏ
- Bắc chảo nóng với một muỗng súp dầu ăn phi thơm với boa-rô băm nhỏ. Lăn lượt bỏ sả, gừng, ớt đỏ, nấm đùi gà vào nêm gia vị xào chín, thấm.



Ảnh: Võ Lộc



CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE
CHÂN NGUYÊN®

Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp 0768A70A.

96H Võ Thị Sáu - P. Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659

82 Nguyễn Du - Q.1 ĐT: (08) 22422372

237 Trường Chinh, P. 12, Q. Tân Bình

C1 Đường số 4 Khu Dân cư Tân Trường, Đường Gò Ô Mây, P. Phú Thuận, Q. 7





NHÀ HÀNG CHAY ÂU LẠC HEALTHY WORLD

Website: www.aulachealthyworld.com



PHỤC VỤ CÁC MÓN CHAY PHONG CÁCH Á - ÂU



FAST FOOD



LẨU BĂNG CHUYÊN



BUFFET

**FAST FOOD
LẨU BĂNG CHUYÊN
CÁC MÓN Á - ÂU**

HỆ THỐNG NHÀ HÀNG CHAY ÂU LẠC HEALTHY WORLD

- 237 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM - Tel: 3899 2923 - Fax: 3899 2925
- 63-65 Nguyễn Kiệm, P.3, Q. Gò Vấp, Tp.HCM - Tel: 3894 0211 - Fax: 3985 1625 ***Lẩu Băng Chuyên***
- 239 Lê Văn Sỹ, P.13, Q.3, Tp.HCM - Tel: 3526 2391 - Fax: 3526 2389 ***Lẩu Băng Chuyên***
- 247-247 Bis 249 Hai Bà Trưng, P.6, Q.3, Tp.HCM - Tel: 3820 8728/ 29 - Fax: 3820 5728 ***Lẩu Băng Chuyên***
- 11A-13A Nơ Trang Long, P.7, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM - Tel: 3551 5013 - Fax: 3551 5020 ***Có Buffet***

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP.HỒ CHÍ MINH

TỔ IN ẤN

& PHÁT HÀNH KINH SÁCH

KINH - LUẬT - LUẬN - SÁCH

PHÒNG PHÁT HÀNH TRỰC TIẾP

380/1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
Tel: 38 48 32 28 - 38 48 38 00

**VĂN PHÒNG CHÍNH TẮNG TRỆT
THIỀN VIỆN QUẢNG ĐỨC**

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
Tel: 38 46 97 21 - 38 48 32 18



MANI MEDIA®
Thế giới Phật giáo

- Quay dựng các buổi thuyết giảng của Chư Tôn Đức Giảng Sư tại các tự viện.
- DVD, VCD, C D ca nhạc Phật giáo.
- Karaoke Phật giáo.
- Phim truyện, phim hoạt hình Phật giáo.
- Chụp ảnh theo yêu cầu.
- Tổ chức sự kiện, chương trình văn nghệ Phật giáo.
- Thiết kế dàn dựng sân khấu và lễ đài.

THIẾT KẾ PHẬT GIÁO LIÊN HOA

LOTUS DESIGN®

www.lotusdesign.vn

Quảng cáo, Danh thiếp, Tờ rơi, Lịch, Banner, Băng rôn, bảng hiệu, Brochure, Website, Catalogue,...

**CÔNG TY TNHH
TRUYỀN THÔNG MANI**

58 Nhiêu Lộc, P.2, Q.Phú Nhuận
Email: manimedia38@yahoo.com
lotusdesign38@gmail.com
Tel: (08) 35 17 22 68

Trụ sở chính: **CHÙA PHỔ QUANG**
64/3 Phổ Quang, P.2, Q.Tân Bình
Tel: (08) 39 97 97 88

SIÊU THỊ

PHÁP HOA

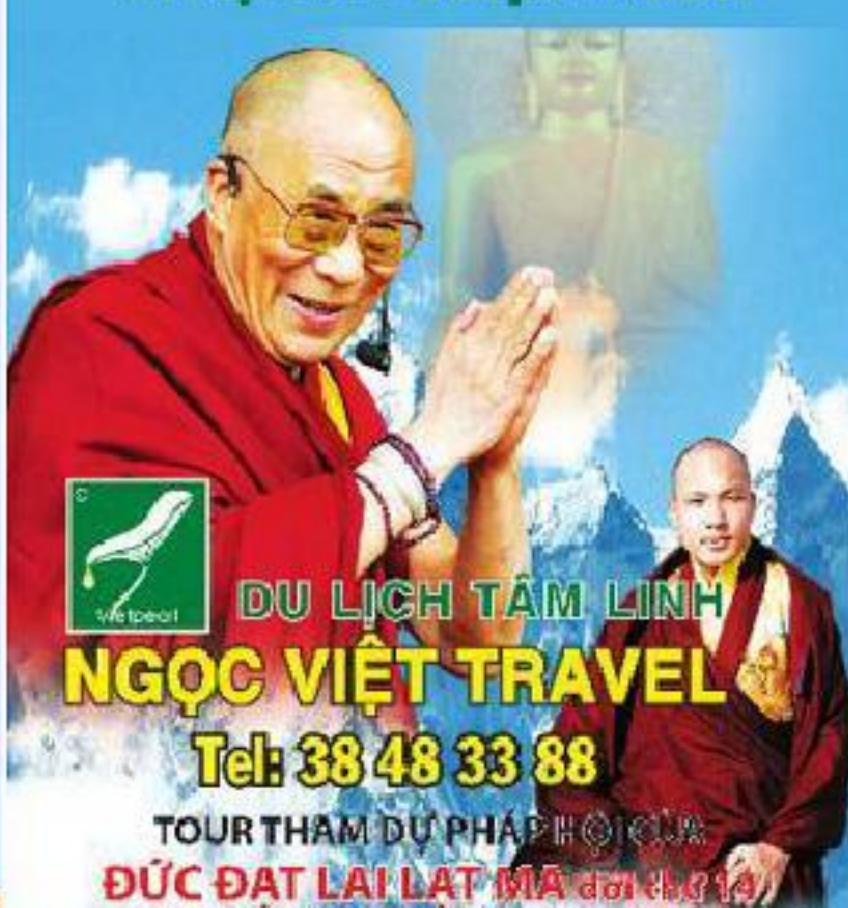
www.sieuthiphatgiaovn.vn

Tel: 3845 1828

CHÙA PHỔ QUANG

64/3 Phổ Quang, P.2, Q.Tân Bình

Vietpearl Corporation



**DU LỊCH TÂM LINH
NGỌC VIỆT TRAVEL**

Tel: 38 48 33 88

**TOUR THAM DƯ PHÁP HỒI CỨU
ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA ĐỜI THỨ 14**
LẦN ĐẦU TIÊN DÀNH CHO NGƯỜI VIỆT TẠI
DHARAMSALA - ẤN ĐỘ. KHỞI HÀNH 25/6/2011

TOUR ẤN ĐỘ - NEPAL 11 ngày
khởi hành từ Hà Nội 25/03/2011 (21/2 ÂL)
khởi hành từ TP.HCM 15/04/2011 (13/3 ÂL)
TOUR TÂY TẠNG
8 ngày, khởi hành 28/04/2011 (26/3 ÂL)
TOUR TÂY TẠNG - NÚI THIÊNG KAILASH
18 ngày, khởi hành 15/08/2011 (16/7 ÂL)
TOUR BHUTAN
7 ngày, khởi hành 28/04/2011 (26/3 ÂL)
TOUR TỬ ĐẠO PHẬT SƠN TRUNG QUỐC
khởi hành từ Hà Nội 11/04/2011 (09/3 ÂL)
khởi hành từ Hà Nội 18/05/2011 (16/4 ÂL)
TOUR MIỀN ĐIỆN
khởi hành 04/04/2011 (02/3 ÂL)

VIỆT CHAY

www.vietchay.vn

**Tel: 38 48 33 99
35 26 58 59**

CHÙA VĨNH NGHIÊM

339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3
Email: nhahangvietchay@yahoo.com



PHẬT NGỌC

Buddha Jade Co., Ltd

Email: phatngoc38@yahoo.com - www.phatngoc.vn

ĐỐI DIỆN

Tel: 3517 2828

QUAN ÂM TỰ VIỆN PHÚ NHUẬN

40 Cù Lao, P.2, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

Phát hành sĩ và lễ:
Các loại văn hóa phẩm Phật giáo
đặc biệt hàng Mật Tông
(Kim Cương Thừa)

**TRUNG TÂM
PHẬT NGỌC**

711 LÊ HỒNG PHONG, Q.10
(đối diện VIỆT NAM QUỐC TỰ)
Email: phatngoc_vnqt@yahoo.com
TEL: 397 97 168 - 397 97 138

**TRUNG TÂM
PHẬT NGỌC
CHUYÊN BÁN SĨ**

94 PHAN ĐÌNH PHÙNG, Q. PHÚ NHUẬN
Email: trungtamphatngoc@yahoo.com
Tel: 3990 3888

**VEGETARIAN RESTAURANT
& WIFI CAFÉ**



711 Lê Hồng Phong, Q.10, TP.HCM
ĐỐI DIỆN VIỆT NAM QUỐC TỰ
Tel: 397 97 128 - 397 97 168

Nhà hàng Chay

Vajra

PHÁP PHỤC

LAM HIỀN®

Lam Hiền tỏa sáng bước trang nghiêm...

Shop MAY & VP tại **CHÙA PHỔ QUANG** - 64/3 Phổ Quang, P.2, Q. Tân Bình.
Tel: (08) 399 77 200 - 0907 010 770 - Email: lamhien38@yahoo.com

Xưởng may tại Ấp An Hòa, Xã An Phú, Huyện Củ Chi, Tp.HCM - Tel: 2247 3388





Nét độc đáo của văn hóa Tây Tạng,
đặc biệt là văn hóa ẩm thực.
Hãy đến...để tự khám phá...

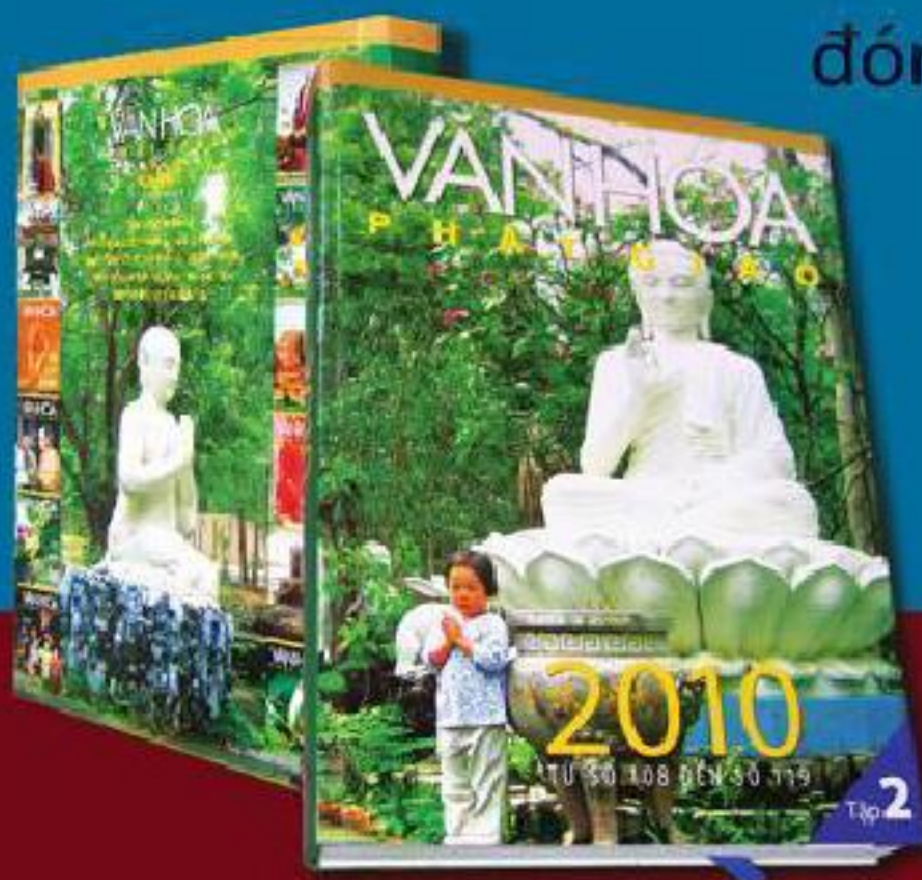


Nhà hàng chay **Vajra**

711 Lê Hồng Phong (nối dài), Q.10, TP.HCM

Đã phát hành Văn Hóa Phật Giáo

đóng bộ **Tập 2** năm 2010



Bạn đọc có nhu cầu xin liên hệ tại
Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP. HCM
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576



VINCOM



“Tốc độ, sáng tạo, hiệu quả trong từng hành động”

CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM

Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội

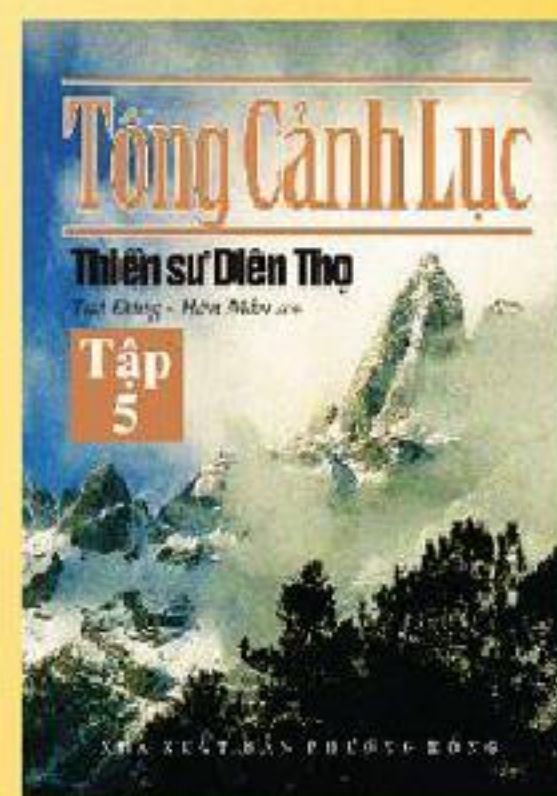
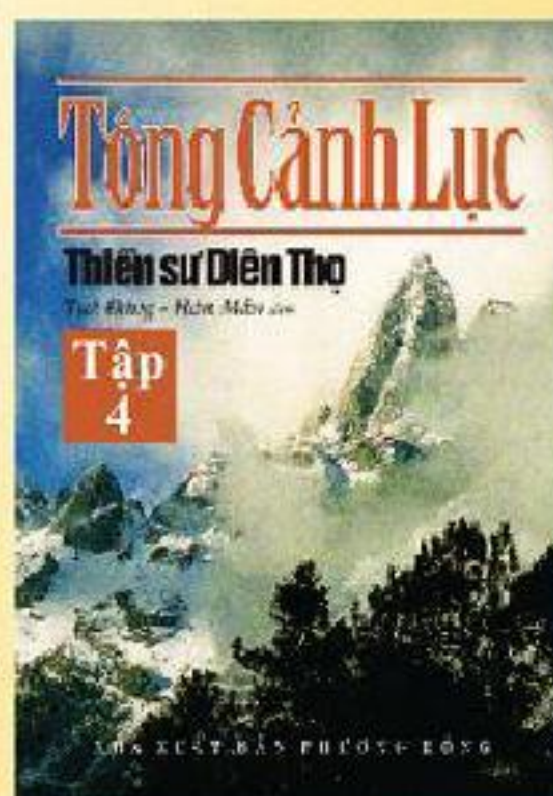
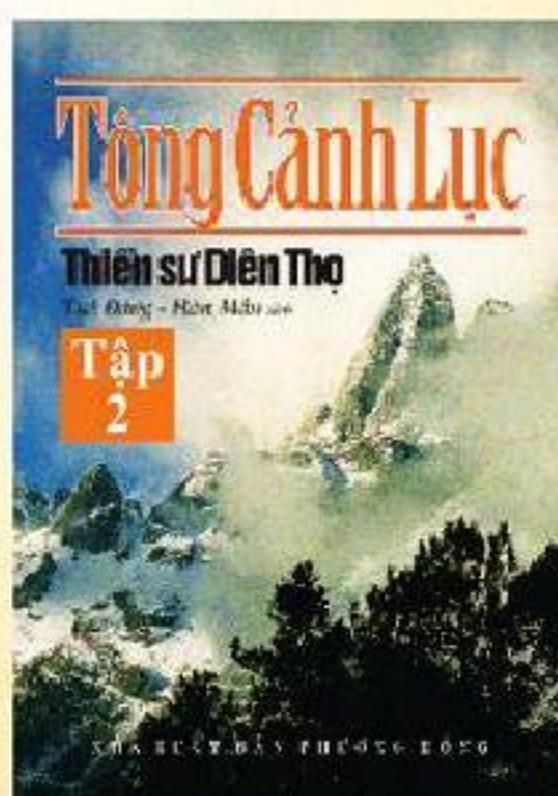
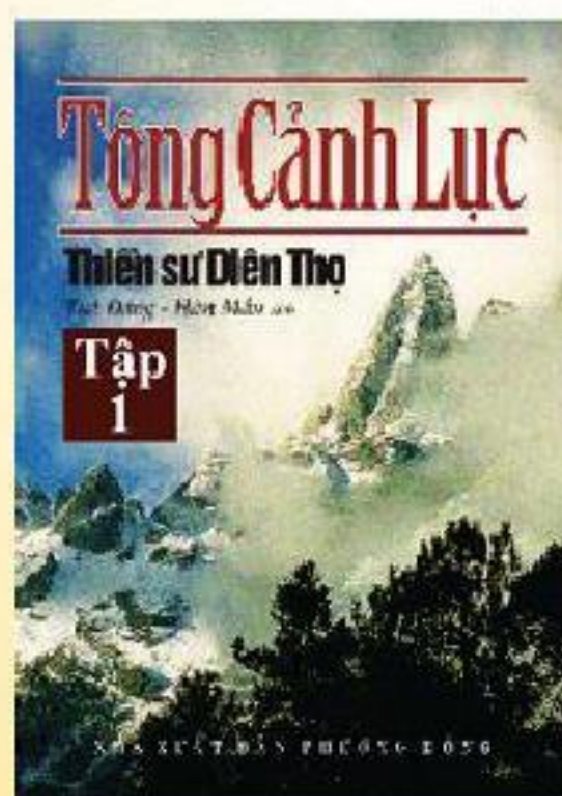
Tel: (84-4) 39749999 / Fax: (84-4) 39748888

www.vincom.com.vn



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

60/116 Lý Chính Thắng – Phường 8 – Quận 3 – TP.HCM
(Mặt tiền bờ kênh Nhiêu Lộc). Tel: 08.38482028



Giới thiệu sách **TÔNG CẢNH LỤC**

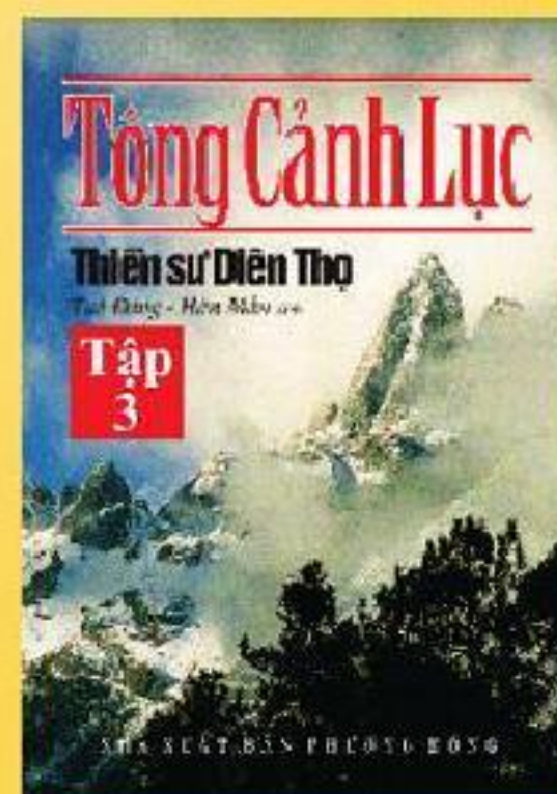
Gọi là "Tông Cảnh" vì soi chiếu u vi, không sót một pháp nên nghìn thứ sai khác cùng gặp gỡ, mới dặt thành nghĩa rộng rãi, tóm lược yếu văn, trình bày trong một trăm quyển, thấy đều thu về nhất tâm, có thể khiến cho biển giáo pháp sâu nhiệm được nhận biết rõ ràng, niệm niệm sáng tỏ hoàn toàn, vô tận chân tông, chính mắt thấy rõ và tâm tâm khế hợp. Như thần châu ở trong tay, trợn không còn tìm cầu, cũng như cây giác ngộ râm mát hoàn toàn tiêu mất dấu bóng, như nhật được ngọc thật trong ao mùa xuân có lẫn với sỏi đá, như nhận ra cái đầu của mình trước gương, cuồng tâm chóng hết, có thể nhổ sạch gai tà kiến, chặt phăng gốc rễ nghi, không cần dùng đến một xíu công phu mà mở toang kho tạng báu, chẳng phí một chút sức lực mà nhanh chóng được hạt châu nhiệm mầu. Đây gọi là nhất thừa đại tịch diệt tràng, thật đúng là nơi tu hành thanh tịnh, đây là cảnh giới Như Lai đã đạt đến, là pháp môn bản trụ của chư Phật.

(Trích Lời giới thiệu)

CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, Đường số 8, P. Phước Bình, Quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.



Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

SỐ 127

Phát hành ngày 15 - 4 - 2011

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
Số 1 - Tổ 2 đường Văn Quán,
P. Văn Quán, Q. Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666 - 0938 071 188

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy Nhơn
- Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang, Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân
31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa-Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 14.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG